

NGUYỄN NGỌC TU

nước chảy
mây trôi

Truyện ngắn & ký



Nhà xuất bản Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

Nước Chảy Mây Trôi

Tác giả: Nguyễn Ngọc Tư
Thể loại: Truyện Ngắn và Ký

Mục Lục

1. Qua cầu nhớ người
2. Mỗi tình năm cũ
3. Chiều vắng
4. Huệ lấy chồng
5. Nước chảy mây trôi
6. Nhà cổ
7. Lời cho Má
8. Cửa sau
9. Chợ nhóm bên đường
10. Chợ của má
11. Bạn nhậu cũ
12. Nguyệt - người bạn không biết viết văn
13. Quán Nhớ
14. Nhớ đất
15. Gió mùa thao thức
16. Mơ mùa đang tới
17. Hiên trước nhà một bà già tốt bụng
18. Chờ đợi những mùa tôm
19. Đất mũi mù xa
20. Tháng Chạp ở Rạch Bộ Trời
21. Ngủ ở mũi
22. Xa đầm Thị Tường
23. Một mái nhà

Qua Cầu Nhớ Người

C

hiếc sà lan chở người, vật liệu, máy móc đi xây dựng chiếc cầu bắc qua sông Dài chiều nay đến Đội Đỏ rồi. Những đứa nhỏ vừa chạy vừa la dài xóm, "Làm cầu! Làm cầu! Má ơi má!". Những cơn gió tháng Sáu đã làm cho tiếng reo đó bay xa, ai nấy đều nhồm đít ngồi dậy, bưng chén cơm lưng mà lòng vui tở mở, trời đất ơi, thiệt hả, thiệt là Hai Nhớ dẫn thợ về xây cầu... Có người chạy lại nhà một bà má ăn trầu môi đỏ như son, đứng ở cửa vồ đùi cái đét, "tôi biết lắm mà, hồi nào giờ thằng con chị nói là làm, nhẩn với nó, cả Đội Đỏ này mang ơn nó". Má cười miệng ờ ờ, "vậy hả, vậy hả" rồi nhìn đám công nhân xây dựng đang đứng lúp xúp dưới bến sông nhà mình, xơ rớ đứng ngồi, không biết mình đang vui hay buồn, cái rõ ràng nhất mà má cảm nhận được, nhà ta, con ta đã làm một chuyện động trời, bắc cầu qua sông Dài.

Đoạn sông Dài chảy qua Đội Đỏ không rộng lắm, nghe nói hồi chống Mỹ bộ đội bắc được cây cầu dừa tám nhịp để hành quân qua đánh chi khu Đồng Rạ. Được chừng mười ngày thì bị máy bay đánh sập, từ đó tới giờ, giữa đôi bờ đi lại chỉ nhờ chiếc đò ngang, chèo xuôi ngược cà tịch cà tang, bữa vui thì chèo khuya, bữa buồn chú Xái nghỉ sớm (độc quyền mà). Người Đội Đỏ nóng ruột quá. Lại Ủy ban xã thì nghe báo là chưa có kinh phí, cây cầu quy mô vậy, phải chờ tiền ở trên rót xuống, chớ xã nghèo quá. Dân bàn hay là để dân đóng góp lãnh đạo xã cười hỏi, "nhiều lắm, góp nổi

không..." rồi quảy cây vợt đi đánh tennis (chớ để sân không, đóng rêu hết còn gì).

Nhưng mơ ước về một cây cầu vẫn âm ỉ trong lòng của nhiều người Đội Đỏ, những người chiều chiều ra bờ sông để nhớ nhau.

Anh Hai với anh Năm, con của bà má ăn trầu cũng hay ra ngồi uống rượu ngoài bến. Má rầy anh Hai bày đầu cho anh Năm làm chi, mới hai mươi một tuổi đầu đã tập tành rượu chè, anh Hai cười, "Ngồi ngoài này gió quá, uống chút ít cho ấm bụng, má coi, con với thằng Hiệp có bao giờ say đâu". Má cắc cớ hỏi chơi (vì trong bụng đã có câu trả lời), "Ngoài này gió sao không vô nhà...". Anh Hai, anh Tư chỉ lặng lẽ cười cười, không nói, ngó qua bên kia bờ sông Dài.

Bên đó là chợ Đội Đỏ. Những đêm không trăng ánh đèn loang sáng cả trời bên này, đèn trong sân tennis trước Ủy ban xã, đèn treo trên cây cột điện cao dựa bến đò đèn từ dãy hàng quán ven theo con lộ cặp mé sông... Quán nước của chị Nhiễm cũng nằm trong cái vùng sáng bõn chồn đó.

Chị Nhiễm bỗng thằng Dương về bên ấy cũng lâu rồi, chắc không còn mong gì nối lại mối duyên đã đứt. Hồi trước, anh Hai thường qua nhà chị, nhưng càng ngày, càng thấy lợt lạt thêm chút ít. Hồi trước, chị Nhiễm giận dỗi, nín thinh, anh Hai mừng vì nghĩ, người ta còn giận là còn thương mình, bây giờ chị gặp anh thơn thớt nói cười, anh trả tiền ly trà đá đường thừa nhiều hay ít, chị cũng đưa lại. Chị hỏi chừng nào lấy vợ khác nhớ mời chị, chị đi bưng mâm cho, thản nhiên, tạnh ráo như chưa từng chiếu gối mận nong. Những đêm anh ngồi ở quán hơi khuya, chị nhắc, "Chú Xái cho đò sân nghỉ rồi, anh về đi". Anh nhắc thằng Dương ngồi lên đui

mình (giống như sợ bị giật lại), bảo "Con nó còn thức mà". Chị Nhiễm im lặng, vẻ mặt không bằng lòng, lại bỗng thẳng Dương vô buồng, dỗ nó ngủ. Thăng bé bị cấu ngang hông, tay chân quơ lia lịa như đang học bơi, miệng nó kêu ba ba. Anh Hai ngó theo, buồn thiu. Sau này chị mở lời, "Chuyện hai đứa mình coi như xong rồi, anh cứ nắm nuôi hoài, ai mà dám bước tới với tôi". Anh Hai nghe như có một cơn gió nào thổi tới bồi vào lòng.

Từ bữa đó, anh Hai ít qua sông, anh Hai nhờ anh Năm thường xuyên qua bên đó, để chơi với bé Tho, để coi có chuyện gì nặng nhọc, khó khăn giúp cho chị Nhiễm. Vậy là chàng vạng, anh Năm chài cái đầu mướt trượt, ăn mặc tinh tươm, chống xuống tà tà qua sông. Rồi anh Năm để lòng yêu chị Nhiên, em gái chị Nhiễm hồi nào không biết. Má hay được, rầy quá trời, cả chiếc xuống be mười kèm anh Năm lấy làm phương tiện để tối tối bơi qua quán chị Nhiễm má cũng cấm tiệt. Anh Năm đành lội sông. Nên anh biết sông Dài chỉ rộng bằng bốn mươi sáu cái sải tay, tại không có cây cầu nên người ta thấy nó xa đó thôi. Má biết không cản được anh nên hay thờ dài với những bà má khác, than phải thẳng Hiệp tôi không thích con gái Đội Đỏ thì tui qua Đội Vàng, Đội Tím kiếm vợ cho, mê làm chi chị em nhà đó...

Chị Nhiên lớn hơn anh Năm bốn tuổi, mới học may ở chợ Vàm về, chưa chồng, đôi mắt, khéo miệng, làn da... toát ra một vẻ ngọt ngào, hồn nhiên, xinh xẻo, cả cái mũi chun lại lúc cười. Tâm tính của chị Nhiên cũng lạ lùng, tưởng như nắm được trong lòng tay, lại xa xôi lắm, nên lúc thì thấy như có tình, lúc lại không. Có lần chị Nhiễm dò hỏi ý em, nhưng chị Nhiên không nói. Rồi ngó anh Năm lội sông về, chị Nhiên cười khúc khích, bảo "Người đâu mà hấp tấp, chế

coi, Hiệp không thềm dò chân trước coi nước có lạnh không mà nhảy ào xuống luôn". Những bữa anh Năm bắc ghế thay bóng đèn hay lui cui dọn quán, chị Nhiên thường lấy tay áp vào má anh, bảo, "Trời ơi, Hiệp mà làm chồng thì dễ thương phải biết". Nói xong chị cười giòn. Anh Năm đứng sững, thẹn thò với vành tai ửng đỏ. Đêm đó lội sông về, không nghe lạnh gì hết, vì trong lòng cồn lên một niềm thương nhớ nồng nàn, dường như mỏng lắm, nhẹ lắm mà say hoài, say hoài. Đến sân nhà thấy má còn thức, anh Năm không dám vô, đứng đập muỗi lép bép ngoài hè, mới biết thổi quanh mình là những cơn gió hiu hút. Má hay hết, má đặng hăng biểu anh Năm vô lấy khăn lau đầu tóc, xót ruột hỏi "Lạnh teo dái chưa con..." rồi má chuyển giọng buồn hết biết, "Sao mà anh em bây lại giống hết nhau, thương là thương lấy được lúc bỏ thì bỏ không đành. Gió máy như vậy mà ra sông ngồi làm chi không biết...".

Câu sau thì má dành cho anh Hai đặng lững thững ngoài bến. Anh thường nói với má anh quên chị Nhiễm rồi, nhưng anh ra sông vì nhớ thằng Dương. Nhớ quá chừng, ước gì có thể chạy vù qua thăm. Hôm qua anh Hai đón con ở trường, mua kem, hai cha con ngồi mút nhau nhào. Thằng bé sún răng nói chừng nào má có chồng con về ở với ba, mà ba có vợ thêm không... Anh cười, vỗ đầu nó, nói với cái giọng dứt khoát "Không! Dễ gì!". Chắc ghen ba. Ừ chắc. Thề đi. Thề thì thề, ba mà phản lời thề cho bà bắn ba đi. Thấy vẻ mặt tin tưởng tràn đầy của con, anh Hai nhớ, hồi xưa, mình cũng hay thề cái câu kỳ cục, mơ hồ như vậy với Nhiễm. Nên ngồi gần thằng bé Dương mà nghe nhớ nó, nhớ thêm muôn vàn chuyện nữa, nhớ tái tê trong lòng. Thấy thằng con đi dép ngược, anh Hai chột thềm được làm con nít, để khỏi

buồn nhớ chuyện qua rồi. Hai cha con ngồi dựa mé rào trường học nói chuyện trên trời dưới đất, rồi chia tay. Như thể mai một không còn gặp nhau, như thể một người sắp đi đâu xa lắm chớ không phải chỉ cách một con sông. Thấy anh Hai bước xuống chiếc đò đầy của chú Xái, Dương đứng trên bờ bệu bạo khóc, coi cái tướng bé bỏng, trơ trọi làm sao đâu. Có bữa nó còn gào lên, "Ba ơi, quay lại ôm con lần nữa đi, ba", làm ai nghe cũng rơi nước mắt. Có lần anh đi được nửa sông, Dương sức nhớ chưa méc ba là chú Quý công an xã hay nắm tay má hoài, nó chạy theo, ngã nhào xuống nước, may người ta vớt kịp. Hơn lúc nào hết, anh Hai nghĩ tới cây cầu.

Mười tám tuổi, anh Hai đã nổi tiếng dám nghĩ dám làm. Quen chị Nhiễm, biết chị thích tân cổ, anh đi đào đất mướn, sắm cái loa sắt mắc lên ngọn tràm bông vàng (bây giờ nó vẫn còn ở đó), chiều chiều mở catset cho Minh Vương, Lê Thủy ca bài "Duyên kiếp" lồng lộng trời Đội Đỏ. Cưới nhau rồi, anh đổi hai chục gạ lúa lấy cây đờn để gảy từng từng từng cho chị nghe chơi. Rồi anh đổi năm công ruộng để lấy chiếc máy suốt, đổi những ngày êm đềm (mà nghèo) bên người vợ trẻ để lang thang giữa đồng khời, những mong cuộc sống sẽ khá lên (tưởng lúc có tiền, sắm cho chị nhiều thật nhiều quần áo đẹp, chị sẽ vui), cuối cùng, anh đổi cả hạnh phúc của mình sau những ngày thừa vắng. Lần này làm cầu anh Hai biết mình sẽ phải hy sinh, sẽ phải đánh đổi nhiều thứ lắm. Anh về nhà thưa với má đừng buồn, anh sẽ đứng ra bắc cây cầu qua Đội Đỏ, má kinh ngạc, bàng hoàng quá nhưng gượng cười.

Cái cười ấy góp phần làm nên sự kiện nổi tiếng đất Đội Đỏ một người dân bỏ tiền ra để xây cầu. Một người học hành

không tới đâu, cũng không có tài năng nào đặc biệt. Lãnh đạo xã bị bất ngờ, phải triệu tập gấp một cuộc bàn coi có nên cho phép Hai Nhớ làm cầu không, cây cầu có phá vỡ cảnh quan của Đội Đỏ, có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của xã không, cha, cũng nhiều chuyện rối tinh rối mù. Chủ tịch xã than, "Thằng Hai Nhớ này lu bu thiệt, làm chuyện bự vậy mà không bàn bạc xin phép gì hết". Đám thợ được rước về từ miệt Châu Phú tới đây cũng té ngửa ra, tính đâu cái người tên Nhớ này giàu lắm, ai dè anh ta cũng nghèo, nhà vách lá, nền đất, xài nước ao, làm cây cầu này anh phải cầm cổ hết đất, vườn, chỉ còn trọi lỏi chỗ ở, vuông sân. Ngỡ cái tánh bợc trực, nông hậu, chân chất anh sẽ hạnh phúc lắm, đâu biết duyên nợ cũng trắc trở, dở dang. Bàn bạc mãi, anh em thợ nói sẽ không tính công, anh Hai cãi, "Vậy đâu được, anh em còn phải lo cho vợ con, cho ông bà già ở nhà".

Khảo sát thiết kế xong, thợ cầu Châu Phú bắt tay vào làm. Anh Hai, anh Năm cùng một số thanh niên trong xóm cũng ra phụ giúp một số công đoạn đơn giản. Nhiều bữa phải dầm mình dưới nước nhưng vui, trời ơi, tự tay mình bắc cầu để đi đến người mình thương nhớ không vui sao được. Nửa tháng sau, cầu đã hình thành dàn khung, ai đi qua cũng muốn đứng lại nhìn cho đã con mắt, muốn rờ rờ một chút, nghe lạ lắm, bàng hoàng như chạm được một giấc mơ. Anh Hai còn dẫn thằng Dương bò ra giữa cầu, thằng con vạch quần đái xuống sông. Ai cũng cười nhưng không hiểu sao anh Hai lại ôm con mình, đôi mắt buồn như sắp khóc.

Bây giờ tối nào anh Hai cũng cùng dẫn tốp thợ qua sông uống cà - phê, nghe nhạc xập xình ở quán chị Nhiễm. Hỏi mấy bằng cái lương đâu, chị Nhiễm cười hực hớ, "Đề đâu

mất tiêu rồi, lâu quá...". Anh Hai nghe thấy buồn, về leo lên ngọn tràm đem chiếc loa đã gỉ sét xuống, lật ngửa lên đổ đất vôi, trồng mấy bụi hành (tưởng làm vậy sẽ hết buồn). Hôm sau định không ghé chị Nhiễm uống cà - phê, nhưng thằng Dương chạy ra rủ ba đẽo súng cây, nắn máy cày cho nó. Nó hay ngồi nhìn anh, nhìn mê say, nhìn tới chảy nước miếng, anh hỏi con nhìn gì, nó cười, "Sao kỳ quá hà, ba ở đây sao con mắc nhớ ba hoài. Mai một cầu xong rồi, bữa nào con cũng chạy qua chơi với ba ghen ba". Anh không trả lời, chỉ vò đầu nó, đôi mắt buồn rười rượi.

Đầu tháng Bảy, cầu đã làm xong, người ta khen tấm tắc "đẹp y như cầu Mỹ Thuận". Bữa liên hoan tiễn những người thợ Châu Phú, ông Ba trưởng ấp còn đào cả chum rượu đã âm thổ mười năm lên, làm thịt luôn con heo cỏ. Đến lúc về, thợ làm cầu không nhớ đã thu dọn hết thiết bị máy móc thừa, có sót gì không, ai cũng say quá trời đất.

Sà lan rời bến lúc mặt trời lên, lúc mọi người trong xóm đang rủ nhau đóng góp chút ít tiền để phụ với thằng Hai Nhớ, lúc lãnh đạo xã đang bàn coi đặt tên cầu là Quyết Tiến hay là Thiên Trường, chớ để bà con kêu bằng cây cầu Hai Nhớ nghe kỳ quá, lúc chị Nhiễm tranh thủ thêu gối cưới khi quán vừa bớt khách, lúc thằng Dương đang mếu máo khóc, kêu, ba ơi ba, nhìn cây thước nhịp nhịp trên tay cô giáo, cô biểu phát âm cho đúng, chứ lớp Một rồi mà đớt đát "cục đắt, cây cấn, đầu lẩn, ông phật" thì không được.

Nhưng anh Hai đã đi rồi, gia nhập theo đám thợ rày đây mai đó. Anh Hai thưa với má, anh đi kiếm tiền về chuộc lại ruộng vườn, để lúc má xuôi tay nhắm mắt được nằm trên đất của mình, để em anh có tiền sang hỏi cưới Nhiên làm vợ

và phụ với Nhiễm nuôi thẳng Dương lớn... Anh Hai dặn má giữ gìn sức khỏe. Má cố cười tươi nhưng miệng không hiểu sao lại méo xệch, nước mắt chảy giàn giụa:

- Đừng lo cho má, có theo ông theo bà, má cũng đợi bây về.

Rồi anh đi. Đi xa mà cũng như đang ở lại (bởi cũng có người đang ở trước mặt đó mà cứ tưởng đã đi xa). Ai qua cầu cũng nhớ anh, không muốn nhớ cũng mắc nhớ, như chị Nhiễm. Nhiều người ngộ ra (nhất là mấy ông lâu rày đeo đuổi chị Nhiễm) "Thằng cha Hai Nhớ này khôn tổ cha chớ đâu có dại". Rồi chị Nhiễm lấy chồng, chị Nhiên cũng lấy chồng, mà không lấy anh Năm. Anh Năm chạy qua hỏi sao kỳ vậy, chị Nhiên cười ấn anh ngồi xuống ghế, xoa đầu anh, "Hiệp cũng giống hệt anh Hai, làm gì cũng không tính thiệt hơn, ở với Hiệp, chị không cảm thấy chắc chắn, lâu bền".

Anh Năm về, thất vọng, ghen ngào hỏi má, chân tình mà không chắc chắn, không lâu bền sao má, không đáng để được đền đáp sao má.

Má vuốt tóc con trai, không nói gì hết, má suy nghĩ. Có nên nói hay không lời xưa rày má thường dạy thẳng con trai lớn, rằng sống trên đời, thấy phải thì làm, mà làm cũng đừng nghĩ sẽ được đền đáp xứng đáng, vì có những thứ quý giá lắm, chẳng gì bù đắp được đâu.

Mỗi Tình Năm Cũ

Đoàn làm phim tài liệu về nhà báo liệt sĩ Nguyễn Thọ tạm trú ở trụ sở ấp văn hóa. Họ đã ở lại Mỹ Hưng thêm năm ngày, nhưng vẫn chưa mời được dì Thắm tham gia. Trần Hưng, tác giả kiêm đạo diễn phim, vốn là người kỹ tính, cầu toàn, anh bảo, làm phim Nguyễn Thọ mà không quay được chân dung người yêu ông, mỗi tình năm cũ của ông thì thà ở nhà chần heo cho vợ còn sướng hơn. Nên cả đoàn phải nán chờ trong căn nhà bỏ phế bấy lâu, đất nền bị heo ủi lục cục lòn hòn, bìm bìm leo xanh rờn một bên rèm cửa. Mấy ông già trong xóm lại thấy cảnh tình nheo nhóc, thở dài, tụi bây ở lì vậy không biết có ăn thua gì hôn đây, thằng Mười - chồng con Thắm - tánh tình khó khăn, ngang ngược, hồng giống ai...

Nên chỉ con người này thản nhiên khi thấy đài truyền hình Xê Tê tới, thản nhiên biểu vợ từ chối. Ngoài ông Mười ra, ở đây, ai cũng muốn được vô phim để kể về một Nguyễn Thọ anh dũng, tài hoa, đứa con thương nhớ của vùng đất Mỹ Hưng này, cho nói chút xíu thôi cũng được. Với Nguyễn Thọ thì làm phim nhiều tập mới xứng, nhóc chuyện. Hai mươi sáu năm rồi, nhưng mỗi ông già bà già đều nhớ thằng Thọ về lần nào cũng chui vô bếp lục cơm nguội ăn với mắt sống, có bộ đồ nhuộm pin đèn mặc chết bỏ luôn. Mấy ông bạn cùng tổ công tác vừa đọc truyện Mỗi tình nho nhỏ của Nguyễn Thọ vừa khóc, "Hồng có nhà văn nào được như nó, viết truyện ngắn mà ai cũng mê, thuộc lòng như bài ca cải lương, đám cưới, đám giỗ, đám ma đều đem ra làm văn nghệ được hết". Có ông khóc tồ tồ, "Cuống rún thằng Thọ

còn chôn ở đất này mà tụi ác ôn không biết đã thủ tiêu xương cốt nó ở đâu?”. Trần Hưng rất hài lòng với những đoạn phim vừa thu được, nó nổi bật lên phần đời của người chiến sĩ này, giản dị mà cao quý, bình thường mà phi thường. Và chỉ thiếu một câu chuyện tình nữa thôi, một chân dung nữa thôi, bộ phim sẽ sâu sắc, xúc động lắm. Chỉ cần dì Thấm thôi.

Nhưng đã cầu cứu chính quyền, thằng Thảo từ bên ngoại dong về năn nỉ má nó, lớp trưởng bồi ở xóm cũng lại bảo, “Thằng Mười mày cho con Thấm nó đi một lần nữa thôi. Chuyện làm phim phiếm này nọ coi vậy cũng là làm việc nước” nhưng ông Mười vẫn nín thinh, ngồi vẫn thuốc, uống trà, nhìn xa xôi. Mấy ông già đội ra, chống gậy te te về, bụng chửi, cái thẳng, coi mặt chữ điền bự vậy, cái miệng rộng vậy mà ích kỷ, hẹp hòi. Nó không cho con Thấm đi chắc tại ghen chớ gì. Thằng Thọ chết ngắc rồi mà còn ghen.

Bảy năm trước, lúc ông Mười đem hết thảy bốn chín cái thư của Nguyễn Thọ gửi dì Thấm đi đốt hết, cũng không ai cản được. Mấy ông viết sử của tỉnh kêu trời, đồng đội đồng chí của Nguyễn Thọ cũng kêu trời, phải chi còn, đem in vô tập những bức thư tình hay nhất (mặc dù chưa ai được xem Nguyễn Thọ viết ra làm sao). Nhưng thư đã thành tro rồi, ông Mười nói ông không cần biết chuyện giữ gìn bút tích của Nguyễn Thọ để làm tư liệu lịch sử, lưu lại cho thế hệ mai sau gì hết, ông thấy chướng mắt nên đốt, có bậy thì đem ông bỏ tù đi.

Nhưng có ai bị bỏ tù với lý do lằng xẹt như vậy đâu. Chỉ thằng Thảo, con của dì Thấm và Nguyễn Thọ, là buồn lòng, bỏ về ngoại ở. Dì Út Thía không chồng ôm đứa cháu nhỏ vô

lòng, biểu mai một lớn rồi cháu hiểu. Có gì mà phải đợi lớn, hồi đó tới giờ, thằng Thảo có chọi chết gà nhà nào, có bẻ trộm trái ở vườn ai, bà con đều xuề xòa bỏ qua, nó là con Nguyễn Thọ mà, tội nghiệp... Họ còn bảo ở ngoài tỉnh nhiều đứa cậy ông cha mình có công còn làm chuyện bậy dữ hơn nữa kia... Chỉ có ông Mười là rắn đe, dạy dỗ, ghìem nó như ghìem con ngựa bất kham. Thằng Thảo trở nên đàn hoàng, tử tế, nhưng gặp bất cứ chuyện gì, trong lòng nó cũng có vết tì, tại mình hỏng phải là con ruột của ông... lâu ngày, ý nghĩ ấy đầy như nước lên tròm tròm trên mặt đập. Và khi ông Mười ngồi dựa cái cà ràng đốt xấp thư của ba Thọ, nước đã vỡ bờ, nó lằm lì xếp hai cái quần cụt với mấy cái áo bỏ xuống bên đón tàu. Dì Thắm không thể giữ nó lại. Ông Mười lặng lẽ ngồi đốt thuốc, ngó cái lưng tôm của thằng Thảo dưới bên, lòng trĩu như đeo đá. Ông thương nó bằng chang con ruột ông đó chớ. Bây giờ nó không hiểu, chừng nào nó lớn, yêu thương ai đó, nó sẽ biết mà. Thằng Thảo đi rồi, nhà thành ra nặng nề, dì Thắm, người hiểu ông Mười nhất cũng giận, không thềm nói chuyện, có gọi thì cũng trống không.

Chuyện nguôi nguôi đi, nhà vẫn buồn, nhưng ông Mười không đau lòng như những bữa từ ngoài ruộng về, ông nhìn thấy vợ cầm xấp thư ở góc nhà, ngồi khóc lặng. Ông thương vợ, cứ nhớ hoài vậy thì đời được mấy ngày vui. Ông đem thư đi giấu trong kẹt bồ lúa, dì vẫn tìm ra, vẫn những bữa đi đâu xa về, dượng thấy đôi mắt vợ mình sưng húp. Buộc lòng ông đem thư đi đốt. Chỉ còn cách đó mới tìm lại nụ cười nhẹ nhõm đậu trên khuôn mặt nhẹ nhõm, vô tư lự như những ngày dì Thắm mới mười tám, hai mươi.

Cả đời, ông chỉ mong người trong nhà hiểu mình chứ trông gì người thiên hạ. Với cái tánh lằm lì, lạnh lùng, ít nói, có

nói cũng chậm rãi, huỳnh đãi, thật khó để bộc bạch mình trước người. Về Mỹ Hưng với dì Thắm từ sau giải phóng, ông chưa cãi cọ, méch lòng ai, suốt ngày chăm chút cho mảnh ruộng miếng vườn, cho bốn đứa con vừa chung vừa riêng nhưng đất quê vợ mãi mãi không yêu ông như một đứa con ruột thịt. Vì ông lấy người yêu duy nhất của Nguyễn Thọ làm vợ (đáng lẽ phải để dành), rồi sau đó không cho vợ đi dự những cuộc họp mặt, hội thảo về Nguyễn Thọ (làm vậy không phải là quay lưng với quá khứ sao ?) và cũng vì cách ông dạy thằng Thảo (đáng lẽ con của Nguyễn Thọ phải được nâng niu, chiều chuộng). Mặt mày thì đen sì, không biết vui hay buồn, già đầu rồi chưa nói câu nào nghe ngọt ngào với vợ. Ông Mười nghe, buồn quá mà cười.

Ngay bữa đầu Hưng đến, vừa bảo làm phim về Nguyễn Thọ ông Mười đã chụp cái nón lá lên đầu, bảo phải đi cửa cúi. Hưng nấn ná lại với dì Thắm, hỏi dì có ngại không khi kể một chút về Nguyễn Thọ, đoạn ổng với dì yêu nhau ấy mà. Dì cười, ngẩng lên, khóe miệng nhẹ tênh, lắc đầu. Dì không ngại, với làng xóm láng giềng và cả với chồng. Thương người tử tế như anh Thọ thì ngại gì với bà con, lấy ngay thằng ác ôn nào mới mắc cỡ chớ, còn với ông Mười, dì kể rồi, bộc bạch hết chuyện xưa rồi, từ hồi hai người gặp nhau ở nhà máy chà Xả Chọt. Dì thuật tường tận những chỗ hai người gặp nhau, cả những lời thề hẹn. Dì rót trà mời Hưng, rồi bần thần nhìn ra sân, chỗ ông Mười hí hụi kéo cửa một mình, lưng đấm mồ hôi, dì bảo, thiệt tình tui hông có gì giấu ổng đâu, nhưng chuyện hồi đó với anh Thọ... tôi nhớ hông hết. Già rồi...

Khách ra về thì trời đổ mưa, mưa mà nắng vẫn chang chang trên đầu, trời hầm hập nóng, dì Thắm đi te ra chỗ đồng cúi,

tần ngần nhìn chồng một chút rồi dang hăng. Ông Mười không ngẩng lên. Dì lại e hèm, ngoảnh nhìn quanh quất, kiểm chuyện để nói :

- Cúi bằng cườm tay để tui bữa cũng được, ông چرا chi mắc công hôn ?

Ông không ngẩng lên :

- Mắc công gì, mớ bình bát này khô quá, tôi có bữa thử, nghe dội búa, sức tôi còn vậy, ốm yếu như bà sao chịu nổi.

Dì không nói nữa, ngồi dưới gốc ô môi, bới lại cái bới tóc nhỏ teo ngắt như trái cau. Ông Mười chột ngẩng lên, đưa khuỷu tay lau mồ hôi chảy tràn trên mặt, hỏi:

- Tính đi không ?

- Không. Đi gì mà đi, lu bu muốn chết. Lên phim hồng biết nói cái gì, hư truyền hình của người ta.

Giọng dì tỉnh rụi, như để bảo chồng đừng lo, chuyện phim gì đó dì không để bụng, không thềm quan tâm đâu.

Tối sau Trần Hưng rủ thêm vài người tới nhà dì Thắm, anh không quên xách theo chai rượu với mớ khô cá kèo mua dăng đầu xóm. Anh nghĩ con người này không dễ thuyết phục đâu, đem rượu lại coi có mở lòng ổng ra được không. Nhưng anh lằm, càng uống ông Mười càng im lặng. Nhậu đã đời cả đám cà xình cà xang về chỗ trụ sở ấp văn hóa mà không nói được gì hết, không thể nói. Trần Hưng nằm ngẫm nghĩ, thấy vừa rồi mình giống như con diều hâu ngồi nhậu với một con gà trống đang xù lông thủ thế bảo vệ vợ con nó.

Lần thứ ba Trần Hưng lại nhà dì Thấm, anh đi một mình. Và thêm một chai rượu nữa. Anh thôi làm điều hâu mà là một con gà trống hiểu biết khác, anh nói anh tới để từ giã, ngày mai đoàn phim về để làm hậu kỳ cho kịp ra mắt Ngày Báo chí Việt Nam. Anh cười xòa, bị trặc trở như vậy cũng buồn, nhưng không sao đâu, có lần đi làm phim tụi tôi còn bị người ta vác đá rượt. Làm công việc này có lúc cũng đi moi móc nỗi đau của người khác ra, giày đi giày lại... Tôi cũng thương vợ như anh Mười đây, nhìn thấy vợ nó đau khổ, buồn bực chuyện gì, tôi cũng xót ruột lắm. Đôi mắt ông Mười dịu lại, ông xoay mãi ly rượu trong tay, rồi hớp từng hớp một, từ tốn như uống trà. Một hồi Hưng khật khờ đứng dậy từ giã, ông Mười mới lên tiếng, "mai vợ chồng tôi lại". Hưng nghe mừng như đánh lô tô trong bụng, thì ra trên đời này, ai cũng khao khát gặp được tri âm, gặp được người hiểu lòng mình.

Sáng sau, ông Mười lấy xuồng đưa dì Thấm theo kinh Cỏ Chát ra Gò Cây Quao. Nghe chồng biểu thì đi vậy chớ lòng dì Thấm cũng bần thần. Cuối vòm con kinh này là nhà ngoại dì Thấm, nhưng lần nào qua cúng giỗ, dì đều chèo vòng qua kinh Nhà Lầu để về. Bởi vì mỗi lần đi ngang, dì đều không nén được nỗi đau. Dưới kinh ngó lên, có thể thấy chòm cây xanh rì giữa đồng khời. Ở đó, hồi xưa là chỗ hẹn hò, dì quen thuộc từng bụi cây ngọn cỏ, từng bờ đất. Nguyễn Thọ cũng đã hy sinh ở đó, chỗ mé đìa lục bình, bên cây quao cụt ngọn.

Vì vậy mà Trần Hưng mới dắt mọi người ra Gò Cây Quao để quay cảnh kết, anh còn chu đáo rước cả thằng Thảo về. Đất đồng mùa này đã cày, bờ mầu chơ vơ những bụi cỏ ống, bụi

rạ bị đốt cháy nham nhở. Một đoàn người lặc lè đi dưới cái nắng thánh ba như chó le lưỡi. Ông Mười ngồi lại dưới xuống, đốt thuốc, dăm dăm ngó khói lên trời.

Tới chỗ chòm quao lớn giữa đồng, họ dừng lại. Trong khi đoàn làm phim đang chỉnh trang máy, chọn góc quay, mọi người xúm lại cái cây có nhiều vết đạn nhất, kéo thẳng Thảo lại, nhắc chuyện cũ mèm, "Hồi đó ba mà y núp ở đây nè, một mình nó ở lại chặn cho tụi thẳng Ninh dẫn đám thanh niên rút. Để coi hồi đó inh là là thánh năm hen, anh Tám, cả xóm lúc đó cà núp cà ló vừa dòm chừng máy bay vừa cấy lúa...". Dì Thấm cứ lẩn bấn không biết đứng đâu, ngồi đâu. Thẳng Thảo kéo tay dì, tí ta tí tởn : "Ba Thọ chết ở đây nè má, lại coi đi". Dì rầy, có gì mà coi. Trần Hưng lôi ra trong túi áo xấp hình Nguyễn Thọ đưa dì Thấm, đây là tư liệu quý giá nằm trong mớ hồ sơ bên Mỹ mới gửi ngược về. Trên những tấm hình trắng đen cũ kỹ hiện lên một hình người nằm cạnh cây súng đã gãy (nghe nói chính anh đập gãy sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng). Một vương ngực vỡ toác. Đôi mắt và đôi tay bị bọn ác ôn băm nát... Dì Thấm run rẩy nhìn những bức hình, hức lên một tiếng rồi rũ xuống như tàu chuối héo.

Trần Hưng chỉ chờ có vậy, anh là tay trùm trong việc dẫn dắt cảm xúc, anh hồi người quay phim hướng vào khuôn mặt của dì Thấm đang dăm dĩa nước mắt. Trời ơi, cảnh này xúc động lắm, chân thực lắm, mấy nhỏ diễn viên chuyên nghiệp nhìn đây mà học. Trong một tích tắc, thẳng Thảo lặng đi, nó nhìn không ra, không hiểu được người mẹ hồn hậu mủ mĩ hay cười của nó mới đây bỗng biến mất đâu rồi chỉ còn lại một người đang quay quắt đau thương, vất kiệt mình như cọng rạ cuối nắng.

Mãi dì Thấm không mở lời nói được, chỉ khóc là khóc, nước nở ồ ồ, nhìn cảnh mọi người xúc động, hỉ mũi rột rẹt nhưng không ai bước ra đỡ cho dì nín. Cho đến khi ông Mười xuất hiện, ông bảo, “mấy chú làm ơn dừng lại một chút” rồi cầm cái khăn rằn lau nước mắt cho dì Thấm, dì như trẻ con, lau khô rồi nước mắt lại trào ra. Ông Mười vẫn nhẫn nại chậm chiếc khăn lên khuôn mặt chớm già của dì, không nói gì hết, khuôn mặt bì sì của ông hơi dúm lại, dường như ông cũng đau lắm, xót lắm.

Cậu quay phim hỏi, quay nữa hôn, Hưng gật, xong lắc đầu, thôi, cảm thấy mình hơi có một chút nhẫn tâm.

Cuối tháng sáu, phim được chiếu trên truyền hình, phim thiệt là hay, thiệt xúc động, chân thực, đúng với phong cách Trần Hưng. Tất nhiên, phim không có cảnh ông Mười lau nước mắt cho vợ, nhưng những người có mặt chứng kiến buổi quay phim hôm ấy, cả thằng Thảo, là nhớ, cứ mỗi lần màn hình lướt qua vẻ mặt đau đớn, đẫm nước mắt của dì Thấm, họ lại nhớ tới một chiếc khăn, một bàn tay thô, một tấm lưng rộng.

Chiều Vắng

M

gày dì Út Thu Lý tròn bốn mươi bảy tuổi, dì từ già thêm một lượt ba cái răng. Buồn quá trời đất, dì lại chùa Phấn, than với sư Huệ bây giờ không biết làm sao giáp mặt anh Tư Nhớ, răng cỏ trống hơ trống hốc vậy... Bà sư già nghe xong niệm Phật mà không nén được cười. Dì Út mượn gương, soi mình vào đấy, thấy tóc bạc, mặt nhăn, kỳ lạ thay, dì thấy cả một nỗi buồn rất lạ thăm thẳm trong lòng mình. Dì đứng đó một chút, rồi dì te tái cặp nón đi, hỏi đi đâu, dì bảo ra vườn thuốc.

Nhà cậu Tư Nhớ cũng ở đó, xiêu xiêu giữa vườn thuốc Nam, quanh năm nồng nàn hương hoa cỏ. Nhưng cậu không có nhà, cậu đang dự đám tang trên Lung Dừa. Cậu 'đuổi quỷ' trong đội đạo tỳ của chữ thập đỏ xã. Gần mười lăm năm cầm đuốc múa quanh quan tài đến chai tay, lửa phà nám mặt, mấy lần ngậm dầu phun lửa bị sặc trời chết. Càng lớn tuổi cậu càng tưng tưng, ai cũng nói, ổng bị sặc dầu quá trời đất như vậy mà không mát dây cũng uống. Cậu nghèo, nhưng đèo bông nuôi một thằng nhỏ mồ côi cha mẹ. Bình thường thì thằng Lụm kêu bằng tía, nhưng có lúc, kêu vậy, cậu la thấu trời, "Mầy làm như tao già lắm vậy, kêu tao bằng anh đi, bằng thằng cũng được nữa". Một tháng ăn cơm nhà chừng ba bữa, còn hai mươi bảy bữa cậu dọn vườn, chặt thuốc cho chùa nên được đãi cơm chay, hết việc, cậu dắt thằng con lang thang làm mướn dài dài theo xóm, ăn cơm ở đó luôn, đội đạo tỳ có việc thì hai cha con dùng cỗ

đám tang, lắm lúc cậu về nhà biểu thằng Lụm, "Đồ nước mắt vô kho quẹt ăn. Tao ngán thịt heo thối trời rồi".

Chỉ nhà dì Út Thu Lý là cậu không bao giờ lui tới. Hồi bà Hai, má dì còn sống, ra đường chạm mặt, tránh không được, cậu mới mở miệng, giọng có một chút hằn học, một chút chua xót, một chút mỉa mai: "thưa má!", rồi cậu cun cút đi thẳng. Những chiều ngang qua nhà, thấy bà Hai bắc cái ghế ngồi ngoài hàng ba là cậu cởi quần dài, tụt xuống mé kinh, lội qua khỏi đoạn đó mới ngoi ngóp lên bờ. Đám trẻ trong nhà thấy cảnh đó cười ngất nga ngất ngẻo, chỉ dì Sáu Thu Lý là chua xót ngẩn ngơ, người coi tưng tưng vậy mà giận dai ghê hen. Rồi dì tự hỏi, nếu mình là anh ấy, thì mình có giận không?

Giận. Bởi gió kia, mưa kia, những mái nhà chiều chiều khói tỏa kia, người phụ nữ đang na cái bụng bầu lắc lĩa qua ngõ kia, và những đứa trẻ kia, cả thằng Lụm... hết thảy đều làm cho người đàn ông đó nhớ một mái ấm đã bị tước đoạt của mình.

Bởi nếu con cậu còn sống, bây giờ chắc nó cao hơn thằng Lụm. Những khi ngồi nhớ lại, cậu ứa nước mắt, ước gì mình được nhìn thấy nó một lần, một lần thôi, sau này có sặc dầu hay chết hụt dưới mương, cậu có lẫn lộn việc này việc khác, dứt khoát cậu sẽ không quên được hình bóng vợ con mình.

Nhưng cả mơ ước đó cũng bị má vợ cậu, bà Hai cướp đi mất. Khi dì Ba Thu Lê để lòng thương cậu Tư Nhớ, roi đòn mấy cũng không cản được, bà đã nghiện rằng trèo trẹo khi nhắc tới cậu, "thằng ăn cướp". Sinh cả thảy sáu người con, chỉ có hai đứa con gái, dì Út Thu Lý vụng về, đĩnh đoàng, như trẻ con, vui buồn ra mặt, bà Hai dồn hết tình thương

cho con gái Thu Lê vén khéo, nhu mì. Hồi đó, dì Ba mới hai mươi tuổi, trong lòng người mẹ, dì còn non nớt, dại khờ. Ai mà ngờ một bữa dì bỏ bà đi... Nhà cậu Nhớ cách nhà bà một quãng đường xóm, những bữa đi ngang qua nhà, bà Hai nghe giận nhói ngực khi thấy con gái mình khép nép đi cạnh chồng, mắt ráo lờ, ngó vô nhà như thể nước lả người đứng. Cái nhìn van lơn và hối lỗi của cậu Tư Nhớ nhỏ nhoi trước biển lửa giận hờn trong trái tim người mẹ. Không bảo nhau nhưng cả hai người đều hy vọng, dù lâu lâu lắm nhưng sẽ có một ngày bà tha thứ.

Hồi đó, gia tài của hai người chỉ có căn nhà dựng trong vườn chùa với chiếc xuồng. Dì Ba hay cười, an ủi, "Anh buồn gì, xóm mình đâu chỉ nhà mình nghèo...". Dì làm bánh bò, sáng sớm hai vợ chồng chèo dãi theo các xóm ven Đầm bán, buổi chiều họ xin rơm chở về gieo cải, trồng rau trên liếp nhỏ kế bên nhà. Đạo đó, người ta đồn về nơi này để theo những con rạch ngoắt ngoéo ra cửa sông Thầy Xúi vượt biển tìm đất hứa. Nhiều bữa thấy người ta lữ đường, vợ vất ngoài bờ bụi, khổ sở với bầy muỗi lá, cậu Tư cho quá giang, cho ngủ lại, san sẻ ít chén cơm nguội. Cậu với dì không hỏi họ đi đâu, làm gì, hỏi họ cũng không nói thiệt, chỉ nghĩ trong bụng, xứ sở mình đây mà hồng ở, đi làm chi cho cực thân vậy không biết. Cho tới một bữa, trên đường chở rơm về, cậu bị công an xã bắt vì tội đưa người vượt biên. Cậu Tư Nhớ có kêu oan, nhưng các anh công an cười, hỏi bà già vợ thừa mà còn oan ức gì? Cậu nghẹn lời, vì ngỡ ngàng và vì đau xót.

Lúc đó là tháng Năm, đôi vợ chồng trẻ đang nôn nao đếm ngược từng ngày chờ đến sang Giêng sẽ đón trẻ con ra đời...

Bốn mươi ba ngày sau cậu Tư được minh oan. Lúc về thì cỏ đã mọc xanh lối vào. Giồng cải bên nhà trở bông, ngồng cao tới ngực. Lúc về, chuột cắn rơm làm ổ trong cái cà ràng trên bếp. Lúc về, người cũ không còn ở chỗ cũ, nhà lạnh ngắt, buồn xo. Cậu Tư Nhớ uất quá vác cây mác vót chạy tới nhà bà Hai đòi người. Bà đứng chặn ở cửa, mặt thản nhiên, lạnh tanh như đồng, bảo "Ở đây không có gì liên quan tới cậu. Con tôi nó ra chợ ở rồi, còn con cậu hả? Ra bãi rác ngoài trạm xá xã mà kiếm". Cậu Tư nhớ hoài, nhớ đời đời kiếp kiếp cái vẻ mặt chai đá của bà Hai, cậu cười, sao con người đối với nhau có thể cạn ráo đến vậy.

Cho đến bây giờ dì Thu Lý vẫn còn nhớ giọng cười của cậu hôm ấy, nó lạt nhách, không dư âm, như thể đá cười. Cho đến bây giờ, gặp dì, cậu vẫn hay cười như thế, có lúc cậu còn làm ngơ không thèm nói chuyện. Nhưng dì không giận, vì nghĩ nhà mình nợ anh ấy rất nhiều, cho tới khi má dì nằm xuống, món nợ ấy vẫn còn nguyên.

Người ở xóm Rạch Ruộng ai cũng biết dì Út Thu Lý thương cậu Tư, họ dạy con nít ngạo chơi "Trồng tre trở gốc lên trời. Con chị qua đời rồi tới con em". Nghĩ cho nghiêm túc, hai người này cũng thật xứng đôi vừa lứa. Ngày nào dì Út cũng đi làm công quả ở chùa Phấn, hết thuốc tiếp sư cô, lúc rảnh chạy qua nhà cậu Tư Nhớ quét cái nhà, lau bộ ván, cho chó, mèo ăn. Dì coi nhà cậu như nhà mình, nên quen cái lối đi hẹp te giữa bộ ván ngựa cũ kỹ và chiếc giường. Quen với căn bếp nằm chếch phía trái, đó là một góc tù mù khói, nhưng đó là một chỗ ấm áp nhất. Mấy đứa con nít khen dì giống cô Tấm trong truyện cổ tích quá trời.

Bây giờ gần hai mươi năm rồi, tóc đã trắng những sợi già, chuyện tình đó vẫn chưa đi tới đâu, chiều nay lại, thay vì lòn tay qua lỗ vách mở cái móc khoá quen thuộc ra, dì Thu Lý tự nhiên giữ lễ, đứng chờ ngoài cửa. Thằng Lụm về trước, thấy dì, nó cười, hỏi "Ủa, sao Út không vô?". Dì bảo, "Vô gì, nhà người ta mà". Thằng Lụm nhìn dì lom lom, nó thấy dì bữa nay lạ quá, không biết có phải tại rụng mấy cái răng không. Nhưng lúc đó đã nghe tiếng đá banh dội binh binh đặng xóm, nó rảnh đâu mà thắc mắc, vọt đi mất. Cậu Tư Nhớ qua khỏi lùm nhãn lồng, làm như không thấy dì Thu Lý, vạch cái cửa đi tuốt vô nhà. Cậu Tư Nhớ ra ngoài giàn ôm củi vô, rồi chống mông thổi lửa nấu ấm nước, khuôn mặt cậu tỉnh rụi. Nước sôi, cậu đi rửa cái bình mẻ vôi, châm trà. Cậu chống rèm cửa sau lên, lau bộ ván ngựa đầy dầu chân gà, quét cái nhà vương vãi rác, rồi ngồi uống trà. Cái vạt áo màu bông cà của dì Thu Lý vẫn phơ phất bên ngoài cửa. Muối kê o e xà quần bên lỗ tai, ờ, giờ này muối bắt đầu bay khỏi đám lá đi kiếm hơi người. Ngoài sân, chắc muối cũng nhiều... Cậu Tư hơi trù trừ giây lát rồi đứng lên, ra cửa trước nói trống không:

- Sao bữa nay mắc gì mà không vô nhà? Ngoài này muối cắn chết.

Dì thở ra, cứ tưởng là thằng chả không mời. Dì cố nén cười, nghiêm mặt bước vào, đứng lừng khờng khách sáo như khách lạ. Cậu Tư coi bộ hơi bực:

- Sao không ngồi đi? Coi chừng làm nhăn bộ ván tui ghen.

Nói rồi, cậu đi gom mớ vỏ dừa khô vô nhen mẻ ung. Cậu ngồi thổi hoài cho đến khi lửa bùng lên, cậu lại vùi cho tắt. Rồi hì hụi chỗ này, hì hụi chỗ kia, không làm gì cũng lẳng

xăng, sức nhớ ra, cậu lại đặng chái bếp lấy khúc ổi vừa được phơi dốt nắng, ngồi đẹo ngóng cối, ngày mai, đặng nhà Tư Biểu có đám giỗ, thế nào cũng xài. Cậu sợ rảnh tay rồi phải mở lời nói với nhau. Mà, cậu thì không biết nói gì hết, không muốn nói gì hết.

Bởi mỗi khi gặp nhau, lòng người này chỉ toàn những oán giận, những nỗi đau, còn người kia tràn đầy niềm yêu thương vô vọng mà họ đã không còn ở tuổi hai, ba mươi để nói ra tâm trạng ấy bằng lời. Nên chiều nay lặng lẽ lạ thường, có thể nghe rõ ràng tiếng muỗi kêu, tiếng xì xì mọng nước của thanh củi ướn cháy trong mẻ, tiếng lưỡi mác vót khứa ngọt vào cây ổi, tiếng trái dứa chuột khoét rụng đùng xuống hào ranh... Dì Thu Lý lên tiếng:

- Anh Tư à... Bữa nay em mới nhớ ba cái răng.

- ...

- Tính luôn hỏm rày là bảy cái rồi đó. Thấy vậy mà già rồi...

Cậu Tư Nhớ vẫn nín thinh, hì hụi gọt đéo, thấy mình cũng thật nhẫn tâm. Kinh kệ mỗi ngày từ chùa Phấn vọng sang cùng tấm lòng chân thật của dì Út vẫn không làm cậu nguôi đi oán hận. Cậu mà đáp tình dì chẳng phải là đã tha thứ cho nhà đó sao, ngu sao, đâu có dễ vậy.

Dì Thu Lý ngồi trên tấm ván đã cong vênh, nghe lòng trống không đã sạch sành sanh những niềm hy vọng cuối. Không biết làm sao cho hết bối rối, dì ngó quanh quất cho giống người xa lạ chơi. Dì nhìn chiếc quai nón bằng vải nhung đã phai màu treo ở đầu giường, cái áo bà ba màu bông cà bọc trong bọc nilong treo trên vách cùng với chiếc cặp đồ bằng nỉ (Hôm chị Thu Lê theo chồng, nó chỉ vừa đủ để ba bộ đồ

với cái khăn tắm, dì Út lén má xếp dùm). Dì nói bằng một tiếng nói:

- Anh nhớ chị Ba em!?

Lần này cậu Tư Nhớ đồ quạo, vật lại:

- Bộ tui trâu bò sao mà không biết nhớ? Biết còn hỏi!

Ờ, thì biết. Hơn hai mươi năm rồi cậu Tư với dì Thu Lê đã không gặp lại nhau. Mỗi bận lễ Tết, hay đảng nhà bà Hai tổ chức giỗ ông Hai, cậu đứng xa xa dòm ngó, nghe nhộn nhạo từng khúc ruột. Hồng biết cổ có về không ta? Thăng Lụm hiểu lòng cậu, nó chạy đi coi, nó kể ở ngoài chợ người ta về nhóc. Người nào người nấy đẹp đẹp không hà, tía. Nhưng trong đám người đẹp đó không có người cậu thương, dì Ba thì không về, dì viết thư gửi bà Hai (lá thư đó nhòe nước mắt) thưa rằng dì chắc chẳng bao giờ về quê nữa, quay lại đó, rồi làm sao, mặt mũi nào để gặp một người. Dì viết rằng, má ơi, má đừng buồn, chừng nào nhắm mắt xuôi tay, con sẽ về để nằm trên đất nhà mình.

Câu chuyện đó dì Thu Lý kể cho cậu Tư Nhớ nghe vào một ngày mưa gió, cậu đội áo mưa lại chữ thập đỏ xã, xin được giữ một chân đạo tỳ trong đội mai táng. Ai cũng hỏi sao tự nhiên đi làm cái nghề u ám vậy, cậu cười không nói. Chỉ có một người biết, càng biết nhiều càng nghe lòng buồn nhiều.

Dì Ba Thu Lê bây giờ đã theo chồng sống ở nước ngoài, vò võ không con, dì cay đắng, "trời phạt vậy". Dì hay gửi thư, tiền và hình về nhà. Trong hình lúc nào cũng đeo nhiều đồ trang sức, mập mập, đầy đặn, cười thật nhiều nhưng đôi mắt lại buồn thiu thiu, luôn luôn ngó thẳng về phía trước mà ánh nhìn không có một chỗ vịn nào. Một người sống

không quê hương, sống đầy mặc cảm, dằn vặt, sống mà đau đáu hoài chuyện cũ thì biết níu đầu bây giờ?

Chiều nay ngồi trong nhà cậu Tư Nhớ, dì Út lại nhớ chị mình. Dì chợt nghe lòng quang quẻ lạ lùng, sao mình không giúp cho anh chị ấy gặp lại nhau một lần, bây giờ không làm, đợi tới chừng nào. Mình làm được mà, thí dụ như mình giả đồ chết. Chị Ba Thu Lê nhất định sẽ về, sẽ gặp lại anh Tư Nhớ, dù bây giờ tóc xanh phai màu, gặp chơi vậy thôi chứ không thay đổi được gì hết. Nhưng thương nhớ nhau thì hội ngộ lúc còn đang sống, chứ đợi người âm kẻ dương làm chi... Đời vốn dĩ đâu có buồn dữ vậy.

Dì Sáu Thu Lý ngồi ở đó tới chạng vạng, không nói thêm gì nữa, chỉ đau đáu ngắm cậu Tư, lòng tràn đầy thương yêu. Lúc về, dì mới lại gần, dạn dĩ gỡ cây mác vót trong tay cậu ra, nắm ngay lấy bàn tay nóng rục ấy, định cười, nhưng nhớ mấy cái răng cửa vừa nhổ nên thôi. Rồi dì bảo, 'Mai một chế Ba về, anh Tư à. Thiệt, mai một này...'

Khi qua cửa dì Út Thu Lý mới hay, con mắt rửa bằng khói đã nhoè nước.

Rồi những cơn gió tháng bảy đưa tin vui đến từng mái nhà trong xóm Rạch Chùa, người ta bần thần, vậy a? xa xứ biết bao lâu rồi, trôi dạt tận nước ngoài, cuối cùng, người con gái đó cũng về thăm lại xóm Rạch. Cậu Tư cuống quýt hỏi thằng Lạm, có đúng cỡ không, mậy? Đúng hả, về rồi hả, về một mình hả? Vậy a? Trời ơi! Gió thổi bời bời vào căn chòi của cậu Tư Nhớ, thốc cuộn những tàn tro xát vào những vết cắt trong lòng.

Dì Thu Lý chỉ còn làm được một chút đó cho Tư Nhớ để trả cho cậu món nợ nhà dì đã vay, để cậu gặp lại người xưa

nhưng cậu đã phụ lòng, khi dì Ba Thu Lê về, tận mặt nhau, cậu lắc đầu, cười, khẳng khái "Em Lê đâu có già, đâu có mập ú ù u như vậy". Cả ba người quay lưng lại với nhau, bưng mặt khóc, thương cho tuổi thanh xuân đã qua mất rồi.

Huệ Lấy Chồng

Vẫn còn tiếng lụp cụp rộn ràng của mấy cây dao chặt vào mặt thớt mù u. Vẫn tiếng nói cười xao động từng chòm nhóm của các chị, các dì trong nhà bếp. Tiếng máy đèn chạy tạch tạch. Đẳng trước rạp, nhóm ca cải lương dạo đờn lừng ta lừng từng rồi ai đó vô câu vọng cổ ngọt xót. Không biết vô tình hay cố ý, anh chàng nọ kê micro gần miệng mà uống rượu. Nghe đánh cái chóc giòn thiệt giòn rồi khà ra tuồng như cay đắng lắm, chua xót lắm, bắt thèm.

Huệ với Diễm ngồi xếp quần áo trong buồng. Diễm bò lại cửa sổ mở chốt, đẩy hai cánh cửa lá sách sơn xanh ra, trời khuya sâu hun hút, nó la lên:

- Trời, gió mát ghê hen.

Huệ gật đầu, ừ, mát, gió chạy nghe thông thoáng trong lòng. Nghe rõ ràng mùi xoài cát trái mùa chín son ngoài song cửa. Tự dưng Huệ thấy nhớ nhà ghê lắm. Ngồi ngay ở nhà mà cũng nhớ thiếu điều rót nước mắt cái đập xuống mặt chiếu bông. Lúc này, ăn cháo khuya xong, ba Huệ biểu cả nhà ra đẳng trước, ông đốt nhang khấn trước bàn thờ làm lễ xuất giá cho con gái út. Chưa đủ lễ thì má Huệ đã khóc òa. Mấy chế, mấy dì ở nhà dưới chạy lên, bắt khóc theo, nước mắt nước mũi lòng thòng. Thành ra ai cũng xúm lại khóc nên không có màn dạn dò như mấy những lễ xuất giá khác. Huệ nghĩ vậy mà tốt, nó đỡ buồn tủi. Diễm dặn, "Bây giờ mày khóc cho đã đi, để mai lúc rước dâu thì ráng nhịn, cô dâu mà khóc, son phấn trôi tèm lem, thấy rầu lắm". Trời

đất, buồn thương ở trong lòng, lúc nào tràn đầy thì phải khóc cho vơi chứ có phải rót nước ra từ cái ấm, lúc nào muốn rót thì rót, lúc nào không muốn thì thôi. Con gái lấy chồng, hỏi ai không tủi?

- Hồi sáng này, lúc đi chợ mua đồ về tao thấy ông Thi đi ngang nhà mình.

Điềm rũ cái áo bà ba hường làm cái đèn chao ngọn, nó lên tiếng. Huệ ra bộ đứng đứng:

- Ừ!

- Thấy cái mặt ông buồn, đứt ruột lắm.

- Ừ!

Điềm trở giọng quạo quạo:

- Ừ, ừ hoài. Phải chuyện mầy với ông mà thành, đám này vui biết bao nhiêu không.

Huệ cười, biểu Điềm nói nhỏ nhỏ thôi rồi cái giọng lại nửa đứng đứng nửa phân trần:

- Thành gì mà thành, người ta đã nói là không có tiền sắm trâu cau.

- Sạo, trâu cau rẻ rề, mà, sao lại có tiền đi cưới người khác.

Huệ cười, người ta vậy, mầy còn nhắc làm chi. Mà, sao bữa nay gió lạnh quá chừng, gió te tái đưa tới một tiếng gà đang gáy, nghe từng giọt, từng tiếng buồn thiu. Cái vali da mới màu vôi đã đầy quần áo. Đồ của Huệ không có bao nhiêu, cũ hết rồi, đồ bên chồng cho mới nhiều, tới mười hai bộ. Điềm nhắc:

- Còn tập chép bài ca, mầy đem theo không?

- Ừ, đem theo, chút nữa tao quên rồi.

Mà, đem theo chắc cũng không làm gì hết. Về bên nhà chồng không biết còn rảnh rỗi vừa đưa võng vừa ngêu ngao hát. Nhà Thuấn vườn rộng, ruộng cũng nhiều, công chuyện chắc vô số. Thuấn kể, chỉ tính bẹ dứa khô rụng xuống, má Thuấn đã đi chặt mãi một năm còn chưa giáp vườn. "Nhưng em đừng sợ, về bên, ba má với anh không cho em làm gì nặng nề đâu", Thuấn nói thêm. Huệ cười, cực khổ nó không sợ, chỉ sợ không được vui. Nghĩ lại, có chồng vừa hiền vừa giỏi như Thuấn, lại thương mình như vậy làm gì mà không vui.

Huệ lại chỗ đầu năm, giở gối lên, nâng niu ấp trong tay tập chép bài ca đã cũ. Nhắm mắt, nó vẫn lật ra ngay cái trang có nét chữ nắn nót của Thi, dưới bài hát "Nhẫn cỏ", Thi ghi thêm hai câu thơ "Trăm năm ai chớ bỏ ai. Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim". Con Điem thường bảo, người ta lấy thơ để thay lời thề hẹn đó.

- Tao tội nghiệp ông Thi quá, mà tao cũng tội nghiệp mày nữa. - Điem vừa nằm xuống, vừa thở dài cái thượt. Huệ kêu Điem ngủ đi rồi lụi hụi xuống giường, nó nói nó còn quên sợi dây nịt. Điem xì một cái, "mày có tật tiếc đồ cũ". Huệ gắt, "Kệ tao. Ngủ đi". Huệ bò lại chỗ cửa sổ và ngồi đó, đưa mắt nhìn xa thăm màu đêm. Huệ ngồi đó thật lâu, đến má ghé vô buồn biểu Huệ nhắm mắt một chút đi, ngày mai rước dâu mệt lắm. Huệ dạ, thối phù cho tắt đèn. Con Điem vốn mê ngủ, đặt lưng xuống chưa bao lâu đã thở sâu. Huệ lại thắp đèn coi bây giờ là mấy giờ rồi giở vali ra, nói thầm trong bụng: "Không biết mình có quên gì không ta?"

Nó làm như lỡ quên món gì sau này không có dịp về lấy nữa. Mà, từ Đất Cháy qua nhà Thuấn có bao xa, chạy xuống bằng tắt qua Đầm, rẽ theo kinh Thợ Rèn chừng mười lăm phút là tới. Nhưng với đứa con gái theo chồng, quãng đường đó cũng chở thương, chở nhớ. Chế Lê, chế thứ ba của Huệ lấy chồng sát bên nhà, chỉ cách một hào ranh mà còn khóc lu bù. Hồi đó, Huệ cười, chế cú cái cóc lên đầu nó," Sau này có chồng rồi biết, cưng ". Huệ không tin, nó biết mình rần rỏi lắm, sức mấy mới khóc. Té ra không phải vậy, nó cũng là một đứa lạc lòng. Sáng mai thôi nó sẽ xuống võ rồi về ở miết nhà người ta. Nhớ cái cối xay bột dựa hàng kệ đựng tiêu tỏi, dầu ăn, nước mắm... Con mèo ngủ thiu thiu trên đầu bộ ngựa, mấy cái võng giăng quây quần quanh bồ lúa. Lối vô nhà trái đất đỏ, người đi ra đi vô đã mòn mấy hòn tròn tròn trọc lóc. Lối này đổ ra con đường xóm xáng mức hôn hang chạy dài tới Vịnh Dừa. Đi chút nữa là tới đám trâm bầu, chỗ con đập vào xóm Kinh Cụt, bẹ dừa kéo xuống năm vảnh cổ, có bẹ đã khô quắt, có bẹ còn tươi thơm. Xóm kinh ăn sâu vô đồng. từ vườn nhà Huệ dòm xéo về phía tây, bỏ cánh đồng lúa lơ thơ gốc rạ là một vệt xanh rờn của dừa, của chuối.

Và nhà Thi ở đó. Huệ với Thi quen nhau hồi nhỏ. Thi có tật khoái đi tắt đường đồng đâm thẳng vô vườn nhà Huệ để đến trường. Tan học về, nó có thể nhẩn nha, lang thang đồng khơi thả diều cho tới chạng vạng. Có bữa tan trường, Thi về cùng Huệ, Thi hỏi, "tao thấy con gà mái nhà mày đẻ bậy đồng rơm sau hè, sao mày không làm ổ?" Huệ xụ mặt xuống, môi trề ra "Gà nhà tao, kệ tao." Thi mất hứng, càu nhàu:"Con gái gì... vô duyên".

Đó là chuyện hồi nhỏ, chớ khi hai đứa lớn lên, Thi nhận ra Huệ có duyên, đã có duyên mà còn đẹp nữa. Thi học lớp trung cấp sư phạm xong về dạy trường cấp II Ấp Chín. Thi dạy lớp sáu, ngay lớp con bé Mến con anh Hai Mận học. Huệ đi họp phụ huynh hoài. Vô đó, không phát biểu gì, thẹn thò ngồi cuối dãy bàn, cũng không để ý coi Thi nói gì, chỉ nhìn Thi cười. Trời đất quĩ thần ơi, người gì cười hiền thấy thương quá. Hồi xưa, lúc còn con nít đứa nào cũng hôi nằng, cũng lùì bùn sình, đâu phải như bây giờ. Ở chợ hay ở quê gì rồi người ta cũng lớn lên.

Ở xóm này, người biết tụi nó thương nhau đầu tiên là con Điềm, nhỏ bạn thân nhất của Huệ, người thứ nhì, thứ ba biết là chú thím Mười Ba. Chú Mười Ba bán quán cà phê cặp bờ kinh xáng. Quán chú buổi sáng toàn đàn ông, buổi trưa của mấy thím đàn bà, ôm đứa con nèo một bên vú nói chuyện làng trên xóm dưới. Buổi chiều, tụi con nít tụ lại quán chạy lòng vòng trong sân chơi. Riêng buổi tối, quán chạy máy đèn chiếu phim bộ Hồng Kông phục vụ cho đám thanh niên. Có lần coi bộ phim kiếm hiệp "Thiên Long Bát Bộ", tới đoạn A Châu chết, con Huệ nước mắt rịn rịn, chắc lười như nói với con Điềm: "Ước gì trên đời này có ai thương tao như ông Kiều Phong thương A Châu, chắc tao sướng tới chết luôn quá". Con Điềm cười, ngó ra sau lưng, nói xa xôi, "Có chớ, sao mà không?". Thi ở đằng sau, kể dãy ghế Huệ ngồi, hít đầm đìa hương tóc thơm của cô bạn gái, mỉm cười. Ra về, Thi thả chậm chậm theo tới chỗ queo vô nhà Huệ, Thi mới níu tay Huệ lại, Thi nói rằng: "Ông Kiều Phong đó mà nhắm gì, có người còn thương Huệ hơn..." Tay Huệ ắp vào giữa tay Thi lúì rúì. Sáng ra Bà Hai, má Huệ nói với thím Mười Ba: "Làm gì hồi đầu hôm này mấy con chó nhà tôi sủa

ong ổng hoài vậy không biết?" Thím cười, chớ sửa chuyện vui.

Rồi con Điềm làm nhân chứng cho mối tình của Huệ. Gặp Thi ở đâu, Thi nói cái gì Huệ đều kể cho Điềm nghe. Nhiều lúc Điềm phải nạt, " Trời ơi, mầy kể cho tao nghe hoài, tao phát ghen luôn đây nè". Mai một đây, hai đứa phải lấy chồng (con gái ở quê nuôi lớn không để lấy chồng thì làm gì?), Điềm ước gì mình gặp được một người tử tế, hiền hậu, có học thức như Thi, lấy được người chồng mà tự mình tìm hiểu, yêu thương như Huệ. Huệ cười, chưa gì hết mà chồng chồng vợ vợ, nghe kỳ. Nói vậy, nhưng lòng Huệ nghe ấm ran, nó mơ tới một mái nhà sớm chiều khói tỏa, buổi sáng nó rang cơm cho Thi lót lòng đi dạy, trưa đón Thi về chăm chút nồi canh chua bông súng ăn với cá sặc kho khô.

Thương thì thương vậy, nhưng nhắc chuyện cưới, thấy không gấp gáp được. Nhà Thi đã nghèo mà anh em lại đông. Má Thi giao, đứa nào nấy làm để cưới vợ riêng. Lương Thi thì ít lắm, dư dả bao nhiêu. Vì vậy mà Thi xin đổi ra Rạch Ráng dạy trường huyện. Thi tính, ra ngoài đó Thi dạy thêm giờ, chắc lương lên được hai trăm mấy, để dành không bao lâu nữa đủ tiền lễ để cưới Huệ rồi. Huệ cười, cưới vợ chớ đâu phải mua vợ đâu mà phải tốn nhiều tiền. Thi bảo, không cần rình rang nhưng cũng phải có năm sáu bộ đồ, đôi bông, sợi dây chuyền cho Huệ không phải tủi chứ. Những lúc nhớ Thi, Huệ ngồi mơ về đám cưới, bữa đó, chắc là vui lắm. Hết học kỳ đầu, tự nhiên bắt cả tháng Thi không về, có về cũng chui nhủi trong nhà, ốm như ma đói. Huệ hỏi hoài, nhưng Thi cúi đầu, tìm được ánh mắt Thi đã khó, mong gì Thi nói ra.

Chuyện Thi thế là thôi rồi, mấy thím buổi trưa ngồi quán chú Mười Ba cong miệng nói với nhau, nghe phong thanh Thi đi lại với con gái trưởng phòng giáo dục huyện, cô nọ mang thai, chuẩn bị cưới. Đâu nè, thầy Thi đâu có tệ như vậy. Ừ, nhưng nghe nói thầy Thi bị "gài" như trong Lan và Điệp. Tội nghiệp. Tội nghiệp ai?

Thì Thi chớ ai, ở đời ngược ngạo vậy đó. Thi cưới vợ xong rồi nhưng vẫn thường tha thểu về ở lì trong này. Huệ gặp Thi giữa đường muốn cười nhưng Thi lằm lũi cúi mặt. Huệ lấy chông. Thím Mười Ba chép miệng, giọng không biết khen hay chê: "Con Huệ nó dứt tình lẹ quá ha, dứt cái "rup". Huệ cười, thấy đâu có chê Thuấn được cái gì, Thuấn biết Huệ từng thương Thi mà anh cũng bước tới. Huệ bây giờ, còn chờ ai nữa?

Huệ chuẩn bị cho đám gã mình từ mấy tháng trước. Suốt ngày nó cặm cùi ngoài vườn. Lá dứa khô bó lóng vo, tề đầu tề đít chất đầy giàn bếp, dựng qua tới bồ lúa. Củi phơi từ lúc chớm hết mưa, lổn nhổn ngoài sân. Mớ cọng dứa đã róc lá dựng ngoài giàn, chưa khô hẳn thì đám bìm bìm đã leo xanh rờn, nó cũng đỡ xuống, chặt phơi. Chuyện gì nó cũng giành làm một mình, làm từ sáng sớm tới chạng vạng, không đi coi phim nữa mà tối tối nằm nhà nghe cái lương hoặc đưa võng cò kẹt, hát "Thương nhớ nhớ mãi không thôi. Chàng mới ra về chị em tôi thương nhớ...". Điềm tới chơi thường, như giữ Huệ, sợ Huệ vì Thi mà làm chuyện dại. Sợ vậy thôi, chớ Huệ vẫn roi rói, người ta thấy nó không thềm rớt một giọt nước mắt nào như nó với Thi chưa từng có duyên dè gì nhau. Điềm hỏi "Sao tao không thấy mầy buồn gì hết?". Huệ cười, "Tao quên ông Thi mất tiêu rồi, tệ quá, nhớ làm

chi?" Hồi đám cưới Thi, Huệ chép miệng tiếc, phải chi Thi mời... Không được mời nên mới nằm nhà, gió đưa tiếng hát ngang qua đồng lúc gần. lúc xa thăm thẳm.

Hôm gần đám, Thuấn chạy xuống qua chợ Huệ đi chợ. Hai đứa mua nhiều thứ, cuối cùng dắt nhau tới tiệm tạp hóa lựa bốn trái tim bằng giấy đỏ lớn bằng cái thúng để Huệ dán bên nhà hai trái, buồng cưới nhà Thuấn hai trái. Lúc Huệ gỡ mấy trái tim coi kỹ coi có thủng lỗ không thì thấy Thi đang cuối chợ đứng nhìn. Huệ cười ráo hoảnh. Tưởng Huệ không thấy, Thuấn quay qua, nhắc nhỏ, "Thi kìa, em! ". Huệ cười, ừ, Thi đó, Thi chớ ai, rồi biểu người bán hàng lựa thêm cho hai chữ Song Hỷ mới lại gần chào, Huệ biểu, "Thi đừng có nhìn tui trôn trối vậy, tui cũng phải lấy chồng chớ, phải hôn. Mà anh nhớ đối xử với người ta tốt như đối xử với tui vậy nghen". Thi gượng gạo cười rồi căn môi quay đi. Thuấn nhìn theo, nắm tay Huệ, nắm rất chặt, nửa như để an ủi, nửa lại giống như rịt lấy, như sợ Huệ bỏ chạy đi mất. Huệ mặc cười, đó là lần đầu tiên từ lúc xuống mỗi, tới ăn trà uống rượu rồi chuẩn bị cưới Thuấn mới nắm tay cô. Thì phải vậy thôi, mai một là vợ chồng rồi..... Huệ ngồi chỗ cửa sổ cho tới lúc gà gáy rộ. Bà Hai lúi thúi đốt cây đèn cóc ngồi lệt tọt, không biết có phải tởm nũng hay không mà mũi bà sụt sụt, nước mắt kèm nhèm. Bà con cô bác cũng trở dậy râm ran. Thức ăn đãi buổi mai đã làm sẵn từ hôm qua một mớ nhưng thớt kho tàu vẫn chưa thắm lấm, lớp mỡ chưa trong. Than bắt lửa cháy lép lép. Huệ kêu Diễm dậy, sửa soạn ra chợ xã đánh tóc, làm mặt. Diễm ngồi dậy, tay lò mò kiểm cây kẹp tóc, giọng tỉnh queo nhưng hơi bàng hoàng:

- Trời! Sáng rồi sao? Mau vậy?

Đám thanh niên đang trước quét qua nền rạp, xếp bàn ghế ra. Nhóm ca cải lương đã mỗi mồn ngoạ vào nhau ngủ mê mệt, thay vô đó là băng nhạc đám cưới xập xình "Ô vui quá xá là vui..."

Xuống xuống, Huệ giành lái máy. Điềm ngồi co ro đằng trước mũi, than lạnh quá chừng đi. Gió này mà không lạnh sao được. Một tháng mười ba ngày nữa là Tết rồi còn gì. Và sau tết này, mấy thím ngồi quán trưa bảo nhau, "Vợ chồng con Huệ có về". Trong tiếng máy Koler 4 nổ lùnh bùng, tự dưng Huệ bảo:

- Ừ, lạnh quá, Điềm ha?

Xuống từ từ chạy tới đập nhỏ đầu xóm Kinh Cụt. Đám trâm bầu đứng im lặng, xơ rơ. Huệ bất ngờ xuống máy chạy chậm, chiếc xuống khật khùng. Nó ngơ ngẩn ngó lên bờ, trong lòng chao chát một nỗi thèm muốn. Nó muốn chạy vô xóm, tới nhà Thi, gặp anh và nói cho anh hay rằng nó hết thương Thi rồi, nó quên anh, quên thiệt.

Nhưng nói để làm gì, ta?

Nước Chảy Mây Trôi

Hôm trước ngày đi Đất Mới khai giảng niên học mới, Diệp chở mẹ đi nhờ rặng. Trên đường về, bỗng dưng Diệp nghe nước mắt mẹ rớt trên lưng mình. Mẹ than buồn, vì miệng còn ngậm bông gòn nên giọng mẹ bệu bạo (hay tại khóc?), mẹ nói, không biết thầy Nhiên có chê mẹ già không. Diệp biết mẹ nói không thật, mẹ khóc vì mai này mẹ đã xa Diệp mất rồi, chứ hai mẹ con Diệp hiểu thấu tới đáy lòng, thầy Nhiên không phải là người coi trọng mấy chuyện lật vật đó.

Mẹ Diệp lớn hơn thầy Nhiên đến tám tuổi, hồi họ quen nhau, thầy Nhiên mới ba mươi ba. Nhà may của mẹ cách trường cấp ba Hưng Hải chừng mười thước, nổi tiếng khắp thị xã về may áo dài. Gặp lần đầu ở buổi họp phụ huynh, thấy thầy vai áo rách, về nhà mẹ Diệp mua vải may tặng thầy một chiếc sơ mi mới, để lấy lòng thầy cho con nó nhờ. Sau này, thầy hay lại nhà nhờ mẹ Diệp may áo. Có lần mẹ hỏi vợ thầy đâu mà để áo rách vậy, thầy cười, còn gửi ở nhà người. Diệp đi học về, mẹ hỏi, thầy Nhiên ba mươi mấy tuổi đầu chưa lấy vợ, chắc thầy khó tính lắm hả con. Diệp lắc đầu, không, thầy thấy thương lắm.

Diệp nói thật lòng. Từ ngày thầy Nhiên chủ nhiệm lớp, buổi sinh hoạt nào lớp cũng vui tươi, tràn ngập tiếng hát, tiếng cười, có đứa còn đi học đàn về gảy từng từng tưng. Thầy dạy môn Văn và biến những tiết học khó khăn này thành một thiên đường của cảm xúc. Giọng thầy ấm áp, sôi nổi, truyền cảm, mắt hay nheo, coi bộ hóm hình, vui tính. Thầy

bảo, mắt thầy bị tật hồi còn ở lính, không nheo thì bắn không... trúng, nheo riết thành quen. Bọn Diệp cười, tưởng thầy mà bộ đội gì, thầy cũng cười, giỡn hoài, đơn vị còn không định cho ra quân nhưng thầy nhất quyết xin ra, đi dạy học. Đám học trò khen thầy dạy Văn giỏi nhất trường. Nhà trường thì không nghĩ vậy, dạy cháy giáo án hoài mà giỏi gì.

Sau này, khi xem bộ phim võ hiệp "Tiểu ngạo giang hồ", Diệp phát hiện ra thầy Nhiên giống hệt Lệnh Hồ Xung, cuộc đời anh chàng không thể hoạch định trước, làm gì cũng theo cảm xúc, cả chiêu thức võ công anh ta dùng cũng "nước chảy mây trôi" theo ý mình. Dù vậy, Diệp cũng thắng thốt, bất ngờ rất nhiều khi hay thầy với mẹ thương nhau. Mỗi tình đó không thể giải thích được vì sao, không thể nói rành rọt bằng lời những cảm xúc dịu dàng mà bóng cháy trong lòng mỗi người. Bắt đầu từ đâu? Từ miếng băng keo thầy mang đến khi thấy tay mẹ đứt, từ việc mời nhau mấy củ khoai mì nóng thầy mua của chiếc xe đẩy trên đường, hay từ những bữa họp phụ huynh, thầy nhìn thấy mẹ Diệp ngồi trong một góc nào đó, đẹp đẽ, sang trọng mà buồn buồn, vợ vất, như lạc ở một vì sao nào? Mẹ chỉ biết nói lời xin lỗi Diệp. Nó khó khăn lắm mới bảo, không sao, nếu con là mẹ, con cũng yêu thầy, thầy dễ thương quá trời đất mà.

Ba Diệp thì không thể tha thứ. Chẳng thèm chửi bới đánh đấm nhau, là người trí thức, ông bác sĩ xử sự rất mềm mỏng. Ông đến trường, níu bất cứ đứa học trò nào ông nhìn thấy, phần trí van vi (như một người yêu vợ hết lòng), "Cháu làm ơn nói với thầy Nhiên trả vợ lại cho chú, làm ơn, cháu ơi!". Chuyện này gây tiếng vang đến phòng giáo dục, rồi đến Sở. Thầy Vện, hiệu trưởng trường vốn là đồng đội cũ

với thầy Nhiên, thương bạn lắm nhưng đành buộc thầy thôi việc.

Rồi thì mẹ Diệp cũng ra đi. Qua cửa, mẹ chỉ có một chiếc vali nhẹ bồng, trống không. Lẽ ra mẹ có thể mang đi nhiều hơn, nhưng chỉ với hai bàn tay trắng, mẹ mới rửa oan cho thầy trước lời mai mỉa của người đời, rằng thầy chỉ yêu túi tiền của mẹ thôi. Diệp thầm thắc mắc, yêu là phải hy sinh nhiều thứ, vậy sao người lớn đâm đầu đi yêu hoài làm chi cho khổ?

Tổ ấm đó cách nhà Diệp một cây cầu, nhiều con đường ngoắt ngoéo. Diệp có đến chơi, đến mà nghe quen thuộc, ấm áp như nhà mình. Hồi trước, Diệp tới nhà thầy chơi hoài chớ gì, nó thuộc lòng từng cuốn sách trên giá, rành rẽ từng chỗ thủng của cái màn cửa. Nhà thầy bừa bộn, đầy màu sắc. Màu của giấy dán tường, của những đường viền tự tay thầy cắt, của những tờ lịch đầy núi, thác nước và mây. Tất cả những cái đó đầy sự sống. Nó khác với nhà Diệp, bốn bức tường đều trắng, Diệp đem hình diễn viên, ca sĩ về dán trong phòng, ba khó chịu. Ở nhà, mọi người phải xem những bộ phim, nghe những loại nhạc bác học mà ba thích. Bữa cơm nào ba cũng tự tay rửa rau, dù mẹ rửa rồi ông cũng phải rửa lại. (Diệp ngờ rằng, tình yêu của mẹ đã mất mát từ chuyện ấy, đến rửa rau mà cũng không tin nhau). Ba không ăn ở quán ăn vỉa hè, cự tuyệt những món chuối nướng, khoai nướng bên đường, ba nói ăn vậy là không vệ sinh. Ba bảo mẹ một tuần nấu canh bí đỏ sáu lần, thực đơn này giúp cho Diệp thông minh, học giỏi, giúp Diệp mai sau trở thành một bác sĩ danh tiếng như ông.

Nhưng Diệp chỉ thích làm cô giáo. Một cô giáo sẽ không vì đam học trò ngỗ nghịch mà nguôi đi lòng thương yêu, không vì danh hiệu thi đua này nọ mà nguôi đi tâm huyết của mình. Giống như thầy Nhiên vậy.

Một bữa lại nhà mẹ chơi, Diệp chỉ tay vào góc lâu nay thầy vẫn để sách và đàn, nó nói, "Thầy ơi ! Em chỉ cần chỗ này là đủ, ban đêm em ngủ, ban ngày em sẽ ngồi học ở đây". Thầy Nhiên với mẹ nhìn Diệp mừng rưng rưng nước mắt. Nhưng cũng phải đợi đến bữa ba dẫn bạn gái về, Diệp mới ra đi. Ba không ngăn lại, chỉ cười khan, lạnh, đầy cay đắng, hằn học. Diệp thấy mình hơi giống mấy tên phản bội trong phim.

Bây giờ chuyện cũ cũng đã nguôi rồi, người ta thôi không trầm trở nữa. Mẹ gầy dựng lại một tiệm may mới, với những khách hàng cũ. Thầy Nhiên quuyến luyến đam học trò nên thuê quầy bán sách báo ở trước cổng trường. Ba Diệp đã lấy vợ, có con. Tốt nghiệp đại học xong, Diệp có ghé nhà, thấy ba ngồi giặt tã cho em. Lúc ra về, tổng kết lại thì ba chỉ hỏi Diệp đúng một câu, "Ra trường rồi tính làm ở đâu?" Diệp nói không biết nữa, nếu chờ được phân công, có thể sẽ về dạy ở một huyện, thị trấn nào đó, có thể ở đó nghèo và buồn.

Mẹ nói sẽ tìm cách xin cho Diệp ở lại thị xã, thầy Nhiên có nhiều người quen làm trong ngành giáo dục, thí dụ như thầy Vện đang làm Phó giám đốc Sở. Diệp chần chừ không biết lắc hay gật đầu. Mẹ thở dài, nửa đêm than với thầy Nhiên, "Chắc mình mau già lắm, Nhiên ơi. Con gái mình thấy rầu quá".

Rầu chó, công việc đang lừng khừng, chuyện yêu đương Diệp cũng chẳng tới đâu. Đứa con trai cuối cùng đã thôi lui

tới nhà chừng nửa tháng nay, sân trước chưa thấy xe của người mới nào đậu. Mẹ nhắc lại nào Tuấn nào Huy, rồi Phát, Sang, mấy đứa đó thấy thương quá mà sao kỳ vậy không biết. Diệp cười, "Trời đất, tội nó hả, con đâu có yêu". Mẹ tức quá vặc lại, "Vậy chớ con yêu ai?". Mẹ hỏi Diệp trong một đêm gió rất nhiều. Diệp tự vẫn mình câu đó, khi có được câu trả lời, chợt nghe gió thổi tới bờ vào lòng, nghe như gió cấp mười, mười hai trong ấy.

Hôm sau, Diệp gọi thầy Nhiên bằng ba (nó bẻ miệng đến toát mồ hôi ra). Mẹ với thầy nghe lạ, phì cười. Diệp tá hỏa, tiếng gọi ấy với nó không có ý nghĩa gì hết, kêu tiếng ba thiêng liêng mà lòng vẫn yêu thầy, yêu thầm lặng tự hồi nào không biết. Hèn chi đi xa nhớ quá chừng (tưởng chỉ nhớ nhà thôi), hèn chi mấy thằng bạn trai hay bị đem ra so sánh với thầy (tưởng vì quý trọng quá đó thôi)... Bây giờ không biết làm sao quên được đây, để vậy nguy hiểm quá, người ta nói yêu với say rượu khó che mắt được người đời.

Diệp ngầm chuẩn bị cho mình một chuyến đi xa. Mẹ không biết, nên mẹ đi chợ, mua hai ký lô khô cá sặc rằn, dịu dàng bảo thầy Nhiên, "Nhiên chở con tới nhà anh Vẹn chơi, sẵn tiện nhờ ảnh giúp cho nó một chỗ làm. Có chút quà này...". Rồi mẹ Diệp tiễn hai người họ ra tới ngoài sân. Lên xe chạy một đoạn, ngoái lại thấy mẹ vẫn còn đứng tần ngần, giống như sợ thầy trò Nhiên đi lộn đường hay sẽ lén quay trở lại nhà.

Nó ngồi sau lưng thầy (như nhiều lần ngồi sau thầy đi mua keo, nút áo, chỉ may cho mẹ), mà lòng nghe dịu ngọt lạ thường, chợt nghe thèm đến rớt nước mắt được nép mặt vào lưng, được choàng tay ôm eo thầy. Chiếc xe chạy lòng

vòng qua hết mấy con đường, cứ gặp đèn đỏ là thầy lại quẹo phải, Diệp khúc khích cười, nghĩ, nhà thầy Vẹn đâu có xa dữ vậy. Chiếc xe máy hiểu ý chủ nên nó cũng cà xịch cà lụi, lâu lâu lại phun ra một bùm khói đen xì. Thầy bảo, "Chết cha, chắc là nước vô bình xăng". Mà, chiếc xe vẫn không chịu chết máy hẳn, vậy mới kỳ. May nhờ đến trước cổng nhà thầy Vẹn thì trời đổ mưa, cả thầy Nhiên và Diệp đều mừng húm, kêu lên, "Mưa ! Mưa rồi !" rồi chạy vào quán cà phê ngang đó cho khỏi ướt.

Diệp vừa phui nước trên áo, trên tóc mình vừa cười, nhớ lại trên đời này chắc không ai mắc mưa mà phấn khởi như vậy. Thầy trò Diệp kêu hai ly trà đá, bắc ghế ngồi ngó mưa rơi, ngó qua cái tường rào im sầm đằng trước nhà thầy Vẹn, nghe trong lòng ngại ngần quá trời đất.

Chỗ này chỉ cách bên đó một con đường, coi vậy mà qua đó cũng nghiêm trọng như Kinh Kha qua sông Dịch. Thật ra, nghỉ dạy ở trường cấp ba Hưng Hải rồi, thầy vẫn thường lại chơi nhà thầy Vẹn. Người đang có chức vị, ngồi cao lại hay ước sống như ông bán lẻ sách báo ở cổng trường (mà càng bán càng lỗ vốn, cứ thấy cuốn sách nào hay là dúm tặng cho học sinh). Thầy Vẹn bảo, "Đâu phải ai cũng làm được chuyện động trời như ông vậy. Nhớ kỹ coi, đang học ngon lành, ông tình nguyện đi biên giới, ở lính được cưng chiều ông không chịu, đòi ra lính dạy học, đang dạy học, lại đòi yêu mà lại đi yêu ngang trái mới chết". Thầy Nhiên cười, "Cũng trả giá dữ lắm, đừng tưởng giỡn". Vợ thầy Vẹn cũng quý bạn chồng, chị nói, "Ông xã em mê anh lắm, anh nói bây giờ có một chút chức quyền mới biết cực khi chơi với bạn, cứ phải cảnh giác nhìn nhau không biết người ta sắp

nhờ cậy gì mình. Chỉ có anh Nhiên là không tính toán gì hết". Vì chị đã nói vậy nên bây giờ mới khó mở lời...

Diệp biết thầy Nhiên đang nghĩ lung lắm, nhưng nó không nói gì, nó chỉ lẳng lẳng ngồi nhìn mớ tóc cứng như rễ tre đã chớm bạc trên đầu thầy. Hồi trước, mỗi khi thấy tóc thầy dài, Diệp vẫn hay nhắc, biểu đi cắt, để tóc vậy coi già thấy mồ. Hồi đó, thầy cười cười, "Đâu nè, vậy là vừa chớ". Sau rồi Diệp biết, thầy cố tỏ ra luộm thuộm để đuổi cho kịp mẹ, để mẹ khỏi buồn, khỏi mặc cảm chuyện vợ già chồng trẻ. Thầy tinh tế cả chuyện ăn mặc, chuyện xưng hô. Ở nhà Diệp, ai tới cũng bảo ngộ, nhất là mấy anh chàng đang đeo đuổi Diệp, họ bảo, "Nhà Diệp không có tôn ti trật tự gì hết, thấy lộn tùng phèo". Thí dụ như chuyện xưng hô, rõ ràng nghe thầy Nhiên với mẹ kêu nhau Nhiên Nhiên Thúy Thúy giống bạn bè hơn là chồng vợ, còn Diệp gọi thầy thì tùy hứng, có lúc kêu cậu, có lúc gọi "đại sư ca".

Nhớ tới đâu lòng Diệp đau tới đó, nhà giống như thiên đường vậy, mà mình lại phải đi xa. Ngoài trời vẫn còn mưa, nước chảy rờn rờn vào miệng cống. Thầy bảo mưa dai quá hen. Diệp cười, dạ, mưa dai thiệt. Thầy hỏi, hay là hai cậu cháu mình chạy qua gặp thầy Vẹn một chút. Diệp lắc đầu, thôi cậu !

Diệp không đành lòng cùng thầy cầm gói cá khô bước qua cửa nhà thầy Vẹn. Muốn hay không, khi quay trở lại, thầy trong lòng Diệp sẽ không tròn vẹn như bây giờ. Mất mát đó có thể rất mỏng manh, nhẹ như hơi thở, có thể chỉ là cảm giác vậy thôi. Thầy trông sẽ hèn hèn đi một chút, ngượng ngập một chút, vẫn đục một chút. Diệp muốn giữ vẹn trong lòng mình một hình ảnh đẹp, một người đàn ông lúc nào

cũng nồng ấm, đĩnh đạc, thư thái, đầy khí phách và thành thật với con tim. Lỡ mai một đây gặp hoàn cảnh khó khăn nào, Diệp còn có thầy Nhiên mà vịn vào, đứng lên, đi tiếp. Nếu phải đi xa để những điều tốt đẹp còn nguyên lành mãi thì cũng đáng lắm chứ.

Lúc về trời vẫn còn mưa, Diệp có dịp giấu mặt vào lưng thầy, khóc chơi. Trời ơi, nép sau một cái lưng rộng và ấm áp như vậy để khóc đã thiệt. Mẹ hạnh phúc biết bao nhiêu.

Lúc về Diệp ôm vai mẹ, Diệp bảo mớ khô cá sặc rằn này hôm nào làm liên hoan tiễn con đi, mẹ nướng rồi xé trộn xoài sống, con thích món này lắm. Chỗ con tới có thể buồn và nghèo, có thể cách trở xa xôi, có thể đám học trò của con lấm lem sinh đất, nhưng con không ngại, để con hát cho mẹ nghe bài này, rằng "Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng. Gian khổ sẽ dành phần ai". Mẹ nghe xong, rút nước mắt, day qua thầy Nhiên, không rõ khen hay than mà giọng buồn hết biết: "Nhiên coi, không phải máu mủ của Nhiên mà con mình nó giống y chang Nhiên vậy. Muốn là làm".

Đâu nè, đâu phải muốn là làm, cũng phải suy nghĩ dẫn đo dữ lắm. Coi lại, làm gì có chuyện con người được sống hồn nhiên như nước chảy mây trôi? Phải chọn lựa và trả giá chứ...

Nhà Cổ

Mùa chướng xổ cửa đất Phương Điền. Nửa đêm cả nhà tôi tức mừng ngồi nghe tiếng ngói dịch lắc cắc, rờn rợn trên mái nhà phía Đông Nhân Phủ. Má tôi mở cửa sổ, kêu vọng qua bên đó, "Thằng Tứ Hải đem mấy đứa nhỏ qua ngủ với má con tao nì. Để không may ngói rớt trúng đầu, tội nghiệp tụi nó lắm nghen". Dứt tiếng thì cái đầu tóc ngái ngủ bù xù của ông chủ trẻ của "Nhân Phủ" lù lù trước sân, tay na con Tha, chị Thế vợ anh dắt con Tho đi sau, thả hai đứa nhỏ vô mừng tôi, anh làu bàu, "Cha, điều này biết nhà mình có qua được mùa gió này không đây, Út Nhỏ?".

Tôi thở dài cái thượt như cũng đang nặng lo cho "nhà mình" (mặc dầu hơi ngẩn ngơ, mình có vai gì trong ngôi nhà cổ sắp xiêu đổ ấy đâu?). Má tôi căn nhắc khi tiễn đôi vợ chồng hàng xóm ra cửa, "Mắc cái gì mà tụi bây giữ hoài cái nhà oan chướng đó, sao không bán đi cho rồi, cất nhà mới, sống cho bình thường như con người ta". Anh Tứ Hải không trả lời, chỉ nghe anh cười khà khà khà.

"Nhân Phủ" của anh cách nhà tôi một hàng rào cặm bằng cây bình bát, đó là ngôi nhà cũ kỹ, già nua nhất làng cổ Phương Điền. Nghe kể, ông Tổ nhà anh Tứ Hải đã đứng ở dưới cây dong nem trước nhà, bảo tốp thợ ông muốn làm một ngôi nhà đẹp nhất, rộng nhất xứ này, một ngôi nhà thật lớn cho tất cả con cháu ông khi sinh ra đều có chỗ cho mình. Ròng rã hơn ba mươi năm, những người thợ xứ Quảng đã làm nên một kiệt tác nhà rường Nam Bộ, nghiêm cẩn, công phu chạm trổ từng chi tiết nhỏ, từ cây cột cái tới

ngạch cửa, từ những cánh cửa tới mấy cái bậc tam cấp lối vào... Nghe kể, khi làm "Nhân Phủ", người ta đã cúng đủ mười lễ, nên nó điềm nhiên đi qua hai cuộc chiến tranh mà không có một vết tích nào. Năm 1972, Mỹ Ngụy cho bom đạn cày xới dữ dội vùng này, nhưng chỉ có quả bom rớt sau nhà, thành một cái ao bông súng.

"Nhân Phủ" được trao cho anh em Tứ Hải, Tứ Phương khi hai người mới mười tám, hai mươi tuổi. Lúc đó, nó đã khòm ròm, bệu bạo như rằng người già. Hồi nhỏ, tôi ở "Nhân Phủ" còn nhiều hơn ở nhà, tính tình năng động, phá phách nên hợp anh em Tứ Hải hơn bà chị ruột, má rầy hoài, có lúc nghe má kêu Út Nhỏ ơi, tôi học tốc chạy chui rào qua đất nhà mới dạ. Nhờ vậy, tôi mới phát hiện bên anh Tứ Hải có nhiều cái lạ, về cười nắc nẻ với má tôi. Lồng bàn đan bằng tre đập mâm cơm được lợp thêm một lớp vải, nếu không, trứng một trên trần nhà rắc xuống thức ăn như người ta rắc tiêu xay. Đít quần của anh em anh Tứ Hải mặt vải luôn luôn nhăn nhúm, trầy xước vì mấy bộ ván một gặm lờm chờm. Trời mát rượi, đi trong nhà mà phải chụp cái nón lá sùm sụp lên đầu, để phòng ngói rớt. Mấy cây cột chạm rỗng chạm phượng bị mối cắn bọng than, búng ngón tay nghe kêu bộp bộp. Còn trẻ, lại nghèo, anh Hải phải đi bán bánh bao dạo, nuôi em ăn học, nên điều mà họ có thể làm được là giữ cho đồ đạc trong ngôi nhà bóng như gương. Năm mười sáu tuổi, qua "Nhân Phủ" chơi, nhìn vào đó, tôi thấy cả đám mụn cám lấm tẩm trên cánh mũi mình.

Năm tôi mười sáu tuổi, qua bên đó chơi, biết hai anh đều lặng lẽ để bụng thương chị Thể mất rồi. Chị Thể mồ côi, từ nhỏ về ở nhờ trong "Nhân Phủ", đẹp nết, đẹp người. Sinh thời, má anh Hải hay nắm tay trù mến, "Má có hai thằng

con trai, chừng nào lớn, bây chọn một đứa, làm con dâu má ghen". Chị Thế chỉ cười cười, không nói. Chị hiền, dịu dàng như chiếc lá me, con trai xóm khác gặp một lần còn nhớ, huống chi ba người họ lớn lên cùng nhau... Nhưng nhường qua nhường lại hoài, mãi không ai mở lời. Chú em nhin ăn sáng, ốm ròm, mặt mày xanh ẻo cắc cùm dành tiền tha về cho chị Thế nào kẹp tóc, vòng bạc, dép, giày... Ông anh chẳng mua gì, nhưng thấy chị vo cơm thì nhảy vào thổi lửa, thấy chị sắp giặt đồ, anh xách nước để sẵn mấy thùng. Những buổi sớm mai, hai người cùng nhau xào nhân, nhồi bột, hấp bánh bao. Khói quây lấy cả hai, khói thơm ngậy đại mùi lá dứa. Người em thức sớm học bài, thấy cảnh đó, đọc lung tung những câu chẳng có nghĩa gì.

Nên chị Thế chọn ai tôi đều thương người còn lại. Ở ngoài cuộc, hai má con tôi phân tích kỹ lưỡng, tôi nói anh Phương đáng để thương, anh Phương cao ráo, thanh mảnh miệng nhỏ, mắt sâu, trán cao, ăn nói nhỏ nhẹ là người thông minh. Má nói thằng Hải mới tội nghiệp, tính tình hịch hạc, ruột để ngoài da mà nhiệt thành, lúc nào cũng xởi lởi thưa gửi nói cười với người trên trước. Cãi qua cãi lại, hai má con ngã ngựa ra, ủa, hơi đâu mà nói chuyện của người ta.

Tốt nghiệp trung học xong, anh Tứ Phương xung phong đi bộ đội. Anh đi mà không nói gì với chị Thế, tôi cứ nằng nặc đi theo hỏi tại sao, anh nói, "Thương anh Hai quá, Út Nhỏ à. Mười bốn tuổi ảnh đã thay cha mẹ nuôi anh, quán xuyến trong ngoài, học hành lữ đở...". Tôi ờ há, ờ hen, hiểu rằng "Nhân Phũ" từ khi dựng lên luôn đủ chỗ cho hết thầy mọi người sinh ra ở đó, chỉ vì nặng lòng yêu thương mà anh phải ra đi. Hôm xe đưa quân chạy qua nhà, tôi khóc bù non bù nước, tội nghiệp Phương quá.

Anh Tứ Hải thấy vậy, tưởng đâu tôi đã để lòng yêu, nên coi tôi như em dâu anh vậy, như tôi là người của Nhân Phủ mất rồi. Mấy bữa chị Thế đi chợ, ở nhà kiếm không ra cái tô, cái đĩa anh Tứ Hải cũng chạy qua hỏi tôi. Mà ngộ, hỏi gì tôi cũng biết hết. Bữa Phương gửi thư về, anh Hải rủ tôi qua đọc. Từ đầu tới cuối Phương nhắc tới tôi chỉ một câu chín chữ, "Út Nhỏ có qua nhà mình xin giãm không (?!)", vậy mà anh Tứ Hải vẫn ân cần căn dặn, "Ráng chờ thằng Phương nghen, Út Nhỏ. Ba năm, tưởng dài mà mau lắm". Tôi mặc cười, nhưng giả đò quá hay, thắc thỏm than nhớ thương, cho anh yên tâm.

Ba năm, tưởng dài mà mau, Anh Tứ Hải cưới chị Thế, hai năm sinh hai đứa con gái. Anh Tứ Phương về, ngó chị Thế nuôi con gầy ngẳng, lặng lặng mà đau. Nhiều khi lờ miệng kêu:

- Thế à...

Chị Thế nhỏ nhẹ cắt ngang:

- Chú Út hỏi chị chi đó?

Anh Tứ Phương cười cười, ờ ờ, tính nói gì mà quên mất tiêu rồi. Nói gì bây giờ, cả cách xưng hô cũng vờ vờ ngăn cách rồi. Má tôi nói (giọng như là cảnh cáo tôi vậy), thằng Tứ Phương khác thường, nó trầm tính, sâu sắc, người như vậy thương ai là thương tới chết mới thôi. Tôi rành sáu câu nên đâu có dại, nên nhiều bữa từ bên nhà ngó sang thấy chị Thế lúi cúi thổi lửa nấu cơm trong gian bếp là đà khói, tôi hỏi lòng, có thích vị trí của chị ấy không. Câu trả lời là không.

Rủi quá, ba mươi hai tuổi tôi vẫn chưa lấy được chồng, vẫn chưa yêu ai. Mỗi lần có anh chàng chạy lại coi mắt tôi là anh

Tứ Hải buồn rười, lo chắc tôi thôi chờ em anh rồi, chàng nọ dạt ra, anh sướng quá, cười mười bữa chưa thôi. Má tôi tức lắm, bảo, "Con Út Nhỏ chắc mắc nợ anh em thằng Tứ Hải. Để coi, thế nào mầy cũng ế chồng. Mà, bà ngờ nợ, con nhỏ nông này, có thương thằng Tứ Phương thiệt hôn?". Tôi cười, "thiệt đâu mà thiệt, má coi, trên mặt con có vẽ chữ Phương nào không?".

Đương nhiên là không rồi, tình nhân gì hai đứa tôi, tình nhân gì như tôi, ngồi uống rượu với người ta, nghe người ta than thở "anh quên không được chị Thế". Phương ra quân, xin được một chân bảo vệ cơ quan tòa án thành phố, buổi tối, anh phụ chạy bàn cho quán cà phê trước cổng, anh nói, phải kiếm tiền để phụ giúp anh Hai sửa lại nhà. Một năm anh về Phương Điền chừng năm ba lần. "Nhân Phủ" sẽ xáo trộn đôi chút, anh Tứ Hải ghé quán chú Sồi mua rượu, đổ vô cái hủ đựng đầy nhóc xác trái nhàu, trái khế. Chị Thế mua thức ăn ngon hơn, nấu bữa cơm canh thơm tất hơn thường ngày. Mấy đứa nhỏ được chú Út giảng nghĩa những chữ ghi trên mấy tấm hoành phi kia. Hai chữ treo giữa nhà là "Vạn cổ phương", còn kia là "Ái sở thân", kia nữa là "Đức Lưu thiên cổ"... Hai đứa nhỏ ngẩn người ra, vỗ tay cười, chú Út nói sai bét, ba con nói chữ đó là "Anh hùng náo", chữ kia là "Bao Thanh Thiên", còn lưu thiên cổ gì đó, ba nói là "tứ tử đặng khoa" (toàn là tên mấy tuồng cải lương). Tứ Phương nghe, ôm cháu vô lòng, ngậm ngùi thương người vì anh mà chịu nhiều thua thiệt. Rồi chạng vạng, tôi qua, cả nhà mở tiệc. Trẻ con no bụng chạy đi mở ti vi coi, còn lại bốn người cùng nhau uống rượu tới khuya xa. Mà không, chỉ ba người uống, còn chị Thế thì ngồi lui ra sau chừng năm ba thước như xưa rày vẫn vậy (tôi ngờ rằng cũng ở vị trí đó, một

hôm chị chọn được người trăm năm của mình), lặng lẽ, cười cười. Cũng cảnh này, người này nhưng trong lòng đã đánh mất sự bình yên, trong trẻo xưa rồi. Tôi nói, nghe bù xè nhai gỗ trẻo trẻo buồn thiệt. Anh Tứ Hải bảo, ngồi trên mái nhà lặn lóc cóc xuống máng xối kia. Anh Tứ Phương chắc lười, anh mới kiểm tra chừng một chục cây cột, thấy vậy chớ mấy cái ngàm mục hết rồi, chắc là không chịu được bao lâu nữa. Rồi nghĩ, mai mốt không còn căn nhà cũ kỹ này, biết lấy gì mà nói với nhau?

Vì vậy mà phải giữ, quyết giữ nhà cho bằng được. Yêu và đau đã làm cho anh em họ nhọc nhằn ở bên nhau thì căn nhà cổ với những kỷ niệm ngọt ngào ngày thơ ấu níu lòng họ lại. Tôi mấy bận khổ lây, có bữa mưa gió lớn, bỏ nồi cơm nấu dở chạy qua, thấy anh Tứ Hải một tay vịn quần một tay chạy đi đốn cây chống đỡ, tôi nhào vô cùng chị Thế lấy dây chằng mấy cây cột cái. Rồi bung thau đi hứng dột, rồi tiếp chị đùn mấy bọc nước trên nóc mừng. Lúc về tới nhà nhìn tôi loi ngoi ướn, má chếp miệng, giọng như mĩa mai, như hờn tủi "Ông bà mình nói có sai đâu, con gái là con người ta...". Tôi cười, nhìn má, "trời ơi, má nói kỳ, hàng xóm với nhau, rảnh thì giúp", mà lạ, sao tôi nhìn thấy mình trong mắt má lại lủi thủi, đáng thương thế kia.

Không biết có phải vì vậy mà má tôi trở nên buồn bực. Có bữa đi dự đám cưới ở cuối xóm về, thấy tôi đang ngồi lật bông so đũa, má cay đắng hỏi "mày bây giờ già đầu rồi, còn ngóng ra cửa trông ai nữa?". Đâu, tôi cãi lại, con ngó mấy cái bông mà. Rồi má thở dài, "Sao lóng rày, thằng Tứ Phương ít về...". "Kệ thằng chả, má ơi", tôi đáp, chợt nghĩ, ừ, thì cũng lâu rồi anh Tứ Phương không về. Những lần xe đồ cho khách xuống "Nhân Phủ" trước thì nhạt, bây giờ thưa

lắm. Có về, anh Tứ Phương cũng ở lại nhà chừng hai ngày rồi đi, anh nói với tôi, ở lại một bữa là lòng đau một bữa. Tôi gật gù, ờ, em hiểu chớ sao không. Hai đứa tôi ngồi đầu đó (chỗ mà ai cũng nhìn thấy) nói chuyện chơi, có lúc, chẳng cần nói gì. Tôi cố gắng đóng vai trò cô em gái nhỏ như lúc còn bò lủm đùm, anh bỗng đi mua kẹo cho ăn, như lúc tám chín tuổi anh chặt giùm bó dưa chơi chuyền, như lúc mười bảy tuổi, hai anh em chở nhau ra chợ thị xã, chọn đằm mồ hôi mới được cây kẹp tóc cho anh tặng người yêu...

Anh đi rồi, tôi nói với má, " Trời ơi, ngồi với thằng chả mõi lưng quá, má coi, yêu đương chi cho mệt vậy không biết, bởi vậy, con đâu có thèm. Mà, sao anh không quên chị Thế phút cho rồi, để con khỏi mắc công nghe than thở". Rồi nghĩ, mai một đi lấy chồng, ai ngồi chia thương sẻ nhớ với anh, hả Phương.

Lụi hụi rồi gió lại đổi mùa. Tôi gà gật ngồi cho con bé Tho giết trứng tóc. Nó kêu trời ơi, cô Út Nhỏ, cô có tóc bạc rồi nè. Chú Út con cũng có, nhiều lắm. Mà, chú Út con sắp cưới vợ rồi. Tôi hỏi, vậy hả, vậy hả, vậy sao. Dạ, con bé nhỏ nhỏ, con chưa biết mặt, con hỏi giống ai, chú nhìn vòng vòng một hồi, mới nói, cổ hơi giống má. Tôi bảo, ờ, giống má con cũng được, vừa đẹp vừa hiền. Rồi nghĩ, sao mình không có gì giống chị Thế hết vậy ta, tẻ thiệt.

Nhưng giống mà làm gì? Anh chị Tứ Hải qua nhà, cúi đầu chịu lỗi với má tôi, nói vì người của "Nhân Phủ" mà tôi phải chịu lỗi dờ. Tôi cười nắc nẻ, cười ha ha ha, nói, "Em với anh Tứ Phương giả đờ đó, tụi em đâu có tình cảm gì". Mà, dường như họ không tin, chị Thế nắm tay, nhìn tôi chua xót, còn anh Tứ Hải trầm ngâm ngậm một bụm khói thuốc, quay

mặt thở dài. Nhìn thái độ anh chị vậy, tôi tính, điều này chắc mình cũng phải buồn một chút. Nhưng không phải buồn Phương lấy vợ, tôi buồn là vì chiều nay, Nhân Phủ đã sụp đổ trong lòng.

Rồi họ, và cả má tôi đều bảo tôi khóc đi.

Lời Cho Má

B

ây giờ không biết đã mấy mùa tôm rồi tôi trở thành một đứa - con - hàng - xóm. Bao lâu rồi con không còn lẻo đẹo theo gót má để chia chút dãi dầu, hả má ơi? Bao lâu rồi má không còn dịp để dạy con hiểu được ý nghĩa của giọt mồ hôi rơi xuống...

Má tôi là nông dân, suốt quãng thời gian cầm bút, mỗi khi tôi viết về người nông dân tôi lại nghĩ tới má. Trong tôi hiện lên đôi bàn chân ngắn, bè ra vững chãi, những cái móng chân khăng phèn, dày, đầy xơ. Một khuôn mặt sạm đen nửa đêm thao thức, nghe gió về lo lúa đang trở ngoài đồng bị lem lép hạt. Một mái tóc bạc trắng, những sợi tóc sâu loăn quăn mọc trên đỉnh đầu, đám con cháu hăm he nhổ hoài mà chưa có ngày nào má thành thơ. Một dáng người chắc đậm tong tả đội rau đi chợ trong sương sớm. Một đôi tay cục mịch với những đốt xương thô mà sàng gạo như múa trong trưa vắng. Một bóng người sương khói ngồi tan nôi đất, cái mùi cám khét ngọt, nghe nổi nhớ quê dậy động trong lòng.

Không có gì khác đâu, cũng như mọi bà má quê khác, má tôi cũng hiền lành, tháo vát, giỏi giang... má tôi cũng có những đứa con không bao giờ nhớ tuổi má, không bao giờ nhớ thời thanh xuân của má. Nhưng má không buồn, chỉ buồn khi tôi về, ngồi than bên bậc cửa, làm cái nghề viết văn cô độc, cực khổ quá má ơi, má tôi lặng lẽ buồn hiu. Buồn vì không hiểu văn chương, không thể dìu dắt, nâng đỡ

tôi trên con đường nhọc nhằn đó, nhưng má không hay rằng má giúp tôi nhiều lắm.

Bảy tuổi, má dạy tôi trồng rau, tưới rẫy. Tôi lon ton đi chặt cây, kiếm sậy về cho má làm giàn cho dưa leo, mướp, đậu rồng. Những buổi chiều còn nắng, má xới đất, lên giồng, tôi lấy dao phay bằm cho đất tơi ra để kịp lúc ba đi làm về gieo hạt cải. Ba má quấy tưới thùng to, tôi nơ thùng nhỏ, nước sánh ra ướt đầm đìa. Tôi biết chống mông ngồi rửa rau cần, ngò gai ở cầu ao cho má bó từng lọn nhỏ, tay tôi mới bợt bợt một chút má đã xót xa, kẽ tay má đầy những mảng nước ăn, đau nhức tới từng đốt xương sao má không than hả má. Nửa khuya ra chợ, tôi xách cái giỏ nhỏ chỉ đựng ghế ngồi với mấy cái bao trãi để bày hàng, má đội thúng ngò, má cứ hỏi có lạnh lắm hôn con, gió bắc thì cứ hiu hắt cắt da, nước từ cái thúng đội đầu cứ nhỏ long tong xuống đôi vai má. Khi đó tôi không hề biết hỏi, má ơi má có lạnh không, mà, chỉ câu nói của tôi, má ấm lòng biết chừng nào.

Năm tôi mười tuổi, cả xóm rủ nhau làm năm mèo. Má cũng cố làm thêm lúc nông nhàn để tăng thu nhập.. Sau mỗi buổi học, mấy anh em tôi với má bơi xuống đi hàng năm ba cây số mua so đũa. Anh tôi đốn, róc cành xong, hai má con tôi vác xuống xuống, sợ phía tôi nặng, má gánh tới nửa thân cây, tôi chỉ te tái vịn hồ một đầu còn lại mà tưởng mình mạnh giỏi, cái cây bự chẳng vầy sao mà vác nhẹ hảnh nhẹ hơ. Đường về nhà phải qua con đập, thường là quãng cây lên để kéo xuống qua, những lúc mưa nhiều, đập xả, nước từ trong kinh tràn ra như thác, nước cứ lăm lăm nhấn chìm chiếc xuống khảm lừ tìm cách đi ngược vào. Má chống chọi dang lái, tôi nhảy ào xuống nước năm mũi xuống kéo đi,

qua đập, ướt như con chuột, má khen tôi giỏi mà sao nước mắt má rơm rớm vậy.

Làm nấm mèo cực nhất là lúc vô mùa, phải cưa cây thành khúc, đóng lỗ, vô meo... cũng không lâu nhưng đủ để vai má tôi cắn hẳn những cái rãnh sâu sần như vỏ cây so đũa, đủ để mấy đầu ngón tay ám mủ và bàn tay cầm búa chai rộp lên...

Coi lại, hồi nào tới giờ, nhà tôi làm nghề gì cũng cực thầu trời thầu đất, làm gì cũng nặng nhọc, cũng có thể đong mồ hôi bằng khạp, bằng lu. Mà, dù có làm gì thì má tôi cũng là người gánh chịu nhọc nhằn hơn hết thảy, ba tôi chỉ hự hợ chút việc mỗi khi tan sở, má không buồn, má nói, ổng đi làm cách mạng mà. Tôi mười bảy tuổi, thôi học, theo má bán gạo, cám. Ngày nào má cũng bơi một hai xuống gạo từ máy chà chở lên lỏi theo dòng kinh dày những cây cầu khi để mang gạo bán tận nhà người ta. Tôi ngồi đằng mũi, qua cầu cao thì lấy trớn đẩy cho xuống đi nhanh, cầu thấp là tè không quá mũi xuống, không đi được tôi giở cầu cho má bơi. Tôi học từ má, rằng gạo Một Bụi dài, thon, óng ả, gạo Tiên Lùn hạt ngắn, đục như nếp, bầu bình, gạo Nàng Gáo tròn vo, cụt lùn, no căng... Gạo càng trong càng cứng, khô cơm, gạo đục, có ngòi là cơm mềm cơm dẻo... Lăn lóc với bụi cám, tôi nghiện luôn cái mùi thơm nồng nàn đó. Má nói rằng, mùi gạo đầu mùa khác mùi gạo cuối mùa, mùi gạo trắng khác với mùi gạo lức, và cho tới bây giờ, mỗi khi bưng chén cơm, tôi lại nhớ cái vị béo ngậy ngậy, ngọt ngào tinh khiết của gạo sống.

Bán gạo cũng có cái cực trần ai khoai củ của nghề bán gạo nhưng má tôi gắn bó với nghề rất lâu, chắc vì nó gắn gũi với

hạt lúa, cánh đồng, nơi cả đời nông dân má tôi dầm dãi. Tôi còn nhớ như in những mùa hạn, nước dưới kinh rút, chiếc xuồng không còn không thể chống trên lòng lạch cạn teo, má nghĩ ra cách tải gạo, cắm bằng xe đạp (Ôi! cái thuở sao nghèo quá là nghèo). Bao gạo để dài theo sườn xe, má ngồi yên sau chõm hai tay cầm lái, xoay chân ra phía trước để đạp. Má con tôi suốt ngày dưới nắng cồng cồng đạp xe trên con đường lờm chờm đá. Sau này, tôi còn có thể một tay vịn bao gạo đặt ở yên sau, chân đạp cuống cuống, tay kia cố kèm giữ tay lái đang lắc lia lắc lịa, cái bánh xe trước lúc nào cũng muốn chổng lên trời. Ai khen tôi giỏi lòng má tôi cũng đau, vì đã để tôi dang dở con đường học tập. Lúc đó tôi chưa biết nói, "chừng nào nhà mình khá giả rồi con đi học lại, má lo gì", chỉ một câu thôi sẽ an ủi lòng má biết bao nhiêu.

Những câu đáng nói thì vì vô tâm, khờ dại nên không nói, những câu không đáng nói thì cũng vì vô tâm, dại khờ nên đã nói rồi, không lấy lại được. Vẫn còn những ngày dài phía trước, mai tôi sẽ về thưa với má, dù tôi nói câu này dù hơi trễ tràng nhưng có còn hơn không, rằng chưa có bao giờ má dạy tôi viết văn, nhưng những gì tôi viết ra đều mang hơi thở cuộc sống mà má trao tặng.

Bây giờ không biết là đã mấy mùa tôm rồi má với ba tôi xa nhà cất cái chòi giữa đồng vắng xoay xở, vật lộn với con tôm trên những cái đầm chang chang nắng. Cũng từng ấy thời gian, ngày hai buổi sáng, chiều tôi quanh quẩn bên bàn giấy, sớm uống cà phê tối ngồi quán nhậu. Những con chữ bỏ đi xa, những câu văn trốn bật. Mai một đây viết tặng má còn không xứng thì viết cho ai nữa bây giờ.

Cửa Sau

Ở quê mình nhà nào cũng có cửa sau. Mỗi khi đi xa, nhớ ba nhớ má, nhớ nhà, nhớ luôn cái ngạch cửa trước, nhớ cái chái cửa sau. Rồi chợt hiểu vì mắc mớ gì mà người con gái xưa thắm lén "chiều chiều ra đứng cửa sau" để "trông về quê mẹ" để "ruột đau chín chiều".

Ở nhà mình cũng có cái cửa sau. Cửa nhìn ra vườn cây xanh mướt, trắng loáng loáng ngoài kia là chòm mả ông bà tổ tiên. Những chiều xa nhà, ngồi dưới đèn đi dọc theo các triền sông nhìn cửa sau của những ngôi nhà trầm lắng trong nắng héo. Không hiểu sao mình cảm thấy tội nghiệp mình ghê lắm. Người ta có nhà còn nghề nghiệp mình thì giang hồ mãi tận đâu đâu. Mình nhớ cửa sau nhà mình. Không phải chỉ là nơi để đi ra đi vào, cửa trở thành một khung tranh. Chị mình vẽ cảnh ngồi giặt áo trong cái nền sẫm đỏ của hoàng hôn. Ba mình vẽ vào khung một thân mình chắc nịch, đỏ au vì nắng gió trên đồng, những làn nước trong vắng trong vắt từ cái lu nước nhỏ bên cửa bắn tung tóe mỗi lần ba tắm. Bà nội mình ngồi trên cái đôn cửa bằng gỗ mù u, vẽ vào cửa sau một cái nhìn khắc khoải, ngoài vườn chiều kia, dưới trăng chiều kia có mộ Ông, có mộ các chú năm xuống khi tuổi còn rất trẻ. Nên mắt bà đã mờ mà như ướt lem nhem? Hay tại khói cay bay cao bay sà từ chiếc lò cà ràng, ùng ục nồi cám heo sôi trên bếp? Trên khung tranh còn má mình chiều nào cũng ngồi dưới chái đâm từ cửa sau, trước mặt má là thúng rau, sịa ngò đang lật dĩa, bó dĩa... Tay má nhăn, tái xanh vì ngâm nước lâu, trán má nhăn vì lo toan, vất vả, chỉ có cái cười của má thì vui, vui lắm, vui không kể xiết. Nhất là khi má

nhìn đứa cháu nhỏ xíu, ngong ngóng ở truồng nháy lạch chạch trong cái thau nước đặt trên sàn lãn (giống mình hồi nhỏ quá đi thôi). Cạnh đó, có phải mình không vậy ta, có phải mình đang ngồi chồm hổm trước nồi cơm đầy lọ, trong bức tranh chiều, dường như có tiếng cạo cơm cháy sồn sột và tiếng trẻ nít cười rân.

Đêm đầy sao, mở cửa sau chọt hương bông cau, bông bưởi ùa vào đầy ứ mũi. Muốn thở chỉ sợ hương tan. Nghe con chim heo kêu nghe sợ mơ hồ, chạy cuống chạy cuồng qua cửa rồi mà hương vẫn còn theo.

Cửa sau, với mình, ít nhiều mang cảm giác thiêng liêng của sự đầm ấm, sum vầy. Cho nên nhớ hoài, nhớ mãi, nhớ không thôi. Cái số mình, thầy bói nói, là số giang hồ, giang hồ vật.

Ra giữa đời, về phố chợ, đất chật, người đông, sau nhà không có cửa nữa. Bởi phía sau không trăng, không hương, không người vẽ lên đó những bức tranh đầm ấm. Mà, ở đây cửa sau mang ý nghĩa khác mất rồi.

Người ta đưa hai tiếng cửa sau vào ngoặc kép, "cửa sau" làm nhà nước thất thoát hăng tĩ tĩ đồng, mồ hôi nhân dân đổ xuống nhiều hơn, nước mắt vì nỗi nhọc nhằn cạn đi (còn đâu nữa mà rơi). "Cửa sau" làm người ta không trọng nhau, không thương nhau, không tin nhau.

Cửa sau có muốn đâu, cửa muốn vẽ những bức tranh dung dị, bình thường về những con người bình thường, những cảnh vật bình thường.

Nhưng bây giờ người ta hay vẽ, một đám người chen nhau đứng đằng sau cánh cửa, quà trên tay chất vượt mặt, gõ

cửa bằng chân. Cuộc sống có thể người ta mới vẽ thế. Buồn
thiệt ha?

Không, cửa sau mình nhớ dứt khoát không phải vậy. Thiệt
đó, tin mình đi.

Chợ Nhóm Bên Đường

G

iống như đồng lửa rơm nghi ngút khói bên đường, những cái chợ nhỏ làm ấm lòng kẻ giong ruổi trên những con đường đầy bụi và sương, nắng và gió.

Chờ đợi ngót hai mươi lăm năm sau chiến tranh, Cà Mau mới có đường về 5 huyện. Những con đường còn hoang vắng, thô sơ. Một mình một ngựa... nổ chạy rong chạy ruổi lóc cóc xuyên qua những cánh đồng gốc rạ tươi thơm, hai bên đường là bờ sậy, bờ chuối rậm rì. Làng quê yên ả. Những ngôi nhà im sầm buổi sớm mai. Người lớn ra đồng, trẻ con ngồi học ê a bên cửa sổ, mấy con chó cò lông vàng lem luốc vừa ngửa cổ sủa rân trời vừa ríu rít đuổi theo đằng sau xe, lòng tự dưng thấy lạc lõng, cô độc lạ lùng. Rồi chợ, chợ trước mặt, ôi ấm lòng làm sao những ngôi chợ nhóm bên vệ đường.

Chợ lúc nào cũng nhóm ngay đầu cầu, trước cơ quan xã hay đầu cổng đá vào xóm kinh. Như người phụ nữ chân quê, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trầm tính dịu dàng. Mấy rổ hàng con con, mười người phụ nữ tay lấm áo lem ngồi với nhau là thành chợ, đông nữa, hai ba mươi người cũng gọi chợ. Không cần lặn lội khuya lơ khuya lắc như đi chợ thị xã, cứ chờ cho sáng ra bắc nồi cơm lên bếp cái đã, rồi đùng đình xách hàng ra chợ. Đã hiểu nhau về hết thảy nỗi nhọc nhằn nên người mua không nặng nề mặc cả bon chen, người bán cũng chẳng đanh đá chua ngoa như kẻ chợ, hình như chợ họp chỉ để trao đổi, san sẻ với nhau những gì mình có. Bán đi những trái dừa khô để mua lại mớ rau càng cua về trộn

dầu giấm chấm mắm kho. Bán mấy trái khố qua đặng để mua ít đỉnh cải bẹ xanh về nấu với mớ cá rô mề mới giăng tới được sáng nay. Cả cá, cả rau cả trái đều bán theo mớ, hiểm hoi lắm có dì có được cây cân đòn loại 12 kg, trái cân lò dò đặt lên cái đòn đã mòn những khía, tỏ con mắt cũng không biết số ký nằm đâu. Ôi, có hề gì chuyện nặng nhẹ đong đo, lòng người ta tin nhau đây ắp kia mà. Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần trực, cần rừng. Bà ra đó, không phải chăm chăm trông chừng hàng hoá, chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện làng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết). Thành ra chợ không chỉ bán gà, bán cá, bán rau củ trong vườn nhà mà còn gửi gắm thông tin cho nhau nên chợ ít người mà vui, mà thăm đợm nghĩa tình cũng vì lẽ đó.

Chợ không chỉ độc đáo vì bản sắc bình dị, nó còn độc đáo ở những mặt hàng mà nó bày ra. Thì mớ tép rong ôm một bụng trứng xanh rồi còn ướm rượ nước mới cất vó từ dưới kính lên đó, thì mớ cá lòng tong, lìm kìm, cá mè con con nhảy tung nhảy toé, nhảy đến tróc lớp vảy óng ánh ra, thì kìa, rổ trái giác trái tròn tròn, bóng mẩy như viên đạn cu ly, rồi những cọng năng trắng muốt thơm ngai ngái mùi bùn, mùi nước lên đồng... Những thứ này, ở thành phố có thèrn cũng chịu thua, có lang thang hết chợ này sang chợ khác tìm kiếm tảo tần chưa chắc có.

Trên những con đường mới mở còn lơ thơ nhà, lơ thơ hàng quán, đi một đoạn xa ơ là xa, thèm hơi người thì gặp chợ, hỏi làm sao không vui. Qua chợ bên đường, lòng nghĩ, thôi, làm như mình chưa biết gì về luật giao thông, không nhóm chợ nơi đây thì nhóm ở đâu bây giờ, đường sá chờ mầy

mười năm mới có, phải kéo nhau ra đó ngồi buôn bán, phô bày bộ mặt tươi mới của nông thôn, tiện thể dòm xe qua lại cho vui chớ. Bây giờ có kéo nhau xuống đập dưới kia mà nhóm chợ, anh bạn mình làm sao mà trông được cái cổ cao cao, cái cười giòn tan, tươi tắn của cô nhỏ bán hàng, rồi nhớ hoài, nghe ngọt ngào hoài? Thì ra giữa những quãng đường xa ngái, chợ còn có nhiệm vụ là nhóm lên một bếp lửa đời, cho cuộc hành trình bớt xa đi.

Tôi lần nào qua chợ cũng giật mình, làm như gặp lại người nào đó, mà lâu lắm rất quen nhau. Hình như má, hình như chị, mà hình như giống hệt mình đang ngồi đó, quanh mình ngọt ngào buổi sớm mai trong.

Chợ Cửa Má



ôi gọi những cái chợ ruộng dân dã này là chợ của má. Bởi nó hiền lành, lam lũ như má, bởi chợ nhỏ nhoi, khiêm tốn như má, nhưng nó mang một cái hồn sâu, mệnh mệnh lắm nên người ta nhắc nhớ hoài, thương hoài như thương... má vậy.

Bất cứ khu chợ thực phẩm nào ở thành phố Cà Mau cũng có một góc nhỏ dành cho người chợ ruộng. Chợ bắt đầu từ tiếng xe lam chở hàng lặc lè, ậm ì trong buổi sớm, bằng tiếng trò chuyện êm đềm, bằng đôi tay oằn, đôi chân mỏi. Chợ bắt đầu bằng những cái bao ni-lông trải ra nền đất. Bàn tay nào bày ra đó mấy trái dứa khô, mấy nải chuối vàng, con vịt lặc cạc bên rổ trứng. Trên thúng, trên nia lún phún nhô lên những ngọn rau uống sương cong cong.

Hầu như tất cả rau trái ở quê mình có, ở chợ ruộng có. Từ rau muống, rau lang, mồng tơi, búp ngót đến lá chuối xanh, lá dứa, bó sả, nhúm ớt... Rồi cá, rồi gà, vịt, chuột đồng... Ngày rằm, ngày ba mươi, chợ trang điểm bằng bông trang được cột thành khóm đỏ tươi bán cho những người cúng bần thờ Phật. Mồng hai, mười sáu, chợ lúc nhúc những chú gà non tơ. Trời hạn, chợ bày thúng rau đắng đất run rẩy xanh cho ta thèm một nồi cháo tổng. Bữa nắng chiều, chợ có rế tranh, mía lau... Mưa xập xoài, chợ lổn nhổn ốc lát bán kèm lá ổi, lá sả. Những con ốc lát vừa cựa mình trở dậy từ đất, thịt cứ ngọt lừ. Cũng cử này, người ta bán xối rau muống đồng, loại rau muống bị chìm trong nước nhú lên những cái đọt non mềm, cỡ một gang tay, trắng nõn, tưởng như có

thể bẻ bằng mắt một cái "búp" ngon ơ. Mùa nào thức ấy. Nhưng có hôm ta thèm thứ trái mùa lại gặp ở đây thứ trái mùa. Vô tình, chính con người nón rách áo túi cùng những món hàng đã khoác lên cho chợ ruộng một cái áo bình dị, một linh hồn hiền hậu mà rất đổi thiêng liêng. Thêm vào đó một chút thâm trầm dân dã. Thì có gì dân dã bằng nắm rau càng cua mọc từ chái hè, mấy trái bình bát chín hươm mọc từ hào ranh, rổ đọt lúa hái từ sân trước.....

Chỉ có vậy mà những nội trợ đảm đang mê đắm mê đuổi chợ này. Họ mua được nhiều rau tươi, cá tươi, giá lại rẻ do gần như người bán chỉ lấy công làm lời. Họ mua được đầy ắp lòng tin từ bàn tay cần cù của những tấm lòng nông dân chân chất. Và những người xa quê nhớ quê nhà.

Những người ra chợ Cà Mau đều từ ngoại thành, từ những địa danh như Bà Bèo, Đàn Âm, Nhà Phấn, Tân Thành, An Xuyên vốn có truyền thống trồng rau, đi chợ.. Lọ rau muống giá 150 đồng, nhúm đọt chùm ruột giá 500 đồng, xấp lá chuối 1000 đồng... học cũng tích cóp tháng ngày. Thật ra, nhà nào cũng có một vài công ruộng nhưng "ngồi không ăn lúa kho cũng hết, nên đi bán kiếm ít đỉnh tiền". Khuya sớm gánh gồng đi chợ, chợ tan, các mẹ, các chị về nhà, lua vôi vài chén cơm, lại tần tảo quấy giở, cầm dao ra vườn lo buổi chợ mai. Cắt, lật, rửa, bó lọ... loay hoay cũng đến tận chiều. Bàn tay thấm nước, nhăn nheo, bàn tay tái nhợt. Vậy mà buồn (chắc là nông dân ai cũng buồn kiểu này), họ không định đoạt được giá cả món hàng. Nó có thể rẻ, rất rẻ (mồ hôi có rẻ vậy bao giờ).

Đội rau đi chợ trở thành một công việc đẹp của người nông dân tự đời nào không biết. Tìm được một người đi chợ lâu

năm không khó, chỗ này, đằng kia đều có mặt những người dì "tính từ hồi đó đến giờ tui đi đứt cỡ 50 đôi dép Lào". Họ là những người gắn bó máu thịt với cảnh chợ quê này không chỉ vì mưu sinh mà là mỗi gắn bó thiêng liêng. Không có rau, không đi chợ, đằm... buồn.. Có người lặn lội đi bán từng trái bình bát chín, không đủ tiền đi xe thì đi bộ, "miễn sao đỡ ghiền chợ. Ở nhà buồn tay buồn chân, đi bán, một trăm đồng cũng đỡ một trăm". Những đồng tiền nhỏ nhoi nhưng đầy niềm vui bởi nó được làm ra từ giọt mồ hôi mặn, từ tấm lòng lương thiện, thẳng ngay.

Những chuyến hàng lại ra chợ vào buổi sớm mai.

Nên sáng nay con đứng nhìn và con nhớ má. Ngày xưa, có phải má con mình ngồi đằng kia, trong góc đó? Và con ngồi chồm hồm, mắt ngó về ông già bán kẹo mà tay chặt chiu rổ trứng gà con con. Ôi! Nhớ hồi xưa quá, má há?

Bạn Nhậu Cũ

Hắn chịu thiệt là mình mê chơi, ham vui, và vì thích chơi vui nên khoái nhậu. Còn gì buồn bằng việc phải về nhà sớm vào những buổi chiều cuối tuần dìu dìu nắng, gió nhẹ hiu hiu, phải ngồi một mình trong những buổi trưa trời mưa rả rích. Có gì vui bằng được ngồi trong một cái quán nào đó, hơi ồn ả, phức tạp một chút. Ở đó, mỗi người mang tới một màu sắc mùi vị, một tính cách khác nhau, đa dạng như cuộc đời tươi đẹp này. Họ có thể không có lý do gì rõ ràng hết, cũng có thể vì gặp người bạn cũ lưu lạc lâu rồi, một hợp đồng kinh tế mới ký, buồn do thất tình, vui vì mới cưới vợ xong... và niềm tự hào duy nhất của hắn khi ngoái nhìn lại nửa đời bia bọt là có lúc hắn đi quán chỉ vì nhớ cha, nhớ quá trời.

Ngày xưa, cứ năm ba bữa hắn lại chở cha đi nhậu. Đó là những bữa hắn bỏ rơi đám bạn bè mà không đứa nào dám giận, có đứa còn ngồi tấm tắc, ước gì tao còn ông già, đứa khác nghe lòng then thứa, lâu rồi mình không về thăm, ăn một bữa cơm với ba, chỉ đoàn tụ được mấy bữa giỗ nhưng hôm đó, ông già khề khà chung mâm của ông già, con ngồi cùng ly với đám bạn cùng cơ quan, nhậu nhẹt vốn là chuyện ít câu nệ nhất, xuề xòa, hòa đồng nhất mà hai ba con còn không thể sánh vai ngồi, nói chi... Nên hắn được bạn thương lắm, nể nhiều, tụi nó tò mò theo hỏi: "Nhậu với ông già, vui hôn mậy?"

Hắn nói vui, vui lắm, ít ai kiếm được một ông bạn nhậu quý như vậy. Khi đi hắn chở cha, lúc về, cha sợ hắn say, nên

cha giành chớ. Ngồi lâu nhưng uống không nhiều. Cha hẳn thường bảo, uống ít còn nhiều, còn bạn bè, còn tự chủ, còn nhân cách, còn là mình, uống nhiều mất hết. Rượu bia là thứ để thưởng thức chứ không phải nốc vô tội vạ để khoe tài. Cái thức uống này là để rạng rỡ lòng chứ không phải tiêu sầu. Nên hẳn vô chừng hai ly là có thể nói chuyện cởi mở với cha như một người bạn đồng niên. Có bữa, hẳn ngà ngà say nên nổi hứng đọc bài thơ con cóc, cha cười, "vậy là cha biết làm sao con thích la cà quán nhậu rồi, để hứa hẹn như đinh đóng cột với mọi người cái chuyện mình không bao giờ làm được, gỡ cái chén ca bằng cái giọng tề... không chịu được, nói cho hả hê những ăm ức trong lòng... tất cả những chuyện đó, lúc tỉnh, con không bao giờ làm". Hẳn cũng cười, "Nhậu cũng khổ lắm cha ơi, đầu tháng có tiền, nhậu toàn món sang. Cuối tháng, còn chừng mười ngàn trong túi đành ngồi nhậu với đậu phộng luộc, cá khoai khô. Lúc này kể ra thì xấu hổ đây, đi ngang quán quen chạy thiệt chậm coi có thằng bạn nào ngoắc lại không, ngoắc nhẹ mình tự ái chạy luôn, ngoắc mạnh mình ghé lại, tình bạn nhiệt thành vậy, con phụ sao đành". Cha cười ha ha, cái thẳng...

Hẳn giống cha, giống nhất là nhiều râu. Râu cha xồm xoàm, cứng tua tủa, ngả màu bạc, râu con cạo sạch nhưng vẫn xanh rì dưới làn da. Hẳn càng uống càng đỏ mặt, cha càng uống càng xanh. Hẳn nói với cha về những khó khăn trong công việc, về con bạn hẳn thương sắp lấy chồng (đặc biệt chuyện này lúc tỉnh để gì hẳn mở miệng), cha ờ ờ, hồi trẻ, cha cũng bị thất tình hoài. Hẳn ngạc nhiên, "cha nói chơi, "cứng" như cha, từng vào sinh ra tử với quân thù, cung biết cảm giác nẫu ruột khi mất người yêu như đám thanh niên bây giờ sao?" Tự nhiên hẳn thấy giữa mình và cha hình như

không còn khoảng cách nào hết, vì có thể nói và nghe nhau. Có lần, hấn còn kêu cha lấy vợ đi, lấy cô giáo già thương cha hoài, chờ cha hoài đó. Cha cười, "cha già rồi". Hấn gạt ngang, "Già đâu mà già, cha còn "ngon" lắm, lần nào cha con mình nhậu con cũng say trước...". Cha hấn bật cười, cái thẳng uống rượu như xe bồn mà dám giả đồ say. Nhưng có điều chắc cha chưa biết, hấn làm vậy để được cha che chở, dìu dắt như ngày còn bé. Đàn ông lớn xác vậy nhưng đôi lúc vẫn thèm, đời ngoài kia trần trụi và khốc liệt quá mà...

Rồi một ngày, hấn đến quán một mình, ngồi chỗ cũ, gần song cửa đóng bằng thẻ tre bù xè đã ăn thủng lỗ chỗ, phần rắc lấm tẩm mặt bàn. Hấn đòi hai cái ly, một đĩa đậu phộng rang, run rẩy rót rượu tràn ra bàn rồi đầu đầu nhìn về chiếc ghế trống trước mặt. Cha hấn đi rồi, đi xa lắm, cô phục vụ xinh đẹp rụt rè ngồi xuống chỗ cha thường ngồi, cô bảo:

- Hôm rồi xe tang đi qua, em thấy giống bác, em đã ngỡ ngợ... Hông ngợ...

Hấn không nói gì hết, sợ mở miệng ra sẽ bật khóc. Đàn ông đàn ang ai khóc trước mặt con gái, kỳ.

Sau này gặp lại, cô phục vụ cười:

- Chừng nào em lấy chồng, em sẽ chọn một người y hệt anh, một người có thể chở cha mình đi nhậu. Bây giờ, ít người làm vậy lắm - Rồi cô ghen ngào - Sao thấy anh em nhớ bác quá, anh à.

Người tri kỷ xưa vừa đi, người tri kỷ khác lại đến.

Cha mất hai năm, cô phục vụ nọ thành vợ hấn, người vợ duy nhất không cần nhẫn khi chồng đi nhậu, vì cô biết, có lúc chồng mình cũng bỏ mặc đám bạn bè để một mình đến

quán cũ, ngồi nhớ thương người bạn nhậu cũ. Nói cho cùng, la cà ở quán nhậu cũng hỏng phải là chuyện xấu lắm...

Nguyệt - Người Bạn Không Biết Viết Văn

V

ới bạn học cũ, tôi luôn luôn dựng lên cảnh ngày gặp nhau thật huy hoàng, bữa đó có thể là ngày họp lớp, đám học trò xưa vừa ăn tiệc đứng vừa nhắc kỷ niệm ngày xưa. Nhưng tưởng tượng cách xa thực tế, tôi gặp Giàu ở bến tàu, nó chạy xe ôm, gặp đang lúc nó đang đổ mặt tía tai dành khách, nó giật giỏ xách tôi, thiếu điều bỗng tôi quăng lên xe của nó. Tôi gặp Tiên đang làm kế toán viên của ngân hàng, bữa tôi lại làm thủ tục vay vốn, nó cứ càu nhàu, sao cái hình trong giấy không giống người ngoài đời, còn mục ruồi dưới cằm đâu... Bữa gặp Nguyệt cũng bất ngờ, tôi uốn tóc ở tiệm cạnh nhà Nguyệt, nó nhận ra tôi trước, chạy ào qua, nắm tay tôi lắc lia lắc lịa, mừng thôi là mừng, trong lúc con bạn nó đang ngượng ngịu với cái đầu chôm bôm, tóc tai cuốn từng cuốn như chả giò (Đáng lẽ mình nên xuất hiện trước mặt nó bằng dáng vẻ thanh lịch, tươm tất hơn mới phải - người viết văn mà). Nó bảo, trời ơi, đúng là con Tư thiệt rồi, lâu quá không gặp.

Rồi nó kéo tôi về nhà mình, tắt tả bưng ly nước lọc ra, miệng ríu rích hỏi tôi lúc này làm nghề gì, tôi nói viết văn, nó à ra rồi nói với cái giọng tội nghiệp xót xa cho phận con bạn bẽ bàng:

- Vậy à, ờ, ráng đi, ai biểu hồi nhỏ mày giỏi văn làm chi.

Lời của nó thiết tha đến nỗi làm tôi tin rằng mình tội nghiệp thiệt, thấy thương quá đi. Người không viết văn sướng hơn mình nhiều.

Thì chuyện của Nguyệt chứng minh điều đó, nó sống vui lạ lùng. Nó bảo, trái tim nó chia ba phần tươi đỏ, "Cuộc đời tao dành cho ảnh phần nhiều. Phần cho con, phần để cho... phim" (Tôi ngờ rằng nó cải biên thơ của Tố Hữu). Hai mươi ba tuổi nó lấy chồng, lấy ngay người yêu đầu tiên và duy nhất, không phải tư tưởng chọn lựa người này người kia, không phải lúc nào cũng lơ mơ, thấy thằng nào cười đẹp đẹp là ... muốn yêu thêm nữa. Nguyệt thì chỉ cần chăm chăm thương một mình chồng, rồi bây giờ thêm đứa con trai vừa đủ tuổi vô mẫu giáo. Chuyện chi xài trong nhà thì không phải lo, anh chồng làm chủ một cửa hàng máy văn phòng gánh hết. Một ngày Nguyệt lo cơm hai bữa, lo tắm cho con cũng hai lần thêm một lần lo chuyện ngủ cho chồng (nói tới chuyện này nó cười lỏn lển bí ẩn lắm). Nó giỏi giang, chu đáo, làm việc nào ra việc ấy (chắc là vì không biết viết văn như tôi...). Nấu món nào chồng cũng thích, bạn bè chồng tới nhà hai năm sau còn nhắc bữa ăn cá lóc luộc mẹ nghe ngon tới bây giờ. Chủ nhật này làm bánh xèo, chủ nhật sau nấu bánh canh, Nguyệt đem cho cha mẹ hai bên, ông bà già cảm động quá chừng, con nhỏ thiệt siêng, hiếu thảo, ngoài chợ bán thiếu gì, làm chi cho cực, con. Nó cười, ra chợ mua không có lòng bằng chính mình bỏ công làm. Họ hàng hai bên có giỗ quây, hẳn là nó tới, phụ nấu nướng một tay. Một ngày bình thường bắt đầu từ việc đưa con đi nhà trẻ, nấu cơm xong, thời gian chờ chồng tan sở, nó ủi đồ lớn đồ nhỏ trong nhà, thay dây thun lưng quần cho con, đơm lại nút áo chồng, rảnh nữa coi phim bộ Đài Loan. Nó nói nó không thích phim Mỹ, khó hiểu lắm, hỏng giống phim Đài Loan, coi lần nào cũng khóc muốn chết. Tánh nó là vậy, trong sáng, chân chất, chuyện trong phim mà nó

đình ninh như ở ngoài đời, như thể xảy ra ở trong xóm nó, kế nhà nó. Cảm giác đó lâu rồi trong tôi không còn nữa, tôi rành sáu câu cách xếp đặt, dàn dựng bi kịch, nghề viết văn cũng gần giống vậy mà.

Nên Nguyệt tội nghiệp tôi là phải rồi. Làm sao tôi có thể sống thanh thản, thoải mái như nó, thí dụ như đi chợ, gặp đứa bé ăn xin, nó thương quá móc tiền ra cho rồi thôi, Nguyệt chẳng cần tự hỏi chắc là có một bi kịch nào đó trong nhà đứa trẻ đã đẩy nó ra đường. Không biết cuộc sống nó thế nào, đêm nay nó ngủ đâu... Tương lai nó sẽ ra sao... Nguyệt nhìn con chim bay qua mà không phải nghĩ tầm phào, tại sao con chim nó bay có một mình, chắc cha mẹ nó bị bắn rồi, lúc này người ta săn chim, hủy hoại môi trường dữ lắm. Những bữa tối nó thanh thản đi dạo phố với chồng, con, ghé ngã Năm chợ mua bong bóng bay, hay ăn cháo trắng hột vịt muối, tóm lại là không suy nghĩ gì hết, vui trọn cả tấm lòng. Còn tôi lúc nào cũng nghĩ nhiều lắm, toàn chuyện trời ơi đất hỡi, nghĩ coi cho ông nọ gặp rồi yêu bà kia như thế nào, nghĩ coi anh lính đó sẽ chết trong tư thế nào, con nhỏ này hành động làm sao khi thấy cha nó lấy má ghè...

Nguyệt thì không biết viết văn, hồi nhỏ, nó dốt nhất là môn này. Cô Thủy chê nó thiệt tình quá, không biết tưởng tượng mộng mơ, bay bổng. Vậy mà hay, tâm hồn ở dưới đất nên nó biết thịt heo đùi trước mềm hơn đùi sau, cá kèo kho xối ngon hơn kho mặn, còn cá chốt rửa bằng dầu ăn vừa sạch nhớt vừa mềm, hâm mấy lửa vẫn ngon như thường, nó biết gạo Tài Nguyên ngon cơm hơn Nàng Gáo, quần áo đồ đồng ở chợ phường vừa tốt vừa rẻ. Nó biết nhiều sự kiện của đầu

trên xóm dưới, nhờ thu lượm được của con nhỏ làm móng dạo, rồi quan tâm, bàn tán như thể chuyện của nhà mình.

Nên lần gặp lại này, toàn là Nguyệt nói, tỉ tỉ chuyện dưới đất trên trời, luôn cả chuyện chính trị, nó chê tổng thống Mỹ không đẹp trai, mặt mày xương xấu, quạu quọ, nó thương chủ tịch M vừa mất chức, tội nghiệp, hồi trước giờ nhờ ổng mà cả xóm ít khi cúp điện, đường sá cũng được sửa đàng hoàng. Rồi Nguyệt nói dài tới chuyện nhà, chuyện nó nhắn chồng đi nhậu khuya, thằng con hồi hôm này đái dầm nhưng tuyệt không nói tới văn chương, chẳng hỏi nhau lúc này viết được không, nhiều ít, truyện vừa rồi đạt không, rồi ngồi chê búng chê beo tiểu thuyết mới của ông C nào đó như am hiểu lý luận phê bình lắm. Nó nói có lúc rảnh quá chừng nó cũng đọc sách, sao không thấy sách ghi tên Tư, tôi hỏi nó đọc sách gì, Nguyệt kể ra nào là "Tình như mây khói", "Yêu mãi người ơi", "Mai em theo chồng"... loại sách vừa dễ hiểu vừa có chữ bự coi không mỏi mắt. Tôi cười cười, con Nguyệt thắc mắc "Nhớ hồi nhỏ mầy thèo lẻo nhất lớp, bây giờ sao khôn quá trời, bắt người khác nói không à". Tôi cũng giật mình, ờ, ờ mình hồng biết nói gì, rồi nhìn vẻ mặt lấp lánh ánh cười của nó mà buồn, bao giờ, chừng nào mình mới được sống vui giống vậy... Tôi biểu Nguyệt cứ nói đi, mình thích nghe hơn. Bởi có những chuyện tôi biết thì tôi để dành... viết hết rồi. Bi kịch ở chỗ là cuộc đời này không chỉ có bấy nhiêu thôi.

Còn nhiều chứ, ngoài văn chương thi phú ra, thí dụ như bạn bè. Con Nguyệt khoe, gặp được nhiều bạn bè cũ lắm. Như mới vừa đi đám cưới con Thảo "khoai lang" nè, coi ú vậy mà lấy được thằng chồng đẹp trai, ờ, bữa đó còn ngồi chung Thúy "ở dơ", bây giờ điệu dữ à, mấy ngón tay lúc nào cũng

nhón nhón vánh vánh thấy cười lảm. Như mới gặp thẳng Nguyên hồi hôm qua nè, nó ẳm con đi chích ngừa ở dưới phường, thẳng nhỏ giống hệt nó, tròn vo, ú quây. Như thẳng Nghĩa ngày nào cũng lừa hai con bò của ông nội nó ngang nhà, Nguyệt rủ nó ghé uống nước rồi đi nhưng Nghĩa mắc cở, cầm cây roi quất con bò chạy cà cồng cà cưỡng, lằm lúi đi mất. Như hôm qua ba cặp vợ chồng Nguyệt, Mỹ, Tho rủ nhau đi nhậu ốc lác luộc sả, ốc bươu nướng, mấy đứa nhỏ khoái lảm. "Ủa, Tư, mày hồng gặp tụi nó hả...", Nguyệt hỏi, giọng tiếc hùi hụi. Tôi bảo không, à, có, mà không, tôi không có bạn, lúc bạn cần, bạn tìm thì tôi đang bận viết cái gì đó nên không thể phân tâm mà bỏ đi chơi, đến lúc tôi rảnh rang, sức nhớ, chợt thềm gặp một người nào đó để nhậu, nói chuyện chơi thì không còn ai cả. Có gặp thì cũng như gặp Nguyệt bây giờ, lượng sượng, không biết nói chuyện gì, giống như một đứa ở trên trời, một dưới đất, có chuyện gì chung đâu.

Nguyệt thì chẳng bao giờ cô đơn như thế. Nó để dành cả một tâm hồn không vướng bận để quan tâm, chia sẻ, chu toàn hết thảy chuyện lặt vặt của cuộc đời. Còn tôi thì đang đứng trên biển văn chương mênh mang chưa thấy đâu là bờ bến, đường đời cũng dở sống dở chết, chưa đâu tới đâu, hai vai không trọn vai nào.

Bữa gặp Nguyệt về, tôi lơ ngơ ngẩn hết mấy ngày. Nhớ cái cảnh nó vừa chống mông lau nhà vừa nghe nhạc, loại nhạc mang âm hưởng dân ca lời lẽ cực kỳ dễ hiểu kiểu như " Nhà anh, giậu đổ bìm leo mà nhà em rào mấy lượt rào, hỏi chớ con đường mòn nào xui hai đứa gặp nhau...". Cứ đêm về tôi mong được nằm mơ, mong thấy vía mình vừa chơi ô tô với con vừa kể cho chồng nghe một câu chuyện gì đó thật hay

lượm ở ngoài chợ cá, vừa kể hai đứa vừa cười ngắc nga ngắc ngẻo. Xong rồi coi Lưu Tuyết Hoa trong phim "Xóm Vắng" vừa khóc với Tần Hán vừa hát "Buồn lòng tôi hát câu dân ca xưa để với nỗi sầu... Mấy ai qua cầu mà mong về được người ơi..." bằng tiếng của ca sỹ Cẩm Ly (vô lý vậy mới gọi là mơ chứ). Nhưng chờ hoài không thấy...

Cuộc sống đó, không ít người vẫn "khi dễ" là nhàm chán, cạn èo, tầm thường... Rồi một đôi lần trong đời chợt rưng rưng nhận ra, muốn sống vậy cũng không dễ.

Quán Nhớ

Jrong đám bạn nhỏ cùng xóm, lớn lên tản mác, chỉ nó là người đi xa nhất, cách núi sông đã đành, mà còn cách biển, bên này bên đó không thể cùng lúc ngắm mặt trời lên. Lâu lắm nó mới về, nó bảo, bây giờ xứ mình cái gì cũng khác, nhờ có tình bạn tụi mày mà tao còn biết đường về, nhờ một thứ nữa là cái tiệm tạp hóa của dì Hai, may, cứ nhìn tiệm đó mà tao không lạc.

Lỗi sống văn minh không làm nó quên tiếng tiệm ngày xưa, ngày mà cả nó và tôi còn nhỏ xíu, ngày nào má nó cũng kêu thằng Út ơi, thằng Út à, chạy lại đằng tiệm mua giùm má ít đồ. Bữa sáng chạy ra mua tương mua củi về nấu bữa cơm sớm cho má nó lót lòng đi làm phụ hồ, ba đi đập xích lô, trưa cả hai người về, cho đỡ mệt. Chiều xách chai mua dầu về thắp đèn, bữa nào ba nó vui, muốn nhâm nhi với mấy ông bạn, nó đong thêm xí rượu. Nó biết đi tiệm mua đồ từ lúc còn chưa biết mặt của mấy tờ giấy bạc, ở nhà đưa tiền, nó chạy lại xòe tay ra mấy tờ bạc bèo nhèo đưa dì Hai, “má con dặn mua hết bi nhiêu đồng muối”. Dặn mua ít món còn nhớ, dặn nhiều nó phải vừa đi vừa nhẩm, gặp cái chạc cây, vấp ngã, quên mất, lại phải mếu máo chạy về hỏi lại. Ở nhà sai biểu cái gì còn mê chơi, dùng dằng chứ bảo đi tiệm là nó te tái đi ngay, mua món đồ còn dư một vài trăm, thế nào dì Hai cũng thổi lại bằng mấy cục kẹo chanh, kẹo dứa xanh xanh đỏ đỏ, ngọt dai dăng cả một tuổi thơ của đám con nhà nghèo.

Tiệm tạp hóa của dì Hai cất dựa mé sông, nhà nhỏ, hàng hóa chất đầy ra lối đi, treo lùm đum lúu đúu không thấy được đầu người. Nhỏ vậy, chật chội vậy mà dường như hỏi món gì cũng có, gạo củi mắm muối thì nói gì, tiệm có cả những thứ năm thì mười họa mới bán được một lần. Chen chúc nhau những kệ cao kệ thấp, thùng nhỏ, thùng to, hủ sành, hủ mỏ... không có cái thứ tự nào cho món lớn nhất như sịa nia thúng mủng, nhỏ nhất như cục đá lửa, cái dao lam... Bạn tôi nói với tôi rằng, mười mấy năm qua, mỗi lần bước vào những siêu thị hàng hóa bày bán hào nhoáng, nó vẫn thường nhớ tới tiệm của dì Hai, nó nói có một cái gì đó đầy sự sống, ấm áp trong cái quán bề bộn, hỗn độn của dì. Nên nhớ nhiều lắm. Nhớ đùm cốm gạo treo trên vách, mấy cái keo đựng bánh kẹo, bánh men, cái diệm đựng củ cải muối để kể bên rổ hột vịt, ở góc nhà là thập đường mía vàng ong óng, một lần nó lén lấy tay múc thử, dì Hai rầy, "cái thằng sao ở dơ ở dáy vậy con, sao không nói để dì lấy dao xấn cho". Nó còn nhớ nắp đậy trên cái lon đựng tiền lẻ của dì lúc nào cũng dính dâm dấp bột gạo, bột củ năng. Qua bao nhiêu năm rồi, nó vẫn thắc mắc, tự hỏi, làm sao dì nhớ rành vị trí từng thứ hàng hóa trong tiệm của mình, để người ta hỏi cái gì, dì lẹ làng, phăm phăm lòi ra ngay thứ ấy, mà từ cái chỗ đôi khi ta không ngờ tới. Tôi cười, với dì, cái tiệm đó có một trật tự riêng, tội mình không biết được đâu.

Bởi dì đã mở tiệm hàng này từ lúc chúng tôi chưa được sinh ra. Có vài ba cái tiệm như thế cho xóm lao động nghèo nhưng không có cái nào lâu đời như tiệm của dì. Mỗi gia đình trong xóm nhỏ này, ai đi ai đến dì rành hết thảy. Buôn bán lâu năm, dì còn thuộc nết ăn, xài từng nhà. Như cậu Ba chỉ thích ăn bí hầm dưa với đường mía, vừa ngọt vừa thanh,

dì Chín mê món cháo trắng ăn với cải xá bầu, sáng nào cũng nấu, nhà mợ Bảy thích xài xà bông bột hơn loại kem... Với cư dân trong xóm, khi đã vượt qua được đận cơm ngày hai bữa thiếu trước hụt sau, ai cũng tự hỏi, hồi đó sống sao được nếu vắng những tiệm buôn bán lẻ trong xóm mình ha. Làm ngày nào đủ chi ngày ấy, đủ hai ký gạo, hai trăm đồng muối, năm trăm đồng đường, với bột ngọt, tương, chao... lắt nhắt, vụn vặt, không người bán biết mua ở đâu. Rồi mấy đứa con gái đĩnh đoảng như tôi vất vả biết chừng nào, đôi khi không lấy được chồng chứ hỏng phải chuyện chơi, vì lâu lâu vô bếp một lần, đang nấu canh, kho cá, tá hỏa lên trong nhà hết đường hết muối, sai đứa con nít chạy lẻ ra tiệm mua về nêm vẫn kịp, thiệt hú hồn, may quá. Lớn lên, xa nhà, đi rày đây mai đó, nhớ về xóm cũ, từng cái cây ngọn cỏ, con đường dường như mỗi thứ đã trở thành một phần đời... Cả cái tiệm tạp hóa bình dị, mộc mạc của người đàn bà góa chồng hiền hậu mà cả đời chẳng đứa nào quên tên gọi: dì Hai.

Nó lại thăm, dì Hai than lúc này già cả rồi, con mắt ngó không thấy đường, đêm nào cũng nghe đau nhức mình mẩy. Dì nắm bóp tay nó (cái bàn tay chuyên môn lén quẹt đường mía ăn), khen lúc này con lớn quá, mập ra. Nó cười, thì mười mấy năm rồi còn gì, xóm xưa trở thành phố thị, hàng quán tíu tít mọc lên. Mọi thứ đã đổi rồi, sao dì với tiệm của dì không thay đổi gì hết vậy? Dì Hai cười, nếu cái gì cũng đổi hết thì bây biết đường đâu mà về.

Tôi thấy chút xíu nữa nó đã rút nước mắt. Nó nén lòng, mếu máo cười, bảo, "Lâu quá, hỏng ăn kẹo của tiệm dì Hai, dì bán cho con năm trăm kẹo đi, dì!". Dì cười, "Cái thằng,

buôn bán gì, lâu lâu con mới về, dì đãi", rồi dì lượm cụm lấy cho nó một vốc kẹo dứa.

Hồi xưa nó cũng chỉ mê mỗi món kẹo dứa, mê tới mức cả hàm răng sún hết trội.

Nhớ Đất

M

ừa đời xiêu lạc, thím về. Hỏi thím đã đi đâu, thím đi nhiều lắm, tới biển, tới rừng, qua biết bao con sông, nhìn biết bao là cảnh đẹp... Nhưng sao lại về? Nhớ đất. Trời, đất mà nhớ gì, ai để ý đâu mà nhớ.

Vậy thì con Tư mầy có bao giờ lênh đênh trên chợ nổi quê mình chưa? Những buổi chiều tà, chợ nổi ùu hiu bập bênh ðâu hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, ðỏ hoe hoe. Những người ðàn bà cúi ðầu ngó chăm chăm xới nôi cơm nghi ngút khói, những người ðàn ông xếp bằng ngõi trên mui ghe vắn những ðiều thuốc to ðùng bằng ðầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những ðứa trẻ con ngõi tênh hênh trên mũi ghe câu cá chốt, cá mè.

Con Tư mầy phải sống trên ghe thím vài năm mới ðược, sống trên chiếc ghe dài bảy thước ngang hai thước mới thấy buồn chân. Con Tư mầy phải coi mấy ðứa con nít dưới ghe, mỗi lần ghé bến tụi nó lại chạy te te lên bờ, cuống quýt rượt ðuổi nhau, những ðôi chân trần trụi thoăn thoắt nhảy trên cái bến gồ ghề ðất. Mầy phải biết cái cảnh trồng nùm nịu ít bụi họ, ít cây rau thơm, vài cây ớt ồm nhóm trong cái khạp bể mới hiểu thím nhớ ðất cỡ nào.

Thím biết biển rồi, trời ơi, biển rộng hải hùng luôn. Thím cũng biết rừng, ðâu phải ðám ðừa nước có chút tản nầy ðâu, rừng ðước, rừng tràn kìa con ơi, ở trong ðó có khỉ nè, có cọp nè, có chim về làm tổ sát dưới ðất. Nhưng thím lại thèm nhiều thứ lắm, thèm cái hơi ẩm khi ði ngang qua bờ lúa (cái thời thím nhỏ xíu, thím chuyên chui vô kẹt bờ lúa

ngủ trốn đò), thím thềm cái mùi nước đái của con kiến vàng mỗi lần ra mé ao hái chanh, hái tắc, rồi đám mùng tơi bò rợp trên mái lá lợp che hàng lớn nước, khoảng sân cá rô lóc lảng lừ khi bắt đầu mùa mưa tới, bày con nít nhà thím dọc sình lằm đằm đi bắt cá lên, và những hạt lúa còn sót lại hồi mùa trước âm ỉ nứt mầm, chen đất lên xanh nhuốt? Con Tư mầy nói thím sướng là đứng núi này trông núi nọ, là mơ thấy đang chèo mũi trên một chiếc ghe đi trong đầm địa sương sớm. Còn thím, hồi ở dưới ghe thím lúc nào cũng chiêm bao thấy lớn tồng ngồng rồi mà còn chạy xấp xải trên cánh đồng tay kéo con điều lộng gió.

Con không biết sao, những ai sinh ra lớn lên, lấy vợ, lấy chồng trên ghe mới quen, mới không nhớ đất, chớ thím từ đất ra đi mà, thím không thềm, không nhớ sao được.

Nhưng sống trên chợ nổi lâu vậy lên bờ cũng nhớ, con người ta kỳ cục thiệt. Những âm thanh ồn ả buổi sớm, điều hiu buổi chiều. Tiếng ti vi ghe này đờn "bông hoa nhỏ", trên chiếc ghe khác, ai đó dò cái đài khọt khẹt tìm chương trình ca cải lương. Vợ chồng cãi nhau, trẻ nít xúm lại đánh bài tiến lên, đứa ngồi đứa quỳ, mặt đầy lọ nghe. Gia đình này gia đình kia sao gần gũi như ở chung nhà vậy. Bên này ăn cơm với mắm chưng nghe rõ ràng ghe bên kia mùi cá chốt kho sả ớt, bữa cơm tự nhiên ngon kỳ cục. Đám đàn ông bên những bữa rượu sương sương tùm trên mũi ghe ca vọng cổ. Gió đàn lời ca vừa buồn vừa mát, trong lao động có nghĩ ngơi, trong nổi cơ cực cũng có khi vui sướng, nhưng không hiểu làm sao thím vẫn nghĩ về đất, con à.

Bây giờ thím lên bờ thiệt, thím làm gì hả, thím vét lục bình dưới mấy cái đìa để cho cá vô ở, thím vừa đào thêm mấy cái

họng ao để mưa xập xoài vầy, cá từ ruộng lóc vô cho dễ. Thím xin rơm về trồng rau, đó, mấy luống bạc hà vừa bắt rễ, coi ngon lành hôn? Bạc hà bắt phân rơm như thím bắt vô đất, tươi tốt bắt ham. Thím vừa ngâm giống xong, cha, hôm rồi nghe mưa đầu mùa gõ tinh tang xuống cái máng xối, thím không ngủ được, lòng nó bồi hồi làm sao đâu á, như hồi xưa, thím nằm tính coi khoảng mấy trận mưa nữa thì giúc giống cho kịp xuống đồng đất vừa chớm dỏ. Chỉ chừng năm bảy ngày nữa, ra sau vườn thím coi, lúa nó lên nhu nhú xanh cái màu đẹp dễ sợ luôn cho mà thấy. Rồi tự nhiên trong thím có lại cái cảm giác tim đập thà thà thậm thịch mỗi lần nghe giá lúa lên xuống, vậy là dì quen được rồi, quen với đất được rồi. Thím còn tính lên giồng trồng đủ với gừng, tết tới sẵn của nhà thím chia cho hàng xóm ngào mút dỏ ăn lấy thảo...

Coi con Tư bây kìa, sao thím nói cái gì con cũng nhăn nhó vậy.

Con nghe thím nói con ngán quá trời. Có đất cực thân thêm chớ sướng gì thím?

Trời, nói tới cỡ đó mà con còn chưa hiểu, thím bệnh mà, bệnh "mê đất", hiểu hông? Không hiểu hả, vậy thì thím nói câu này cho gọn, cả đời thím chỉ thèm cái hồi nằm xuống, thím được nhắm mắt bình yên trong mảnh - đất - của - mình.

Gió Mùa Thao Thức

M

hững ngọn gió tháng mười ráo khan đã thổi về xóm Rạch Mồ Côi. Không ngủ được, má dậy sớm nấu ấm trà mang ra chòi vuông cho ba. Má biết cỡ này ba cũng đang thao thức. Thức, vì đêm nay kỷ niệm chợt theo gió về kinh hải.

Nghe gió tưởng bên ngoài cửa chòi lữ cá rô đang đớp móng dưới trăng giật mình quẫy chum. Nghe như tiếng những cây dao yếm mần cá chặt đều trên mặt thớt mù u. Nghe phảng phất mùi tanh tanh của khạp cá muối chưa chao nước mắt...

Tháng này năm ngoái, Rạch Mồ Côi vào mùa đìa, mùa thu hoạch cá đồng lớn nhất trong năm. Ừ, năm ngoái cũng gió này, nước trên đồng cạn dần, cá nhà ta giã từ hết mùa mưa rày đây mai đó, giã từ những bữa ăn ngon trên chân ruộng, chân rừng, buồn tình rút xuống mương đìa ca "la la la, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng ao nhà...".

Thấy cá ục sôi dưới đìa, mắc nôn nao trong ruột. Hai ông bà không ngủ được, nghe cá lóc tấp phập trên mặt nước, tiếng gợn hơi như dứa rụng; ba nói: con này cả ký lô ghen bà. Má cãi: hồng tới đâu đó ông ơi, chừng nửa ký là cùng, cá lóc tấp nghe hờm vậy chứ.

Ba cười, già đầu rồi hồng lẽ tui cãi qua cãi lại với bà như con nít. Rồi má châm một bình trà đậm, bưng lại chỗ cửa sau rủ ba ra ngồi. Vừa tráng nước nóng mấy cái ly má vừa hỏi năm nay ông tính cỡ nào thì xuống lưới? Thấy đặng xóm làm đìa, má nôn nên hỏi vậy chớ má biết năm nào cũng chờ cận tết,

chờ đám con cháu về đủ. Chúng nó bôn ba thành thị, chen chúc nhọc nhằn ở đó cả năm rồi, chùng về phải đãi cho tụi nó mấy bữa cá đã đời.

Ba má làm nông dân cả đời, nghèo lắm, chỉ có chút này làm niềm vui lớn cho con. Ở thành phố đám con cũng đủ đây, nhưng chẳng bao giờ được sống đầm ấm như vậy, được đứng ngồi quây quần, rồi rít với nhau ngoài bờ chuối, bờ dứa mát rượi, khói tỏa quanh nòng nà, khung cảnh vẫn như ngày chúng lên tám lên mười.

Coi cái cách ăn của con, ba má mừng chúng vẫn chưa thay đổi, tánh ý hồi nhỏ sao giờ vậy. Thăng Hai với con Năm mê cá lóc, khoái thẩu trời món cá nướng rơm chấm muối ớt kèm rau húng lủi, bắp chuối non. Hai đứa nói với nhau: trời ơi mùi khói này nó thơm, ngọt làm sao đâu á, nghe như đang ở giữa đồng lúa quê mình, như hồi còn đi dận cù bắt chuột hén anh.

Thăng Ba ngồi ở một góc khác lặng lẽ, chặt lưỡi hít hà với mấy con cá trê vàng nướng, nó ngồi trở cá, mắt lom lom vô con cá bóng nhẫy, mỡ nhỏ xèo xèo trên bếp lửa, tô nước mắm gừng để tum hum trong lòng.

Con Tư chê cá rô, cá trê, ghét cá lóc (hồi năm tuổi, nó nhào vô cái lu đang rộng cá nên bị cá lóc phóng trúng, con mắt sưng như trái ổi, xanh dờn), nó lảng xảng làm cá sặc nấu cơm mẻ, nó nói cái tạng nó nghèo khó, nhăn nhó nên chỉ hợp với cá sặc thôi. Anh chị nó cười ha ha ha, ui cha, ba má ơi, nó nói vậy chớ ở thành phố bây giờ ăn cá sặc là sành điệu lắm, nhiều bữa muốn ăn cá sặc kho sả ớt mà kiếm không ra, thèm muốn rút nước mắt luôn vậy đó.

Má ngồi nhìn con cháu đang cười đùa ăn uống, nhớ thằng Út vừa vào bộ đội, cứ này ở đơn vị nó có biết gió về không, có thèm không một nồi canh chua cá rô đồng bông so đũa?

Má khum tay che cho khỏi chói, ngược lên nhìn bông so đũa nở trắng xóa trên đầu. Những thứ bông rau đồng cũng như có hẹn với mùa đìa. Đám con má chỉ cần vói một chút là hái được những đọt chùm ruột trên đầu, những đọt sung hơi chát nhưng cặp với cá lóc nướng rơm thì ngon không biết tả vào đâu. Rồi mớ rau đặng đất ngoài bãi lá vào thời non lấy bấy, gừng thì đang già, đang vào độ nồng nàn, trái dác treo từng chùm xanh xanh trên lùm lức. Đất quê nhà cũng thương những đứa con xa như tình thương của ba má vậy.

Nhưng năm nay bông so đũa đã nở trắng bờ rạch, bờ mương, mùa cá cũ thôi không còn nữa. Ba nhìn ra cánh đồng sâu hút, tối mênh mông, gió mênh mông nghe lạnh lòng quá mới nhắc: năm ngoái cứ này mình nhậu một nghì bà hén. Má cười, ờ ờ.

Má nhớ bữa làm đìa nhà Tư Nỗ, má vói mấy "ní", mấy chị sui xin quá trời đất. Nghĩ, đàn bà con gái xứ này thiệt hết biết, uống rượu còn hơn đàn ông, nhậu xình xang còn bày đặt nhảy nhót cà dựng (chớ có biết rumba, chachacha... gì đâu). Nhắc lại còn nghe mắc cỡ quá chừng. Hôm đó mặt mày má đỏ gay, đầu tóc đầy vảy cá, già thở không ra hơi mà ca vọng cổ ngời ngời. Ra về ba còn chọc, tui thấy bữa nay bà đẹp hơn mọi bữa à đạ. Má cười, ông già quý...

Nhắc lại, ba nói mùa đìa năm ngoái là mùa vui nhất mà cũng buồn nhất vì đó là mùa đìa cuối cùng. Bà con bàn rạn chuyện năm tới Rạch Mồ Côi chuyển qua nuôi tôm, nghe nói người ta bên Năm Căn, Ngọc Hiển nuôi tôm ai cũng cất nhà

tường. Xóm Rạch mình còn nghèo quá, chỉ hai vụ lúa với một mùa đìa, ai có vườn rộng trồng cải trồng bầu được thêm chút tiền huê lợi nhưng đâu vô đó hết, sống đắp đổi không dư, bây giờ Nhà nước cho nuôi tôm thì mừng chứ.

Hôm đó chỉ có ba má là bản thân, hồi nào giờ cây lúa cũng chung thủy với mình, bây giờ quay mặt với nó, không lẽ tẻ vậy. Má nói vậy rồi năm tới mình có tụ lại vui như vậy không. Được chớ, Tư Nổ cười khà khà khà, nghe nói nuôi tôm một năm bằng chục năm làm ruộng đó, năm tới tui xây nhà lầu, bà con kéo nhau lên sân thượng nhậu tép luộc mát trời. Mà hông chừng tui còn sắm tivi màu, đầu máy video, sắm điện thoại di động - Tư Nổ ngẩn ra, nước miếng chảy xuống chỗ môi chẻ thâm sì - tưởng tui mà cầm điện thoại di động coi sang lắm nghen.

Ba nhớ lời của Tư Nổ hoài, vì anh đã vẽ bức tranh tôm mù mịt thành những điều rất thật, thật như đang rờ đụng vậy. Vậy mà... đêm hôm qua ba rượt Tư Nổ qua mấy cái bờ mới túm được anh, cả hai loi ngoi ướn, ngồi trên bờ. Tay vẫn còn nắm cái áo rách te tua của anh Tư, ba nhắc câu nói xưa của anh, không sai một chữ. Anh bật khóc, khóc vì cùng đường đi đổ lúa trộm tôm vuông ba bị ba rình bắt, hay khóc vì thương tiếc mùa xưa.

Rồi vợ Tư Nổ chạy lại, chỉ biết lí nhí xin tha cho chồng, chị nói hồi này tôm tép không có, tụi con khổ quá, bản cùng quá chú thím ơi... Má ngậm ngùi, người phụ nữ này năm trước một tay câu eo ếch má còn tay kia cầm cây chổi nháy cà tưng, sao giờ tới nông nổi vậy...

Bốn người ngồi với nhau lặng lẽ, hồi lâu, day qua chị Tư Nổ má nói thôi coi như là lá lành đùm lá rách, rách ít đùm rách

nhiều, rách nhiều đùm rách nát, bây biết mà tao cũng nghèo. Rồi má trút mớ cá phi rộng trong xô ra giỏ, giúi vào tay chị biểu chị đưa chồng về, kiểm đồ khô mà thay để vậy cảm lạnh chết.

Lúc vô nhà thấy cửa mở toang hoang, cái lư hương không cánh mà bay mất. Ba má tỉnh rụi, không phải hô hoán lên làm chi, hôm rồi mất ông Tà ngoài miếu, hôm trước nữa thì mất cái lon cặm nhang trên bàn thông thiên. Ba cười buồn, mai là tụi nó trả lại, tụi nó mượn để cầu số chớ đâu. Tôm chết hoài cũng buồn, nên rủ nhau đánh số đề chơi, may ra...

Nhưng may thì ra rủ lại vào, xóm Rạch Mồ Côi vừa tiễn đưa một gia đình ly xứ. Chú thím Chín bên kia rạch thua sạch nhà cửa đất vườn, xuống ghe bắt đầu một cuộc nổi trôi; hôm ra bến chú mếu máo nắm tay ba: biết chừng nào vợ chồng tui mới gặp lại anh chị sui để tụi mình nhậu với nhau tối trời đất.

Phải hôm đó có mưa là cảnh mủi lòng y hệt trong phim. Bây giờ ba vẫn thường đứng nhìn phía nền nhà của bạn, cái nền phèn váng trắng, xộp như nước đá bào, bên phải vẫn còn nguyên chỗ cầu ao, nước mận ngấm vào, nước trong thấy đáy, chẳng có bông súng nào mọc ở đó, chỉ thấy rong nhớt xanh dờn trôi linh phình.

Xóm Rạch bây giờ buồn, chẳng có cái gì để vui chung với nhau như hết mùa lúa, như xong hội đìa, như năm cũ. Người trúng tôm thì lảng lảng không dám khoe (vì sợ trộm), người không có trao tráo khăn vái trời. Hể mười vuông thì thất bát hết bảy vuông, vì không ai hiểu rành con tôm hết, không ai biết con tôm nó đong đánh cỡ nào, vậy mới khổ.

Nước mặn thấm vào vườn tược trĩu lơ, xơ xác hết như vùa qua bão, cây trái teo héo, chặt năm trái dừa mới được một ca nước, cọng cải lá rau, trái ớt, trái bầu... cũng phải mua.

Nửa đêm nằm nghe người nào đó ca văng vẳng ở mấy chòi trên, giọng sao buồn rượi vậy. Quê xứ như cô con gái trót lỡ "khôn ba năm, dại một giờ", bắt đầu nhớ tiếc vì mình đã đứng núi này trông núi nọ. Ba nhìn má qua ánh đèn chong leo lét, chợt giật mình: đôi gò má của người vợ hiền năm ngoái còn hồng vì rượu, nay đã seo sắt quắt queo vì trơ trọi dưới nắng và gió trời. Hồi lâu ba nói: tiền bán tôm mót hôm rày được bao nhiêu bà, sớm mai này bà ra chợ huyện lựa mua một ít cá rô mề, một là thằng Út về phép, nấu cho con nó nồi canh chua cá rô bông so đũa, tội nó...

Má gật đầu, khẽ hớp một ngụm trà, thương đặng đót đám con xa nhà; tết này, ừ tết này con của má về, mà má ba chẳng có gì cho tụi nó.

Sớm nay, trà vẫn pha nửa vốc tay như mọi bữa mà sao nghe đặng quá vậy nè?

Mơ Mùa Đang Tới

M

ếu cuộc sống của bạn đã mệt nhoài, nếu đã rệu rã với công danh, chức tước rồi, nếu họ khan với khói bụi thành phố rồi... thì về quê tôi làm một tour du lịch dài ngày, dài cả năm, sống vất lộn làm một thửa nông dân chơi. Tour của tôi không kén khách, bạn có thể đã từng là nông dân nhưng bây giờ thì quên mất, bạn có thể chưa một lần đặt chân xuống sinh đất quê hương, chưa biết sống đời nông dân như thế nào... Tôi chấp nhận hết.

Tôi sẽ dẫn bạn về gặp má tôi. Má tôi sẽ dẫn bạn đi hết một mùa của má.

Má tôi ấy à, bà là một người nông dân chân chính.

Ai quen với cái "e" hể nói tới nông dân là phải rần vắt vai, chân đất đầu sương, móng tay ám khói thuốc gò thì má tôi là người rất khó hình dung. Bà mập mập, hồn hậu, ăn mặc giản dị nhưng đẹp, không thô ráp như nhiều phụ nữ quê khác. Bà không ăn trầu, uống rượu (đừng thất vọng, má tôi không uống thì bạn uống với tôi). Bà đi nhiều, hiểu nhiều chứ không suốt đời chôn chân mình vào một chốn quê. Bà chần dặt đám ruộng chưa tròn mười công đất chứ không như nhiều nông dân khác ruộng đất ròn ròn mấy chục công cúm nùm chiều về bay lạc ổ. Nhưng má tôi vẫn là người nông dân, bởi đã sống cực nhọc, lam lũ như đời nông dân lam lũ, cực nhọc.

Gật đầu rồi thì hãy đi với tôi. Tốt nhất bạn hãy làm cùng má tôi, hụ hợ thôi nhưng đừng đứng nhìn bởi vụ lúa mới này

má tôi làm công việc như mùa trước, trước nữa, khác nhau chỉ vài thông số kỹ thuật, tuyệt má tôi không biểu diễn. Không biểu diễn thì làm sao đứng coi được. Nào, đi từ bây giờ, ngay bây giờ. Bởi vì má tôi không chờ bạn. Bởi vì bây giờ là tháng Tư. Mùa Tết còn nắm níu mấy giồng dưa hấu muộn chưa nhổ gốc thì mưa đầu mùa đã gióng giả vượt bụi trên cây lá, việc của má tôi, tour của bạn bắt đầu.

Mài cây chết cho bén, mình đi làm cỏ bờ. Chỗ bờ đứt thì ôm những lát đất tươi ngon đã cày vỡ từ mấy tháng trước chất lại đó. Tin má tôi đi, đất khô gặp mưa sẽ rã ra thành bờ chắc núi. Rồi máy cày bác Tư Chợ bừa tới đám ruộng, bạn coi má tôi ngâm giồng ủ giồng. Kinh thuỷ lợi thì xa mà ruộng nhà lại nằm trong, chuyện gì má cũng làm trước bà con xung quanh đó, làm trước nước có đường ra. Đặt máy bơm tát lòi đất gò, phía này, ốc bươu vàng dồn xuống, có việc rồi: bắt ốc. Chân thụt sình, khom lưng, căng mắt mà bắt. Tụi nó bò lừ đừ đi đằng trước nó bò đằng sau. Đừng bực dọc đừng nản lòng. Má tôi dạy rằng “có công mài sắt có ngày nên kim”. Năm 1998, năm đầu tiên đồng đất Bà Điều quê tôi chứng kiến cuộc tiến công tàn bạo của ốc bươu vàng vào đồng ruộng. Tôi đi học xa. chiều thứ bảy đi xe từ Sóc Trăng về để bắt ốc. Cả nhà bắt ốc. Cả xóm bắt ốc. Cả tỉnh bắt ốc. Lúc sức trẻ tôi đuổi rệu rã thì má tôi vẫn chăm chăm từng con ốc theo mỗi bước chân thụt lút dưới sình. Má tức: “Đất xứ mình bao đời nay đâu có đẻ ra nó, chỉ tại nước ngoài người ta đem qua...”. Má đình ninh: “Má nghi bên Thái Lan thấy mình làm ruộng giỏi quá, sợ mình xuất khẩu gạo hơn họ nên họ thả ốc qua phá mình chơi chớ gì...”. Trách con người nào vô tâm đem mấy con ốc về nhậu nào ngờ đâu nó nhậu lại nông dân mình. Do chủ quan, chưa biết

sức “địch” nên đợt giống đầu ốc lượm sạch, bây giờ lượm lại ốc để gieo sạ đợt hai. Đó là lúc tôi thấy má tôi tội nghiệp như nàng Tấm bị mẹ con mù dì ghẻ cay nghiệt bắt nhặt thóc trong gạo khi làng đang vào hội, khi đời náo nức ngoài kia. Má già sạm như trăm ngày gộp lại, cái dáng lẻ loi chịu đựng, bộ đồ đi ruộng phèn thắm nào số vải chấp chới trong nhòe nhọt mưa rơi, mắt tôi nhức, rụng xuống vài giọt nước trong và mặn.

Thấy chưa, chỉ con ốc thôi mà cũng làm cho nông dân đã nhọc lại nhọc hẳn thêm. Con ốc vàng ươm, con ốc đẹp để nhìn đã thấy thềm một chén nước chấm có gừng, có sả, có ớt. Con ốc tròn cùi cùi nhìn đã thấy thềm một chảo ốc xào cari, nước cốt dừa đó cũng đủ sức làm cho má tôi điêu đứng. Nghĩ cũng lạ, hại nông dân là cả bọn mỹ miều, cơn bão số năm Linda mỹ miều, rồi bọn chuột chạy rần rần ngoài bờ kia cũng một phần do mấy cái quán nhậu thịt tiểu hổ mang tên mỹ miều: quán Lan, quán Thắm... Làm nông dân mà, cực từ đặng Đông, Tây đem lại, cực từ Nam, Bắc cực vô, cực từ trên trời rơi xuống. Bạn thấy chưa?

Nhưng rồi bạn hãy tin ở má tôi, lúa lại xanh rì trên đồng. Như bây giờ vậy, mới đây mà lúa đã trải thảm mời người. Má tôi đi thăm ruộng sớm chiều ngày này qua ngày khác. Bạn có thể đi theo nhưng bạn sẽ chán. Má tôi thì không. Má có con mắt thần kỳ thấy cây lúa bữa nay cao hơn ngày hôm qua, cây lúa hôm nay tốt hơn bữa trước. Lúa có linh hồn. Không biết má trao cho đám lúa còn non nớt xanh rới kia bao nhiêu tình yêu thương, bao nhiêu tin yêu hy vọng. Buổi sáng, má đi ruộng. Buổi chiều má đi ruộng. Má tôi có cái tật làm ráng, quên tối. Bà lại hay bị chóng mặt, té. Nên mỗi lần về trễ, ba tôi biểu phải đi kiểm má. Trên đường ra ruộng,

tôi lại nghĩ đại. Tôi sợ má tôi té ngụp mặt vào nước. Đành rằng, có một ngày nào đó, má tôi sẽ lại về với đất, nhưng về kiểu này, tôi không đang tâm. Bao nhiêu ý nghĩ đau thương chợt "rụp", biến tan, khóa chân vội cầu ao, má khoe bằng cái giọng tếu để sợ: "Mấy đứa lên ruộng mà coi, lúa của ai mà tốt lộng lẫy luôn, mê lắm". Chị em tôi đùa lúa là chông nhỏ của má. Má tôi chưa từng được phong danh hiệu nông dân sản xuất giỏi nhưng làm ruộng vào loại giỏi ở ấp Xóm Lớn này. Bác Tám kế bên nhà cứ kinh theo má để coi lúa ai tốt hơn. Để thua đàn bà thì ê thiệt. Nhưng năm nào bác cũng thua. Má tôi thắng vì bà có tình thương yêu ruột ràng vào cây lúa, bà tin tưởng mạnh mẽ vào kinh nghiệm năng sương mấy mươi mùa ròn rã của mình. Để coi, tính mùa này nữa, má tôi làm ruộng suốt ba mươi tám năm. Bà có nhiều kỷ niệm trên đồng ruộng, ngày ba tôi ghé tạt lại theo ông ngoại để coi mắt má, má đang trên đồng, về tới nhà mồ hôi đầm tóc. Năm năm có chông, tản cư về Đất Cháy, hôm má hay tin Bác Hồ mất, má đang cấy "không hiểu thương làm sao mà nước mắt rớt rớt vậy", má kể. Rồi cái ngày má được báo tin đất nước mình giải phóng, má đang phát cỏ, làm đất chuẩn bị gieo mạ... Qua bao nhiêu chuyện, qua bao nhiêu năm, qua bao nhiêu mùa, thời gian đó đủ cho một tình cảm thiêng liêng vô hình nào đó níu má bà. Lúa vừa ra ba lá, má tôi đã xách cặp vịt luộc thơm vàng để kể bộ đồ lòng cùng nhang đèn gạo muối bên bờ mầu để cúng Thần Nông. Chén cháo đậu xanh váng mỡ này, tôi mời bạn, chén cháo ngọt lừ.

Phía đó là tâm linh, bạn không học được, bởi bạn chưa máu thịt với mảnh đất này, bạn chưa đủ đức tin. Bạn để ý má tôi chuyện khác, má tôi cũng khoa học lắm. Má phiền: "Sao

mình cũng làm lúa mà thua người ta. Cần Thơ bỏ cấy lúa mùa mấy năm, mình mới chạy theo mình sạ. Rồi năm ngoái, người ta bỏ sạ tay, có máy sạ hàng, mình chưa có. Người ta có máy gặt đập liên hợp, mình cũng chưa. Người ta đỡ cực rồi sao mình cứ cực hoài...". Cực hoài... Lúi thúi đi theo người ta hoài. Lúa chín đợt này, bạn có chở lúa về nhà, mới biết má tôi làm sao mà mơ cái máy gặt đập. Ngày trước thì dùng trâu cộ, mấy mùa nay trâu về thành phố, về quán S.T. làm trâu đụn, trâu hằm sả hết rồi. Đồng Bà Điều biến biệt bóng trâu. Bạn chịu khó đẩy xuống trên ruộng cạn tải từng bó lúa như ba tôi, má tôi đẩy dưới nắng hè. Má tôi đã bao nhiêu năm rồi đẩy vơi vơi trời biển. Lúa về nhà, trời không nắng, phải che lều ni lông phơi lúa. Lều cao thì gió lồng bung, lều thấp thì ngập, thở hông hốc, thở không ra hơi. Muốn vô trở lúa phải khom lưng. Có đêm nào về nằm ngủ, chân mình mỏi tưởng chân ai, tay mình tưởng tay ai, chỉ biết có mỗi con mắt mình, xốn xang nhiều nỗi. Năm ngoái, má tôi mừng hết lớn khi nghe chính quyền mở một con kinh cách ruộng nhà chừng một công đất, "Sướng rồi", má tôi hồ hởi, "chở lúa cũng sướng, làm vụ ba nước ra cũng sướng". Năm nay, không nghe động tĩnh gì, mới biết, đất ngoại ô đang sắp ngửa đô thị hoá, đồng sẽ thành nhà ở, thành chợ, còn làm ruộng đâu nữa mà đào kinh. Mà má tôi, bà con nông dân xứ tôi phải chờ tới ngày đó. Nên má tôi ước máy gặt đập liên hợp (cho dù không biết nó có hợp với đùng đất này không?), má ước có cái máy sấy lúa trong xóm. Vậy thôi. Ước toàn cho cây lúa.

Không biết từ bao giờ, từ thời nào, đàn bà xứ tôi bắt đầu gắn bó với đồng ruộng, có lẽ tại đất nước này chiến tranh ở lại lâu quá. Ngót bốn ngàn năm dựng nước thì đã hơn ba

ngàn năm chiến tranh. Nó như dòng sông điên cuồng cuốn những người đàn ông của đồng ruộng chảy phăng về trăm ngả: trong đó có hai người đàn ông của má tôi, tức ông ngoại và ba tôi. Cha, chồng làm cách mạng, má quen rồi đồng áng. Cực vì chồng con nên không buồn. *"Anh đi lọng lúa ba bông. Để em cấy lúa giữa đồng lúa khô."* Hôm qua bạn thấy má tôi chạy xe máy mua phân bón về chứ gì, má kể một chuyện buồn mà giọng rất vui (hay tại giọng má tôi vốn hồ hởi thế). Má tôi nói: "Mấy đứa ngoài cửa hàng hỏi tao vậy nhà đàn ông con trai đâu hết mà để thím đi chở phân hàng chục bao. Tao nói cần gì đàn ông con trai, cái gì mình làm được thì làm chứ". Tôi thương má tôi thì thôi đi. *"Bao giờ đồng ruộng thành thơi. Năm trâu thối sáo vui đời Thuấn, Nghêu"*?

Bao giờ? Tôi nghi má tôi y chang như bà ngoại, người thương đồng thương ruộng tới lúc tàn hơi. Tôi nghi má tôi mai đây, mắt mờ, nghe mưa đầu mùa day diết trên mái nhà hồi đêm con cháu coi kê trực đất là vừa, chân yếu rồi nhưng lây bầy muốn đi. Ôi! Đôi chân ấy. Một nhà văn đã từng nói: "Đôi chân của những người phụ nữ Việt Nam là đôi chân biết khóc". Bạn nhìn xem, má tôi cũng có một đôi chân như thế. Chân má ngắn, ngón ngắn mà móng chân cũng ngắn, chỉ rộng bề ngang nên nhìn nó to bè bè. Đôi chân khóc không chỉ bằng hai con mắt nên nước đã không chảy thành giọt thành dòng. Trên vuông đất nhỏ nhoi nằm thò trong cánh đồng Bà Điều, là thàng, là năm chân má dầm dìa sinh và nước. Lâu lâu, như buổi tối nay, tôi nớ chân má lên cắt móng cho má, lại thấy móng dày thêm sớ phèn che bít cái phần hột gạo đục ở trong, vàng hoe hoe vàng. Dưới gan bàn chân, đặng đầu chai nhiều chỗ, đặng gót thì

nứt nẻ như đồng khô mùa hạn. Gió trở bắc, chỗ nứt tứa máu, lại nứt sâu hơn. Má cười: "Làm ruộng mà, sao đẹp được con?".

Xứ này có nhiều người đàn bà giống hệt má tôi.

Xứ này có nhiều đứa con giống hệt tôi.

Tôi là một đứa con không chịu được cực khổ. Làm ruộng không quen, "ghét gió, kỵ mù sương mà ra đường thì nháy mũi". Tôi mê chợ. Tôi ăn hạt gạo má tôi làm ra mà không giúp gì cho má tôi. Việc nhỏ là ra ruộng cặm gò tôi làm cũng không xong. Mắt tôi quen bó hẹp trong bốn bức tường, ra trảng, ngắm cho ba tôi cặm gò cũng lệch hướng. Hàng này xọ hàng kia, bạn thấy chưa, khó coi hết biết. Là tôi ỷ có má tôi rồi, có ba tôi rồi. Nhưng tôi quên, ngày ba tôi về hưu, ông không còn bao nhiêu thời gian để phụ má chống vai gánh bớt nhọc nhằn.

Tội cái là má tôi chưa bao giờ buồn vì chuyện đó. Bạn có thấy má tôi buồn chưa? Thăm ruộng về, lúa bị cháy lá, sâu phá má có thuốc trị, không buồn. Lúa thất, là thất đều trời, thất do thiên tai, dịch họa chứ không phải không biết làm ruộng mà lúa thất, không buồn. Má làm mệt, bực bội là rầy mấy đứa con làm biếng, không phải là buồn. Nhưng bạn là người khó ngủ, bạn sẽ biết má tôi buồn lúc nửa đêm về sáng. Ba tôi đi làm việc hàng ngày, chuyện gì cũng đợi lúc này để kể cho má nghe. Ông Y tham lạm tỹ rưỡi, ông X thụt ngân quỹ hai tỹ tư chẳng hạn... những câu chuyện đó làm cho má tôi buồn.

Quen nết nông dân, bà tính, số tiền đó làm ruộng chặt mót mấy đời. Lúa rẻ rề. Một gạ hai mươi sáu ngàn, một năm trúng mùa được năm trăm gạ. Còn số tiền mấy ông "ở

trên” làm mất tính ra hàng tỷ gia chớ ít sao. Có khi bà buồn vì một chuyện khác, đi Đầm Dơi, bên nội tôi về nghe bác Bảy tôi vỗ vuông một đêm năm bảy triệu, má năm lắc vống than: “Thấy người ta làm vuông ham quá, ngủ một đêm thức dậy bằng mình làm lúa ì ạch một mùa, nghĩ chán thiệt mấy đứa ơi!”. Nhưng rồi sáng hôm sau, khi bạn còn đang ôm mộng đẹp trên giường, má tôi đã thay bộ đồ phên đi ruộng. Mùa này, má phấn đấu phụ tiền mua chiếc xe Hàn Quốc cho anh ba tôi đi làm, dư dả chút đỉnh, khi tôi lấy chồng bà cho tôi ít chỉ vàng làm của hồi môn. “Nhà mình nghèo...”

Bạn có thể là người đang “ở trên”, đi chuyến này vừa thư thả óc vừa thị sát dân tình, bạn có thể vừa “ở trên” xuống, mệt lử với đại cuộc rồi, muốn vui đời điền viên, bạn có thể là người sắp lên “ở trên” nên tranh thủ chút này hưởng trọn cảnh quê, và bạn có thể là một người bình thường, bạn nên hiểu và nên biết những nỗi buồn, những nhọc nhằn mà những người nông dân như má tôi trải qua. Bạn đừng giận khi má tôi căn nhắc: “Thuở đời nay, năm nào mấy ổng cũng lên ti vi kêu năm này phấn đấu đạt năng suất cao hơn năm trước, khuyến khích giống mới này trúng hơn giống cũ, vậy mà lúa làm ra trần thân, bán không có giá, mấy ổng đổ thừa tại nông dân làm cho cố làm chi rồi bán không được...” Thấy chưa, má tôi nói cũng có lý lắm à.

Thú thật, tôi dắt bạn về đây là đây ý đồ. Tôi muốn bạn sống trọn một mùa nông dân trước đã, có cực rồi mới hiểu mới thương. Tôi đưa bạn về với tôi, từ đầu Gành Hào chạy về đây theo đường Cà Mau - Năm Căn tròm tròm ba cây số, bạn nhớ đô thị thì bạn về thăm đô thị. Từ đây ra đó ngót ngót ba cây, chạy xe ù cái là tới. Nhưng ở ngoài đó, hai bữa

cơm thơm tất trong một ngày của một bà nội trợ yêu chồng thấp gì cũng bằng một gạ lúa của má tôi. Một gạ hai mươi sáu ngàn. Có được một gạ thì phải chờ ba tháng lúa sớm thì cũng tám mươi lăm ngàn. Rồi vô bổ để dành tới tháng Chín, né được lúa Vị Thanh, Bình Thủy chưa chín, giá lúa nhóng lên cao lắm là ba mươi hai ngàn, vậy thôi. Má tôi còn có đồng lương của ba tôi hụ hợ, chứ như dì Ba, chú Tám... vợ đau, con đi học, tang chế, cưới gả gì cũng nhờ vào bồ lúa, mà lúa giá bèo vậy, góc đầu sao lên? Nên bạn thấy, cái khoảng cách này gần đó mà xa đó, xa đến thăm sâu. Bạn có cần đi đâu xa, về vùng khi ho cò gáy nào không?

Má tôi trần trở hạt lúa vàng sáng hơi rồi, cắn vào răng nghe giòn rồi, chà mé gạo đầu mùa cơm thơm dẻo là hết vụ đầu, bạn về đi thôi. Vụ sau vẫn thế, cực thế. Mồ hôi má tôi túa đầm đìa, ướt áo chứ tuyệt không lặn vào trong. Chân má tôi nứt thêm như cho dế ở chứ chẳng lành lại. Cực là bản chất của đời nông dân mà, vui buồn có khi thay đổi do hoàn cảnh, nhưng xoay qua lại thì cũng không qua con ốc, con chuột, do mưa nắng thất thường, do mấy ông "ở trên"... Ai biểu làm ruộng làm chi. Trách bà ngoại tôi ban cho má tôi máu làm ruộng, trách tổ tiên tôi cải cách cây lúa trời thành lúa nước, trách tôi, bạn và hàng triệu người suốt đời mê ăn cơm nấu từ gạo trắng, sống bằng gạo trắng, có quý "phở" như thế nào thì cũng ao ta mà xơi "cơm"... Chỉ hy vọng "mấy ông "ở trên" làm cách nào cho dân bớt khổ", má tôi nhấn mạnh, bằng cái giọng hết sức tin tưởng với tôi: "mấy ông hứa rồi..."

Tôi tiếc mình không làm được gì cho bạn trong một chuyến du lịch thơ mộng, hết thấy đều trần trụi, phải không? Thôi không còn con cá rô róc rách ruộng cày, thôi không còn

cúm nùm nước rơm, không mục đồng thổi sáo... May ra, còn cái mặt trăng bằng cái nĩa lưng bưng vệt đám dứa loi ngoi lên phía chân trời, còn bầy cò trên đường về tổ ghé lại thành thoi, còn một đêm giông gió bạn ngủ trong căn lều che trên đồng canh nước, nằm trên xuồng nghe lẫn trong tiếng máy bơm có một bầy nhóc nhen kêu bạn rùm trời...

Thôi không cần tính chuyện tiền bạc với tôi, kết thúc kỳ du lịch, tôi khuyến mãi tặng thêm cho bạn một chiếc chuông gió. Tháng Chạp (vì ở chỗ bạn, gió chỉ khẽ như một tiếng rung). Mong nhà bạn có cửa sổ, bạn treo chuông, nghe chuông hát leng keng, là biết gió về, mưa về. Trong gió có mùi cỏ khô cháy ong ong, mùa đốt đồng. Trong cơn mơ bạn thấy cái lưng ai đó (thường nằm mơ khó thấy mặt người). Cái lưng y như lưng má tôi. ba tôi. chỉ khác là còng khảm một chút, bạn thấy cái dáng đó đang ngồi mài cây chết. Mùa đang tới.

Tháng 5/2000

Hiên Trước Nhà Một Bà Già Tốt Bụng

G

ôi định hôm nào về xóm Chẹt, ghé lại nhà quen, uống một bụng nước mưa đã đời xong rồi nằm chò co chỗ bộ vạc đằng trước nhà ngủ một giấc thật sâu. Rồi nghĩ, chắc là không ngủ được, vì nhớ...

Tôi chắc dù đất xóm Chẹt có thay đổi cỡ nào, tôi có già có cò thủng thiếc đi, mình vẫn nhận ra ngôi nhà ấy, ngôi nhà của một bà già hiền như bà nội, bà ngoại mình. Tôi không nhớ rõ khuôn mặt của bà, có thể mặt bà đầy những nếp nhăn, có thể lưng bà còng, có thể bà cũng nhai trầu bồm bẻm như bao nhiêu bà má quê khác. Cái tôi mừng tượng rõ nhất là đằng trước nhà bà, chỗ sát hàng ba, lúc nào cũng có cái lu nước mưa với bộ vạc cau và hai cái đôn sứ hình con voi đã gãy mất vòi.

Hồi đó, lần nào đi học ngang tôi cũng ghé lại. Uống một gáo nước mát dạ lúc khát khô, ngồi nghỉ cho chân đỡ mỏi vì đường xa, đụt mưa, trốn nắng. Đã bao nhiêu năm, bao nhiêu lượt người ghé lại, đám học trò nhỏ ngày xưa đã sắp bạc tóc dài râu, qua nhà lại nhớ bà, già mà thiệt thính tai, nghe chúng tôi khoả gáo đã biết nước dọt tới đâu, mau mau hối con cháu chằm đầy cho tụi nhỏ để múc. Cái nắp lu bằng sành bà sợ nặng, ngồi tỉ mẩn chằm lá để đập, nên nước trong lu mát lạnh tới tận óc, ngọt ngào, lại thơm thoang thoang mùi cà bắp của đám dứa nước ven sông. Cái gáo đen mịn cúi đầu chống mông lên cây trúc cặm kể bên cũng thơm ngậy ngậy mùi gỗ đã ngâm nước lâu ngày.

Bộ vạc đằng trước đã thay đổi nhiều xác cau. Có bữa ghé đụt mưa đám học trò chúng tôi buồn tình ngồi vẽ trâu, vẽ sáo, ghi chi chít "con Út Cò Hương + thằng Bầu = hai vợ chồng"... Vạc cũ dỡ ra bà biểu con gái đem đi chụm củi hết rồi, từ bấy đến nay không biết con Út Cò Hương có lấy thằng Bầu không nữa?

Nhà bà đã một lần bị bom, một lần bị bão, mấy đận cắt mới, mấy lượt sửa sang, nhưng có thay đổi mấy bà vẫn nhắc con giữ nguyên cái lu với bộ vạc. Và một ngọn đèn, ừ, thêm một ngọn đèn chong...

Đèn chỉ tắt những đêm tối trời, trăng sáng rồi thì cháy đỏ một tháng hai mươi mấy ngày. Hồi đó, đồn Chệt đóng kế bên nhà, hễ chạng vạng là đám lính thấy bà đem cái đèn (loại dùng để đặt đó) ra treo ngoài hàng ba. Bọn giặc sợ, theo tra hỏi hoài, "Làm ám hiệu gì cho Việt Cộng vậy bà già, hay là soi đèn cho tụi nó bắn tia tòi?". Bà cười ung dung: "Ám hiệu ám hiếc gì đâu, tui treo đèn là để mấy đứa nhỏ đi đêm khỏi sợ". Đèn nhỏ, ngọn lửa chỉ le lói đỏ nhưng lạ lùng, đêm càng tối đèn càng sáng lung linh. Cái vầng sáng đó hắt ra tới tận bờ lá, nhuộm hồng cả một khúc đường. Tối nào má tôi sai đi mua dầu hôi, nước mắt ở quán chú Sồi, tôi cầm dầu chạy đến đây thì dừng lại thở, nhìn cái đèn với một lòng biết ơn mệnh mệnh. Tôi thắc mắc sao ai cũng cần ánh sáng mà lính đồn Chệt thì không?

Hàng ba nhà bà, không chỉ một mình tôi nhớ. Nhiều lắm những người khách bộ hành xuôi ngược. Người buôn bán ve chai lông vịt, người đi bán tranh thờ, bán chiếu... những thợ gặt xuôi về xứ khi lúa hết mùa... những người đàn bà tan

buổi chợ trưa... người ta nhớ hoài, thương hoài cái hàng ba thơm thảo đó.

Phải đợi lớn lên, tôi mới nhận ra, bà dành cho những người qua đường chúng tôi không chỉ lu nước mưa, cái vạc cau và cây đèn chong. Cái không gian nhỏ nhoi dưới mái hiên đó giống như tổ ấm của mỗi người với đầy đủ nhu cầu tối thiểu, có thuốc uống, có chỗ nghỉ chân, có ánh sáng... Phải đi về sống nơi phố thị, tôi mới nhận ra, cứ bước chân ra khỏi nhà - công sự của mình (dù có khi chỉ để đi... nhậu) là lòng lại thấy chằng chằng, chơ vơ, không hiểu vì nỗi gì! Nhìn những hàng rào cao ngất, kín bưng bọc lấy ngôi nhà hai bên đường, bỗng thèm được đi qua xóm cũ, ghé tạt vào hàng ba quen thuộc, uống một ngụm nước mưa giữa mùa, ý trời, nó mát thì thôi đi chớ...

Có khi bỏ nón ở đâu không nhớ, bỏ tiền túi nào cũng không nhớ mà lại nhớ mấy cái chuyện cũ bên trời này, ngật thiết.

Trong quyển Nước chảy mây trôi

Chờ Đợi Những Mùa Tôm



ứ mỗi lần gặp, bác lại nhắc ba, hỏi thăm ông bạn già ra đi từ mùa chuyển dịch. Ba bỏ phố về đồng, đào vuông, nuôi tôm. Con thừa, Ba con khỏe, nhưng ốm nhom, đen thui thui lùì, cằn cõi người đi. Như cây dừa Xiêm đầu liếp, khi nước bắt đầu thấm vào thớ đất mặn mòi, con người cũng khác.

Khi nào rảnh, con mời bác về thăm ba con chơi.

Chỗ ba con ở không xa nhà mấy, qua cây cầu có con đường nhỏ dẫn xuống mé sông, qua chuyển đò ngang, men theo cái bờ đã lở như cá chốt rĩa sẽ đến đập Bộ Phát. Lăn theo mé kinh nhỏ, bác sẽ gặp ba con. Không biết bây giờ ba con đang làm gì. Nắng này, chắc ba con đi trồng cỏ nước mặn cho cỏ bò che phủ mặt nước, để nước đừng nóng lên. Chắc ba đang đóng lại cái cống tháo nước bằng gỗ. Chắc ba đang hí hụp xúc sình bồi lên cái bờ vuông vừa lở chiều qua... Mà có thể, bây giờ ba con đang ngồi uống trà, má con nấu bữa cơm chiều, con cá phi kho khô tỏa mùi mặn nồng trên bếp, má kể sáng này thấy được con tôm rồi, nó bằng ngón tay cái vầy nè. Hai ông bà cười, mơ về những giấc mơ xa xôi lắm.

Con tin rằng, bác sẽ giật mình khi nhìn thấy ba má con như chính con giật mình khi nửa tháng, mười bữa mới gặp. Ông bà già đi nhanh, cái già tranh thủ từng ngày, từng giờ, mót máy từng khoảnh khắc của cuộc đời. Chỉ mới một mùa tôm thôi, bác à, nhưng đó là mùa tôm người nông dân vùng

chuyển dịch vất kiệt mình ra trước bao nỗi cực nhọc, buồn vui.

Con vẫn tin rằng, làm ruộng nuôi tôm làm cho người ta sống cùng, sống tận với cảm xúc của mình nhất.

Vui thôi là vui cái hồi bắt đầu cất căn chòi nhỏ. Mỗi chuyến đi về, ba má con xách theo nào nồi niêu xoong chảo, nào là mùng mền chiếu gối. Ba con nói vui "cảnh này y chang tui với bà vừa mới cưới, được ra riêng". Một mái ấm dựng lên trên góc đất, năm cặp mé kinh. Một chiếc xuồng nhỏ buộc đàng trước nhà. Dưới ruộng, đất đang cắt, đang đào, bờ bao ngạn lở mờ hiện ra trong làn nước. Dọc theo xóm, nhà nào, người nào cũng hồ hởi. Nửa đêm, gió thổi hiu hút, trở mình nhớ nhà, nhớ đám con cháu ở nhà, tụi nó lúc nào cũng cười giỡn, cãi vả eo xèo, cãi cũng vui thiệt là vui. Rồi ba hỏi má, mình bỏ nhà, lặn lội vô đây để làm cái gì bà ha? Má không nói vì cái gì, má chỉ an ủi, cùng lắm hai mùa tôm, có chút vốn kha khá rồi mình sẽ về. Cái hồi đó sao mà hy vọng tràn đầy, hy vọng lênh láng.

Phải chăng vì niềm hy vọng khao khát vươn lên nên khổ cực tới đâu ba má con cũng chịu. Một đêm vài ba lần, ba má con thức dậy, đi rào một vòng ruộng, canh con nước... Mức nước ngoài sông không cao, kinh cạn, đón con nước nửa đêm, hai ông bà ì ạch khiêng máy ra tát vô đầm nuôi. Chập chờn một chút, má choàng thức, rủ ba hì hụi đem máy vô chòi. Bác cũng biết, chuyện tiếp nước cho tôm từ cơ sở hạ tầng trồng lúa cũ đang là một trong nhiều khó khăn của chương trình chuyển dịch ở tỉnh mình. Nên chuyện nước ra nước vào ở chỗ ba con như một tiểu tiết, một chấm nhỏ mờ mịt trong 200ha chuyển từ đất trồng lúa sang nuôi tôm

trong tỉnh. Không ai bảo ai, bà con ở xóm kinh tự lo, tự xoay xử riêng mình như hồi nào giờ vậy, nhà nước lo được bao thì hay bấy nhiêu. Có tử thân, tử phận thì lủi thủi than thở với nhau chơi, vậy thôi. Nhà nước còn phải lo tỉ tỉ chuyện lớn, chuyện mất còn khác.

Những đêm mưa, sợ nước dâng ngập bờ, dầm mình đi tháo nước, những ngày nắng, lặn lội xúc từng gàu sình từ đáy đầm lên... Ba má con an ủi nhau, hồi trước giờ có khi nào nhà mình hồng cực. Nào là trồng cải, trồng ngò đội đi chợ, nào là mua so đũa về làm nấm rơm, nào là đi mua lúa hàng xáo, rồi làm hai ba vụ lúa... Có làm gì mà không cực khổ, dậy sớm thức khuya.

Nhưng không làm nghề gì khắc nghiệt như nuôi tôm, y như trên chiến trường, "thắng làm vua, thua làm giặc", mà là giặc nghèo, giặc đói mới chết. Ba tháng nhọc nhằn, ba tháng rớt vào lòng đầy hy vọng, tôm chết. Lúc đầu còn chết từng vuông, từng chòm, sau chết cả vạt đồng, cả xóm, cả vùng. Tôm chết như người ta trở một bàn tay. Lẹ ghê, ngủ một đêm sáng dậy thấy tôm lụi vô bờ, nằm đại khờ trên gờ đất, ngọn cỏ, ngọn rong. Vớt từng con tôm nhỏ bằng ngón tay út lên lòng rưng rức, đứt ruột. Tở phở hỏi nhau làm sao mà tôm nó chết vậy kìa? Có ai làm gì nó đâu mà nó chết, mình quý nó còn hơn mạng mình nữa mà? Tôm chết rồi làm sao cứu đây? Cho nó uống thuốc gì, chích thuốc gì? Ý trời, Anh là cán bộ ngoài tỉnh vô làm vuông, bộ không biết sao? Làm sao biết được. Bụng xót như xát muối, te tái chạy đầu trên đầu dưới hỏi nhau những câu ngớ ngẩn mắc cười.

Tôm chết rồi, cũng hệt như bà con ở xứ mình, ba má con mới biết mình hồng nặng về kỹ thuật. Lăn lộn cuộc đời nông

dân ngót năm mươi năm không có chút kinh nghiệm nào có thể đem vào chuyện này, má con nằm gác tay trên trán, thở dài, rút ra kết luận. Má tá hỏa khi biết hầu hết tôm giống trên thị trường không hề được kiểm dịch, đúng quy trình phải quăng cả trăm ký vôi bột mà mình xài có hai ba chục ký... Báo chí than bà con mình thiếu thông tin, thiếu hiểu biết rằm trời, các chú "ở trên" nhần, bà con mình nóng vội quá. Nhưng bà con họ chờ bao lâu rồi hờ bác, lâu quá là lâu rồi, từ đời cày cấy này qua đời trồng tía khác, họ kỳ vọng cái ngày vươn lên. Tôm chết, giống như một luồng nước lạnh tạt vào ngọn lửa trong lòng của mỗi người. Nhưng ngọn lửa ấy không tàn lụi, nó vẫn rạo rục cao ngọn từ tro ướn. Đã tắt hy vọng đổi đời từ cây lúa, người ta chờ đợi những mùa tôm.

Ba má con chắc là bị "sốc", bác cũng biết, gì thì má con làm ruộng cũng giỏi có tiếng tăm mà. Bà cảm thấy buồn lắm. Hai ông bà gầy rộc, sọp người đi. Ba con thôi làm thơ. Con không biết tại sao. Con vẫn thầm mong ba làm thơ lại. Trời đất ơi, bây giờ ba mà làm thơ được chắc là hay lắm. Những bài thơ không chỉ có tình yêu nam nữ, không chỉ có bức bách đời thường, mà nó còn mang nặng những niềm vui nỗi buồn lớn lao, đông đúc của người nông dân.

Ba con kể chuyện vui. Ba nói có chú nào ở đầu kinh dưới hồi thả tôm tới giờ không thấy nó nổi lên chơi chơi như bầy cá mẹ ròng ròng hay cá chép, cá mè, dượng vái đất nước ông bà cho chú thấy bầy tôm, cúng gì chú cũng chịu. Ai dè, bầy tôm nổi thiệt, nhưng mà lúc nó nổi lên tức là đã nhiễm bệnh rồi, và tôm chết đở đằm. Chú mới vái lại, ông bà phò hộ dùm con, khỏi thấy cũng được. Ông bà nào phò hộ nổi hả

bác? Trước những hiểu biết mịt mờ về con tôm, người nông dân cũng biết mếu máo cười mình.

Ba con nói chuyện vui. Ba nói nuôi tôm trước sau gì cũng giàu, hòng giàu cái này mình giàu cái khác. Chẳng hạn như không có tôm thì mình múc nước dưới đầm lên nấu lại thành muối, muối bây giờ bán cũng có tiền lắm chớ, giỡn sao. Nghe cứ buồn cười không chịu được, đau lòng không chịu được.

Tôm lại thử lòng chịu đựng của nông dân, tụi nó mở đợt chết thêm vài ba đợt nữa. Đó là lý do tại sao lúc bác hỏi ba con giờ giàu chưa, con phì cười. Đợt tôm đầu, bán lai rai lấy lại được chút vốn mua con giống, ba má con đã là quán quân xóm kinh rồi. Má con bắt tép bạc lấy tiền mua đồ ăn mằm muối. Má nói, làm gì làm cũng đừng đụng vô mớ tiền bán tôm, đó là tiền gối đầu cho vụ sau, mùa sau. Bác cũng biết tài tháo vát của má con hồi chiến tranh, bây giờ cũng vậy. Má định ra kế hoạch sản xuất, má đi học hỏi kinh nghiệm của những người nuôi tôm đi trước. Má luôn luôn vực cả nhà khỏi chán nản, tuyệt vọng. Má con có nhiều "bài" lắm, má nói tổ tiên họ Mạc của má linh thiêng lắm, hòng lẽ nào ông bà để mình khổ hoài, má nói, một ký tép bạc, tép đất cũng ăn đứt gạo lúa theo giá bây giờ. Với ba, để thắp hy vọng như ngọn đèn không tắt, má nói về tụi con.

Con bắt đầu biết vì lẽ gì mà ông bà dầm dãi. Không có cái gì riêng cho ba má con đâu, bác à, như bác, như hàng vạn người cha, người mẹ khác vậy thôi một lòng lo cho đám con. Nên có hai người già trên đồng trống hốc, gió giật mái chòi. Nắng đỏ ngầu. Mưa trắng xóa. Bà tóc bạc như nhuộm ở tuổi 50, sáng sáng xách nhúm tép đất ra đầu kinh xáng

bán rồi về ngoài nhà, bơi vài xuống gạo bỏ mỗi có, bán lẻ có. Chiều vô vuông đặt lú, nấu cơm. Ông già gãy gò, đen đúa mỗi tháng một lần về họp chi bộ, sẵn thăm nhà luôn. Thời gian còn lại lặn ngụp dưới ao đằm, vớt rong, trồng cỏ, vét bùn, đắp bờ. Sáng sáng, chiều chiều, đi xách nước ngọt bên kinh, hai tay lặc lè hai thùng qua cầu khỉ. Không ti vi, không sách báo, chỉ cái đài con con. Có họp hành gì người ta mời ba, má đốc ba đi, ba nói "Chân tui đóng phèn quá bà à", má năn nỉ, "ông mà chịu đi tui cạo bớt cho". Đêm, người canh chòi trên, người chèo queo chòi dưới. May mà còn những giấc ngủ nhọc nhằn sau khi đã trần trọc thỏa thuê. "Thượng đế ban cho chúng ta hy vọng và giấc ngủ để đền bù cho những nỗi lo lắng của cuộc đời".

Mà, bác đừng nghe con kể lể rồi thương xót ba con, rồi nghĩ "tội nghiệp, cái thằng hồi đó làm cán bộ oanh liệt vậy mà bây giờ sống khổ quá (nói cho văn vẻ chớ có oanh liệt khi khô gì)". Nếu có thương xin bác thương nhiều bà con khác, họ nghèo, chan chát chỉ chờ có con tôm, tôm càng chết nhiều, họ càng khổ. Má con còn ở nhà mảnh ruộng lúa đang xanh, còn cái quán nhỏ bán buôn cám gạo sống cũng được. Ba con thì giàu lắm, giàu gió giàu trăng, giàu bạn bè. Cái chòi lá của ba con vô cửa phải cúi người vậy mà không lúc nào ngớt khách. Bà con ở xóm kinh đi qua ghé uống ly trà, đi lại ghé ăn miếng bánh. Không có thông tin báo chí ba thôi buồn lòng vì vụ tham nhũng này, vụ tiêu cực kia, thôi buồn vì nhìn thấy cảnh gay mắt, chướng tai. Đôi lúc người ta thèm sống một cuộc sống như thế. Thèm sống với những lo lắng, ước mơ rất thường tình. Thèm ngồi trong một căn chòi thấp sũng nhưng đầy gió, vây quanh ly trà đượm khói, những người nông dân áo phèn, nước rã long tong từ ống

quần đầy bùn đất, nghe trên đài tiếng nói Việt Nam đang tường thuật trực tiếp trận bóng đá chung kết cúp quốc gia mà tức mình, "vụ tôm này mà suôn sẻ, thu hoạch xong, tui chạy ra chợ rinh liền cái ti vi tổ chẳng về xúm lại coi cho đã". Nhắc tôm là rôm rả chuyện con tôm, chuyện kỹ thuật mới, chuyện con nước, con giống, chuyện sáng nay giá tôm sụt mất năm ngàn đồng một ký. Má con góp chuyện "Chỉ sợ tôm nhiều, giá cả đi vô con đường rẻ bèo như giá lúa, lúa ế mình còn để ăn được, chớ mấy ông "ở trên" lo không nổi đầu ra cho tôm, để dồn đống đó ăn ngán chịu gì thầu".

Má và con tin rằng, dù lần nữa rồi thì những mùa tôm sẽ tới, bác à. Nó sẽ tới để thay đổi số phận, cuộc đời mỗi người, nó tới để đỉnh đạc báo rằng, chủ trương của nhà nước mình là đúng đắn, rằng cố tích ngày xưa là có thật. Những con người lam lũ cực nhọc cả đời xứng đáng được trả công.

Hồi nhỏ tới giờ con được dạy là phải biết hy vọng, lạc quan nhìn cuộc đời, bác à.

Đất Mũi Mù Xa

M

ơi ấy, lúc đất chuyển vào xuân, phù sa bắt đầu nôn nả lấn biển, rừng mấm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Nơi ấy, những ngôi nhà đều không cửa, nhà mở toang cho gió Nam vào, chướng tới, bắc qua, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bầy cả gan ruột... Nhưng rồi đến với làn sóng di dân ào ạt, cái không cần thay đổi đã thay, còn cái cần thay đổi thì chưa đổi bao giờ. Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi...

Thỉnh thoảng anh gọi điện cho tôi từ thành phố Hồ Chí Minh, hỏi vụ con chó cò nó ra làm sao, trái giác là trái gì mà nấu được canh chua bông súng... (sao mà những gì tôi viết ra đều khó hiểu như thế không biết). Có nói gì thì cuối cùng, anh cũng gạ, hỏi rằng: "Còn Đất Mũi, chỗ đó nó ra làm sao, em hả?".

Trời, đất nước mình hẹp te vậy mà lời anh hỏi sao nghe thăm thẳm mù xa. Nhưng anh lại hỏi lầm người rồi, tôi là đứa bạc bẽo từ Đất Mũi ra đi không nhớ thương, luyến tiếc, tôi là loại người thấy nhà người ta đẹp hơn nhà mình, thấy vợ người ta đẹp hơn vợ mình, nên tôi bảo rằng, "Dạ, Đất Mũi cũng thường thôi anh". "Thường à?". Phải, thường lắm, thường thiệt là thường, tôi trả lời mà tự xấu hổ trong lòng. Về nói lại với cô em gái, em tôi la lên: "Ôi trời, sao anh không mời anh về thăm quê mình một chuyến cho biết hả anh?", đó là lúc tôi lặng đi, cái bản chất mẫn khách của người Đất Mũi trong tôi cũng đã phai rồi.

Thành ra trong câu chuyện này có tới ba người, anh, tôi và cô em gái Đất Mũi rất ri. Tôi thành nhịp cầu nối hai miền đất.

Em tôi nhắn với anh rằng, Đất Mũi thiệt tình không có núi cao, không có biển xanh, cát trắng, không cung đình cổ kính lại càng không có phố cổ đìu hiu. Đất Mũi chỉ có bùn sình, rừng thẳm và biển. Dẫu biển không xanh ngắt mà đục ngầu phù sa nhưng ở đây nhiều biển lắm. Biển đằng trước, biển bên phải, biển bên trái. Bình minh, mặt trời từ biển quấy nước ngoi lên rồi khi chiều về, mặt trời chín đỏ già nua lại ngập về biển sau một ngày tự cháy.

Bây giờ, Đất Mũi đang mùa gió chướng. Coi ra thì người xóm Mũi sướng nhất đời rồi, ngọn Nam, ngọn chướng về, xóm Mũi là nơi đón, thưởng thức trước tiên. Em tôi muốn mời anh về ngay mùa này, lúc đất chuyển vào xuân. Gió mùa phây phẩy, gió đưa trời lộng lên cao, phù sa bắt đầu nồn nả lẩn biển, rồi không lâu lắm đâu, từ bãi bồi, đất sẽ cồn lên, một rừng mắm xanh non rào rạt tiến về phía trước giữ đất lại cho người. Mùa này, ba khía chuẩn bị vào hội; không biết hẹn hò nhau từ hồi nào, ba khía tùm về xúm xít đeo trên gốc mắm, rể đước. Con nào con nấy thịch chắc nụi, gạch ứ đầy mai (nói tới đây tự dựng thêm ba khía muối ăn với bần chua cháy lòng).

Cũng mùa này, bắt đầu con nước ròng, cây đước nhón cái rể như cái nơm cao lên đến nửa thân cây, những cái rể mới thò xuống từ trong tán lá rừng xanh biếc. Nước tràn bờ bãi, người xóm Mũi bắt đầu cuộc sống rặt trên sà. Những cây đước lót sít sao nhau để làm lối vào nhà, lối qua bên hàng xóm, lối ra nhà tắm, chuồng gà. Trẻ con chạy rượt, u hơi ở

trên sàn, nhảy lò cò bên những bụi họ, bụi ớt lơ thơ trồng trong thúng. Cá thòi lòi dạn dĩ theo con nước chạy rột rẹt dưới sàn nhà, có lúc ngóc đầu lên, nhìn thom lom, ý hỏi ai đây ta, ai mà lặn lội tới xứ bùn sình rừng rú này, ai mà ngó tui thiếu điều lòi con mắt ra, lạ lắm sao?

Lạ lắm, nếu anh đến, thế nào anh cũng bảo cái mũi đất cùng trời cuối đất này sao mà lạ quá đi ?

Lạ chớ, em tôi cười, lạ từ cái cây, ngọn cỏ, vụ trái giác với con chó cò chỉ là chuyện nhỏ. Em tôi hỏi anh đã từng thấy nụ bông đậu cộ tím biêng biếc như những chiếc giày cao cổ (em bảo chắc như đinh đóng cột rằng hầu hết hoa dại ở xứ tôi đều có màu tím thủy chung), anh đã thấy những bông vệt cứng cỏi xòe chơm chớm như cái nơm cá, bao giờ kết trái, hoa lại trở thành chiếc ô che đầu, rồi những trái quao mới sinh ra đã cong cong. Em tôi vì nuôi nấng mẹ già, không chịu lấy chồng, ai tới hỏi, em đều cắc có đòi lẽ vật phải có một mâm muối tréo cánh và mâm trái quao thật thẳng (vụ trái quao này là tôi nói thêm với anh, chứ đời nào em nói). Và còn những trái được quê tôi, anh đã biết ? Từ khi còn là trái xanh lủng lẳng trên thân cây mẹ, trái được đã thẳng người trong tư thế một ngày cắm thẳng xuống bãi bùn mà không mảy may nghi ngờ, chọn lựa. (Đôi lúc trên con đường vắng chương cô độc, tôi chùn bước, em tôi lại bảo tôi phải chặt lòng chặt dạ, phải giống như những trái được ấy, lao xuống đất vắng chương bằng niềm say mê mãnh liệt nhất).

Bao giờ ngồi nghĩ thật lâu về quê nhà tôi cũng nhận ra rằng, dường như Đất Mũi thiêng lắm, nhất là khi đất biết có người ngày mai chia xa nên dưới kinh bắt đầu con nước rặt,

nước chảy cạn chỉ còn một lạch nhỏ. Quê xứ bắt đầu cồn lên những thứ mà ai cũng biết rằng không thể mang theo. Đây mùi cá khô vừa mới se se nửa nắng hăng hăng nồng nả bay vào gió. Những giàn lưới tanh mặn mùi biển cả vắt mình trên những giàn phơi. Tiếng tàu đèm ra biển rù rì. Mẻ un trên những căn nhà nhỏ bên sông tù mù cuộn khói. Món hào tái chanh, cá thòi lòi kho dưa, vọp nướng... mà em tôi đãi món nào cũng ngọt tự nhiên một cách kỳ lạ. Mới nhớ có người đã từng thốt lên chừng như cảm động không chịu được, rằng ở đây chỉ có nước biển mặn thôi, tất cả thì ngọt bùi. Người Đất Mũi sao mà hiền từ, mền khách thấu trời thấu đất vậy không biết, dường như sống giữa bao la trời, bao la biển này, người ta phải học cách thương nhau để khỏi cô độc. Làm sao tay xách nách mang những thứ này được đây, khi em gởi theo ít ba khía muối mang về, ba khía thì mang về được rồi, còn cái tình cái nghĩa của người Đất Mũi đắm sâu vậy, làm sao bỏ vô giỏ xách theo được ?

Tôi vẫn không từ bỏ câu nói của mình rằng Đất Mũi thường thoi, rất thoi, nhưng hết thảy mọi thứ ở đây đều làm cho người ta nhớ vì lạ, vì thương. Bầy dã tràng xe những hòn cát liu riu nằm trên bãi Khai Long, những bông rau muống biển mỏng tang mà chống chọi với gió trời, rập rờn tím ngát. Hòn Khoai thì xanh thắm ngoài kia với ngọn hải đăng chưa bao giờ tắt. Dường như mọi thứ ở đây đều thắm và đậm. Nắng thì lằm lì thoi là lằm lì, gió cởi mở thoi là cởi mở. Rừng đã xanh là xanh lặc lìa, một màu rời rợi. Biển đã đục là ngầu ngầu phù sa. Nước đã mặn là mặn quéo đầu lưới. Người Đất Mũi rất đã thương là thương trọn, đã nhớ thì nhớ sâu, đã sầu thì sầu dai dẳng. Hết thảy đều không thể nửa vời. Cho nên khi anh về, đừng có từ chối mà không cạn

từng ly rượu để cay xè, cũng đừng trả giá nửa ly thôi, làm lòng bà con mình buồn nghen. Mà, anh dứt khoát phải gặp em tôi một lần, cô có tất cả đặc trưng của người Đất Mũi, da ngăm ngăm, răn rỏi, mắt hay cười, em hay hồn nhiên xắn quần cao đến khỏi đầu gối lội qua kinh những lúc nước ròng, mộc mạc không giả đò mắc cỡ làm duyên...

Những năm tháng qua đi đã làm em tôi khôn lớn. Em bắt đầu biết buồn, mà toàn buồn chuyện đâu đâu không hà. Mỗi lần lên thành phố thăm tôi, em đều ngồi thừ ra, em nói, chắc mới một rồi chẳng còn Đất Mũi ngày xưa nữa. Đất Mũi của ngày em lên chín, mười, từ vàm Rạch Tàu đến tận cuối xóm Mũi thừa thớt nhà, nhưng những ngôi nhà đều không cửa. Nhà mở toang cho gió Nam vào, chướng tới, bắc qua, tầm nhìn thông thoáng, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bày ra cả gan ruột của mình mà rộng rãi, hào sảng. Tháng tám hội ba khía. Tháng chín mùa cua lên bãi. Tháng mười hội cá đường. Rừng dày rậm rạp, rừng chòm sát mé kinh để níu kéo chút hơi ấm con người. Cái hồi mà thiên nhiên ở đây hào phóng tới mức cha ông chúng tôi chắc lòng chắc dạ tuyên bố với quân thù, chừng nào "Khai Long hết xác cá đường, thì Mũi Cà Mau đó tao nhường cho bây".

Thấy em buồn, tôi chỉ cười, sao mà cô đi lo chuyện thiên hạ không vậy. Em giận tôi, em bảo, "không, đó là chuyện của quê hương, của nhà mình, của thời thơ ấu chúng mình". Em tôi nghĩ hoài, rồi sau này khi tôi đưa anh về thăm biết làm sao bây giờ, làm sao để đưa anh đến một ngôi nhà bình yên trải lòng ra như thế, với một làn sóng di cư của hàng trăm, hàng ngàn người từ nơi khác tới, người Đất Mũi khép cửa lòng tin. Người bản xứ vẫn gắn bó mình với chiếc ghe cào, ghe câu đánh bắt gần bờ; với những chân đày hàng khơi thì

những người mới đến sống bằng cách phá rừng, càn quét bãi bồi. Nên em bảo cố rủ anh về khi trở qua mùa gió chướng bởi gió Nam là mùa gió buồn nhất, mùa này, tôm cá về bãi, người mới đến thôi phá rừng mà đi đẩy te, xiệp, giăng lưới ba màng, sạt sò huyết, mò vọp, bắt cua. Những cách đánh bắt hết thảy đều mang tính tận diệt. Bãi bồi nhão như dấu chân người, vạt mắt nhỏ xíu xanh lú rú mới vừa bắt rể để lặn biển giữ phù sa đã bị càn phá giạt trôi, dấu lòng đất âm ỉ muốn sinh sôi mà chân thì không sao bước tới. S. Antov viết rằng, mỗi người có những ước mơ khác nhau nên không hiếm khi bị kịch đã xảy ra vì có số ước mơ phải hy sinh để những ước mơ khác trở thành hiện thực. Tôi nghĩ tới Đất Mũi. Ước mơ đất của em tôi, của người yêu thiên nhiên đã đau đớn gục xuống cho bầy trẻ con có tiền đi học, khạp gạo để ở góc nhà được đầy, bữa cơm không chỉ muối trắng, tối ngủ mừng lành, có mền đắp để qua mùa gió bắc năm nay...

Rồi lấm dẫm đất đã đổi thay, cái bản sắc vùng đã phai nhạt ít nhiều (em lo là không còn cái chất riêng của miền đất cuối, anh sẽ bảo anh ra Cần Giờ sướng hơn, chớ lặn lội làm chi mấy ngày đường). Lô xô những ngôi nhà tạm bợ mọc lên chen nhau bạt trống huơ cả mấy khoảng rừng. Thiên nhiên bắt đầu nghèo nàn, rách rưới, mà đất vẫn hiền như mẹ, dấu con lấm lổ vẫn ôm vào tấm lòng. Em than thở với tôi, đã có câu "nghèo cho sạch, rách cho thơm" còn sáng tác ra câu "bần cùng sanh... lâm tặc, ngư tặc" chi vậy không biết. Tôi biểu em đừng tiếc nữa mà em không chịu nghe, mới hay vừa ráo bùn tôi đã không còn là tôi nữa, chỉ có em thôi, bấy lâu nay cái không cần thay đổi thì đã thay, cái cần đổi thì chưa đổi bao giờ. Nhất là cái khoản luôn luôn

nuối tiếc những gì mình không trở lại nữa, mà, trời ơi, đời người có bao lâu đâu, không nhìn phía trước sau cứ lo ngoái lại.

Anh à, em tôi có ý nhắn hỏi anh rằng, có phải em tệ lắm không. Bởi dù gì thì hơi ấm con người đang làm cho đất thức dậy sau gần trăm năm vì sông nước chẳng chịt, vì rừng rậm hoang sơ cản đường người ta đi tới. Cuồn cuộn theo dấu chân của những gia đình di cư, là xóm chợ xôn xao, những hàng quán mọc lên. Đất cuối trời bừng tỉnh, sôi động. Những chiếc vỏ lãi cao tốc lướt băng băng trên sóng làm con đường vốn xa rờn rã gần lại. Vậy thì lẽ ra em không nên buồn, không nên tiếc mới phải ? Em đã nhắn vậy rồi anh còn chần chừ ngại ngần chi nữa mà không tới Đất Mũi hả anh ?

Để được đón anh về, có lẽ em tôi sẽ nhọc nhằn hơn nữa bởi hết lòng cố giữ những gì đáng giữ. Này biển, này rừng, này tôm cá trên bãi bồi, này tính cách hồn nhiên không vụ lợi của người Đất Mũi. Để anh có thể ngồi quây quần với bà con, đêm thức nghe gió mùa tan trong bếp lửa, bên bữa rượu ấm nồng, tôi ngồi đếm tóc anh, chợt giật mình thấy anh bạn mình tuổi đời có còn trẻ gì đâu, hú hồn, chút xíu nữa là không kịp về Đất Mũi xứ tôi rồi. Đất Mũi gần gũi vậy, sao phải mất tới mấy chục năm trời mới đến được vậy ta.

Nhưng anh biết không, đi với anh dưới ánh nắng vàng dãi, len lỏi trong những mảng rừng loang lổ, nhìn về cái bãi đất bồi hoang vắng, nếu thấy em tôi vui cười chơi chơi vậy, chưa chắc em đang thật đâu, với em tôi, Đất Mũi ngày xưa sẽ đến một ngày xa mãi.

Nếu em tôi thật sự mệt mỏi buông xuôi rồi, thì tôi biết làm sao đây anh ?

Tháng Chạp Ở Rạch Bộ Tời

J ôi viết những dòng này khi trời vừa chớm Tết, viết vì muốn ngòi bút của mình năm nay đổi khác một chút coi. Viết về danh thắng, về văn hóa mãi rồi cũng chán, tôi chọn rạch Bộ Tời, cái tên quá trời lạ, lạ hoắc, không một tiếng vang. Đất nhỏ nhoi, thân phận con người cũng nhỏ nhoi, thăm lặng những cậu tư, cậu bảy, dì ba, dì sáu... Không có ai ở ngoài cổng ủy ban nhân dân tỉnh mà gào kêu công lý, cũng chưa thấy vụ ẩu đả vì giành giật đất đai nào.

Tội cái, tôi thương cái đất này, tôi cảm ơn những cô dì, chú bác, em cháu ở rạch Bộ Tời đã bầu bạn với ba tôi trong những năm tháng ông xa nhà nằm thom lom trong căn chòi giữa mênh mông đồng nước.

Cũng có lần nghe cậu tôi trách mày đi ta bà ở đâu không hà, sao không viết về rạch Bộ Tời, tôi thuận miệng hỏi bừa:

- Ở đó có gì vui?

Cậu tôi cười, có nhà Xóm chừng mười nóc nhà, thêm mười cái chòi lá giữ vuông tôm nằm rải hai bên rạch. Rạch thì nhỏ như con mương ranh từ sông Rạch Rập chạy thẳng qua Lung Dừa. ở đây, nhà nào cũng nghèo, nghèo bằng chang nhau. Cho nên họ buồn bằng chang nhau khi gió chướng về. Cái gió làm người ta ngậm ngùi, biết sắp hết năm, thêm một tuổi, tiếc muốn chết.

Ở đó còn có người. Nhiều người. Những con người có một trắng trời mênh mông mà cả đời chẳng mấy khi thành thơ ngược mặt ngó trời. Những con người có một mùa gió tươi

bởi nhưng không một lần thở hít lấy cái hương xuân của trời đất. Ai cũng có nhà nhưng quanh năm phải dầm dãi ngoài đồng đất.

Bởi ở đó toàn là nông dân, tính luôn ba tôi. Sáu mươi tuổi không lúc nào móng chân thoi đóng phèn, không hôm nào ngoài giờ làm việc mà đôi tay không cầm cày cuốc. (Chúng tôi hay đùa là ba bị "ma rau" nó hành. Nhưng ma nào hành, tại nhà nghèo nên mới vậy, chứ không chiều chiều cầm vợt đi đánh tennis, uống vài ly bia chơi có sướng không?). Sáu mươi tuổi, ba tôi về hưu, rời chuyện chức tước, bỏ chuyện làm thơ "lá rụng nhà anh, lá rụng nhà em" qua một bên, vác lều với nồi niêu xoong chảo vô rạch Bộ Tời làm ruộng, nuôi tôm. Ba năm, chắc đất quê vợ đã đủ thành đất nhớ, nên năm, bảy bữa về thăm con cháu, chừng nửa ngày đã nhấp nhóm muốn đi.

Cái xóm rạch này làm cho người ta nhớ. Con người nghèo mà sống sạch, sống thơm. Ngành văn hóa mà sáng tác ra danh hiệu "Rạch văn hóa" thì cái xóm rạch Bộ Tời dư tiêu chuẩn. Người ta sao mà sống tử tế, tình nghĩa với nhau đã đành, còn không tham lam, kiếm đồ con mắt không ra một tên "tôm tặc" (chết, lại lạm dụng chữ "tặc" rồi). ở đó, ba tôi có căn chòi không lúc nào ngớt khách. Cô Bảy Hạnh ở thư viện tỉnh còn định mở "thư viện văn hóa... xóm" ở đó. Chòi nhỏ, có ti-vi, cassette, điện dẫn từ ngoài sông ra hai trăm hai còn chừng trăm rưỡi, bóng đèn đỏ lòm. Bình thủy để ở vách chòi luôn chứa đầy nước nóng. Trà cũng sẵn. Bánh ngọt để kể bên. Cũng ở chỗ này, một bữa sáng,

mấy ông bạn già, bạn trẻ của ba tôi chụm lại uống trà, tháng Chạp trên đường đi qua, ghé lại. Một người kêu lên,

giọng như thảng thốt, như giật mình, như hồng dè:

- Trời, mới đây mà tháng Chạp rồi, lụt lụt là tới Tết.

Mau vậy. Mau quá ha. Rồi có người thở dài, " vậy hết năm nay cũng chưa trả nợ được" .

Kìa, cậu, cần gì nói chuyện nợ, nội nghe hai tiếng tháng Chạp thôi là bao nhiêu chuyện cần làm xống xộc tới. Làm cỏ, tĩa kiếng sân trước, cọ rửa quét vôi mười mấy năm mộ sau vườn, sửa sang nhà cửa, để xập xệ vậy coi đâu có được... Rồi cũng phải đi sắm đồ mới cho tụi nhỏ, tính coi ăn Tết sao đây. Bao nhiêu chuyện đó thôi lo cũng đã bứt gân, tóc tai tới bời rồi, nhắc làm chi chuyện nợ nần từ mùa chuyển dịch.

Nhưng phải nhắc, người Việt mình với Tết giống như con rắn tới kỳ lột da, lột không được, ngắc ngư hoài, rũ không hết lo phiền, khó chịu lắm.

Nợ đã ba năm, đã tới hạn rồi, nhà nước tử tế không phải như mấy người cho vay nặng lãi kêu xã hội đen đi đòi, vì họ tử tế nên mình phải tử tế với họ. Đây đã bắt đầu mùa tôm thứ ba, bà con ở đây vẫn chưa thấy khá. Nghèo hoài. Ba tôi thắc mắc, sao không thấy cái câu " chăm làm thì được áo cơm cửa nhà" ứng vô đời nông dân ở rạch Bộ Trời ta. Ở đây, tuyệt không thấy ai biếng nhác bê tha chơi bời nhậu nhẹt, vậy mà nghèo mới tức. Đêm canh con nước khiêng máy tát ra tát vô, tờ mờ sáng ra đi đổ lú, rồi suốt ngày lụt lụt với rong, múc sình cải tạo ao đầm, trồng lúa, lúa chết thì trồng năn cho có cái tôm ăn. Quần quật tới đỏ đèn đôi chân mới ráo nước, ngồi đón coi mấy ông khuyến ngư phổ biến kỹ thuật nuôi tôm trên ti-vi, đặng học hỏi. Nhưng dụng kỹ thuật nào vô cái đất này cũng trớt quớt, tôm cũng chết

thẳng cẳng. Hết cách rồi. Đất phèn mặn, kinh lại cạn, lấy nước ngọn của sông Gành Hào chảy qua chợ Cà Mau, vô trong này đã đầy rác con người nhìn còn muốn bịnh nói chi tôm vốn đã ốm yếu, bịnh hoạn sẵn từ hồi bằng cây kim may tay.

Nên đầu năm chuyển dịch, người xóm mình hỏi nhau tôm bên đó có chết không, bộ tụi nó chết nữa hả. Năm nay hỏi khác, hết chết chưa.

Cảm giác cũng chai đi, hồi đó, tôm chết còn bàng hoàng, nôn ruột như con trai út của mình bịnh ngặt, bây giờ thì coi như không rồi. Vậy mới sống được.

Cũng như ngày xưa, lúc còn làm ruộng, nghe giá lúa lên xuống thất thường riết cũng quen. Ba tôi đọc báo cho mấy ông bạn chòi nghe, nhà nước thừa nhận, chuyển dịch cơ cấu từ trồng lúa sang nuôi tôm, cho đến nay thống kê chỉ 30% có lãi, còn lại là hòa và lỗ, ai cũng vỗ đùi khen, sao mấy ông chịu thiệt vậy không biết, chớ mấy chuyện thất bại rồi, nghe im rè, như cảng cá nè, nhà máy đường nè... Rồi ai nấy rờ rờ cái cằm, ngậm ngùi, vậy là bà con thất đều chứ đâu riêng gì rạch Bộ Tời mình.

Ba tôi xoay qua cuốc đất, trồng cà, ớt, trồng cải bẹ xanh trên bờ vuông. Ngày tưới hai buổi, hai buổi na cái thùng đi xiêu xiêu trên cánh đồng chang chang nắng gió. Ba nói : "Cực một chút vậy mà có tiền mua trà bánh" . Chị em tôi biểu ba sống khổ quá, bỏ vuông đi, ông lắc đầu, bỏ là bỏ từ mấy năm trước, sống ở trồng, quen rồi. Tao mà khổ gì, nhiều người còn khổ hơn" .

ở đây có nhà dì Ba từ Tết rồi tính lại mới bán tôm được bốn năm trăm ngàn, mấy mùa trước còn giăng lưới cá phi bán

cóc ken, mùa này không có cá mà kho quẹt. Cả nhà sống được nhờ nghề hạ bạc, chài lưới dưới rạch, con gái đi làm mướn dài dài xóm. Cậu tôi ở đầu xóm kết luận: " Xóm mình nghèo hoài là tại tội đẽm" . Mọi người cười cậu " xàm xí" (chú thích: chưa có trong từ điển tiếng Việt), hỏi đẽm gì mà có tội, cậu nói đẽm tôm. Ở đâu người ta trút lú tôm đổ cái xào vô cần xé, nhảy xoi xói chớ ở đây tội mình đến mót từng con. Vô con nước, sáng ra nghe nhà này hỏi nhà kia hồi hôm này được mấy con là rầu, sao mà nghe tiểu thủ công, nghe nghiệp dư quá, nghe là biết còn nghèo hoài đây.

Ba tôi làm thơ lại, máu thơ cũng bị nhiễm mặ, ông viết cái gì " tháng ba, con tôm co rúm dưới bùn" rồi cái gì " cả một đời lặn ngụp nông sâu" . Tôi nhớ đại khái vậy, tôi khen " thơ ba hay, thiệt là mang nỗi buồn lớn lao của người nông dân" . Ba tôi cười, hay gì, mấy ông trong Bộ Tời chê đọc nghe mùi nhưng khó hiểu quá. Cậu mày còn biểu sao không làm thơ như vậy, " bữa nay tôm chết thấy buồn. Ngày mai tôm chết lòng còn buồn hơn", coi giản dị không?

Giản dị, mà buồn. Trong những câu chuyện về cái chòi " văn hóa" của ba tôi, cậu Tư với biệt danh " Biết tuốt, (tức chuyện gì cũng biết) nổi lên như nhân vật chính. Cậu hơi lùn, dáng đi túc tặc, tóc xoăn, hàng ria mép cụt cựa mỗi khi cậu cười hì hục. Cậu nghèo nhưng lúc nào cũng lạc quan tếu, lúc nào cũng nói hơn quá lên, cậu cười nói: " Năm nay chịu khó ăn Tết bèo vậy, nhưng năm tới khác à ghen. Tôi vừa thả hai chục ngàn con tôm giống, giờ chắc còn cỡ mười ngàn, chừng tháng ba, tháng tư tôm trúng bể tay. Tôi đã mấy ông uống bia mệt nghỉ" . Trời đất, tôm lội ngoài đầm mà cậu còn biết còn bao nhiêu hao hót bao nhiêu, làm như " ở dưới" lên vậy, đúng là " tài như Sinbad" . Ba tôi hơi khó

tánh, đôi khi cũng muốn chời chơi nhưng nghĩ, cậu là nông dân, nông dân là vậy, khổ như cô Lựu mà không thôi hy vọng. Con người mà tắt hy vọng thì chết còn sướng hơn.

Nên mới vừa ngồi uống trà than thở chuyện nợ nần đây mấy cậu đã bảo nhau, thôi đừng buồn cũng sống được hà. Tết tới thì ăn Tết. Bộ hồi nào giờ hồng biết nghèo là gì sao (nông dân mà không biết nghèo, hỏi ngộ?). Thấy vậy chớ không có sao hết, mót mấy trái dưa ồm nhóm dài chẳng vì nước mặn xuống, lạng ra bỏ đường vô xào qua xào lại là có món mứt dưa rồi. Nhà tui còn bịch gừng đem lá kìa, mấy ông biểu vợ lại, tui cho. Lựu củ bự làm mứt gừng, còn lại mấy củ còi, vụn, mua thêm trái khóm vắt lấy nước ra ngào thêm được món mứt dẻo. Ráng tới con nước rằm làm gì không được mấy trăm ngàn để mua trứng, bột nướng mấy ký bánh bông lan, quan trọng là tụi nhỏ có cái để ăn, con nít mà, có ăn mới vui. Còn tụi mình ba ngày Tết có đi đâu xa đâu, lòng vòng lại nhà này chời kìa, nhậu với cá phi xé khô, xỉn nằm ngủ, gió trời còn ngon hơn máy lạnh, sướng như tiên.

Tình dậy đã là năm mới. Thấy mình tươi mới thấy bao nhiêu khó khăn trôi qua hết, thấy mình còn ngon lành, còn sức để đi tiếp cái đời nông dân khổ nhọc. Hy vọng con nước tới, lúa tôm tới lại bắt đầu. Cổ tích ngày xưa thể nào cũng có thật. Những con người lam lũ cả đời xứng đáng được trả công.

Ăn Tết như vậy, coi có phải thanh thản hơn người thành phố không. Tháng Chạp ngoài đó người ta cũng chạy tơi bời. Thấy cái gì cũng muốn mua, cái gì cũng muốn có, vật chất thiệt là cám dỗ, làm cho người ta khổ sở không ít. Cũng là dịp người ta buôn bán mà. Nội chuyện quà biếu cho sếp thôi

lo cũng ồm. Mua lạp xưởng cá khô thì sợ người ta cười cho toàn đồ bỏ. Mua rượu Tây thì chai coi không được, phải đủ cặp mà một cặp thì hết lương rồi còn gì. Chưa hết, chuẩn bị quà xong lại mất mấy ngày để chuẩn bị đem đi. Làm sao cái mặt dày cỡ ôbi bắn không lủng. Hờ vậy, có khi người ta ngó tay mình chớ có để mặt đâu.

Nên thí dụ có ai rủ đổi, người Bộ Tờ để gì chịu.

Ngủ Ở Mũi

G

iong ruồi lang thang mãi mình hóa ra người “sành điệu” lúc nào không biết. Tháng 2 quẩy túi về đồng, canh trúng mùa đìa, bắt cá lóc ký đốt rơm nướng trui ăn kèm muối ớt, uống rượu xóm Dừa (rượu Tân Lộc cũng được), dài tới tháng 4, sa mưa, ra đồng bắt ốc lác luộc với lá sà, lá ổi chấm cơm mẻ chơi. Gió chướng về đầm Bà Tường ăn cơm nguội với ghẹm muối. Tháng 10 trái mắt rụng đầy những sông những rạch ven các cửa biển, mùa săn cá dứa bắt đầu... Ăn “sành điệu” đã đành, lúc ngủ cũng đòi đi về phía biển, để ngủ ngay tại ấp Mũi, một xóm nhỏ ở cuối trời Tổ quốc.

Ở đó có những căn nhà không bao giờ khép cửa. Những căn nhà không cả vách che đặng trước, vì chẳng ai thèm tham lam của ai cái gì. Không cần giới thiệu gì cả, bản chất của xứ sở chúng tôi là đây, những ngôi nhà này. Mưa Nam hay mưa Chướng, nhà chỉ treo một cái rèm bằng mấy cái bao bố may ghép lại hoặc bằng lá chằm đóp. Không cái gì cho người ta cái cảm giác thái bình, no ấm như thế, không có gì cho ta sự gần gũi, thân thuộc như thế. Những ngôi nhà rất rộng lòng, mở trong tầm nhìn của ta một chiếc giường, một cái bàn thờ gia tiên, cái bàn trà, một bức màn vải thô hình hai con chim loan đậu trên cành trúc, thấy nhà nó hợp với con rạch này làm sao đâu, vì khi nước ròng rạch cũng cạn lòng, phơi đáy. Nó hợp với tính cách con người của vùng đất này làm sao đâu, vì người ở đây cũng sống khoáng khoáng, cởi mở, rộng rãi, hào sảng.

Người ấp Mũi ít khi làm buồng để ngủ, buồng chỉ để cho con gái, cho những cặp vợ chồng son, người xứ biển thích ngủ đằng trước nhà, chỉ cần cái mùng, khỏi chiếu, áp cái lưng trần đỏ au xuống với sàn nhà bằng gỗ đước bóng như gương đồng; vậy là được một giấc ngủ ngon. Mà đúng là ngủ ở ngoài này thì thích không chịu được.

Nhà bao nhiêu gian thì bấy nhiêu gian đầy gió. Trong cái mùi biển tanh nồng mặn mòi của những giàn lưới phơi trên giá, trong cái mùi khói ngọt bùng nhùng tỏa ra từ mẻ ung, dường như có nhà ăn cơm chiều trễ, nghe mùi béo ngậy của cá thòi lòi kho với nước cốt dừa. Và đâu đó chắc có vài người chuẩn bị lai rai, rõ ràng là mùi thơm khô mực nướng trên lò than đang tàn.

Ngủ ở ấp Mũi có "quá trình" hẳn hoi (như quá trình công tác vậy). Bao giờ lúc chạng vạng ta cũng ngồi với nhau uống vài ly cho ấm bụng, không khô mực thì hào nướng, sò nướng chấm muối tiêu chanh. Khuya một chút, khi ngà ngà say rồi, người dưới bếp sẽ bưng lên một nồi cháo sò huyết. Trời ơi, cái mùi thơm của sò, của tiêu, của mỡ tỏi mới hít vào hơi rượu đã tan đâu hết, còn nói gì tới cảnh xì xụp húp chén cháo nóng, nó không chê vào đâu được. Xong rồi, ta quay lại uống trà.

Trà xứ biển đậm đà, nước vàng quánh, kẹo. Nên lần đầu ngủ ở ấp Mũi hẳn sẽ có người thao thức. Vì trà, vì ngủ trong phòng kín cửa với gió máy điều hòa se se quen rồi, nằm đây ngộp thiệt chớ chơi à. Còn nỗi sợ nữa, sợ bóng đêm, sợ mấy anh chàng nằm cạnh giả đồ ngủ say dịch qua để... gác chân ảnh lên chân mình. Thôi, nằm canh chừng cho chắc ăn, má dạn, thân gái dạm trường... (Lạ, ở đây người ta sống chân

thật với nhau đến mức để trống cả vách nhà, cửa cái đồ đạc cũng có mất mát gì đâu, vậy thì mắc mớ gì phải dè chừng). Gió vẫn như múa, như ca, như chạy như nấp bên ngoài cái mùng vải thơm mùi nắng. Những chiếc tàu đánh cá ầm ì chạy qua, và tiếng biển, đúng là tiếng biển lướt trên những búp lá đẫm sương trong rừng đước, rì rào rất gần. Chỉ có tiếng biển mới mênh mông một nỗi nhớ bờ như thế.

Nhưng ngôi nhà sàn không cửa lại có cái lý của nó. Để cho tiếng biển thật gần mình, cho người vợ trẻ nghĩ tới chồng đang bủa lưới ngoài khơi, cho những ông già nguôi niềm thương nhớ biển kể từ khi xa những cái đáy hàng khơi, cho những cậu bé đang tuổi nhỏ giở mơ một giấc mênh mông, tròng trành trên chiếc ghe câu giữa bốn bề biển cả.

Có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một cái chòi giữ vuông giữa cánh đồng gió tơ bời, có cái gì đó như không giống. Phải chăng, ngủ ở đây, gió có vù vụt, cồn cào ta cũng không thấy lạnh, bởi đây là nhà, một mái nhà mang đầy đủ ý nghĩa của nó, có khói mẻ ung, có những hơi thở nhẹ, có con gà đứng trên ngọn cây mằm gáy le te.

Cũng vì vậy mà có cái gì đó giống như ta đang ngủ ở trong một căn chòi ngoài đáy hàng khơi, lại vừa không giống. Vẫn gió mang cái hơi nước mặn mòi, vẫn tiếng biển ì ầm nhưng thiếu cái yên ả, êm đềm thâm nâu của đất.

Tự dưng thấy coi thường cái câu "Ở nhà Tây, ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật" (không biết có bị A.Q của Lỗ Tấn nhập không?), làm nghề viết lách như ta coi bèo bèo vậy chớ "sành điệu" thấu trời.

Xa Đầm Thị Tường

M

ình ngờ ngờ là mình đã quên cái gì nơi ấy. Lục lạo lại thì đúng là mình có bỏ lại cây bàn chải đánh răng. Nghĩ lại, cây bàn chải đánh răng thì nhằm nhò gì, mà mình bứt rút khó chịu như vậy. Mình vẫn còn cảm thấy bỏ lại một cái gì đó, khác hơn và lớn hơn, sâu đậm hơn nhiều.

Vậy thì có phải mình để lại Thị Tường một mùa gió chướng không?

Là vì? Mình về Thị Tường ngay đầu mùa gió. Chướng về lặng lẽ, nửa đêm nghe hây hây trên da, trên tóc. Nằm trong căn chòi giữ lú giữa đầm nghe gió lạt xạc trên nóc. Mấy cái đuôi lá xao xác, nước biển như chỉ chờ có vậy, chạy từ cửa sông ông Đốc qua kinh sáng Bà Kẹo, le liếm lan vào dòng ngọt. Thức dậy ngậm một ngậm đã nghe mặ cứng môi, vậy mà hôm qua mình còn lấy gáo múc lên rửa mặt. Nước đang lợn cợn đục bồng trong vắt, phớt đỏ, người ta chếp miệng, "Mới đây là nước "chè chè" rồi". Chim én không biết về trước gió hay sau gió mà đậu chiu chít trên mấy đồng chà. Nghe gió về, người Thị Tường hy vọng rất nhiều, rất nhiều mùa tôm cá đang đi tới.

Người Đầm Thị Tường làm lúa suốt năm nhưng trúng mùa nhất là vào giờ này. Lúa ngoài đồng sau đang xanh lá, có vạt trổ đòng đòng đất, chờ ngọn gió lao rao lạnh là đốn tre xuống lú. Miệng lú rộng tròn như miệng thúng, rộng hơn một tí, bao quanh bằng lưới. Lú giăng ngang Đầm, miệng nằm giữa hai cái ven lú nào cũng hướng xuôi theo con

nước đón luồng tôm. Con tôm ngộ lắm, tụi nó lội ngược, thấy ánh đèn treo trên đầu lú, tôm de dít vô. Không thể đếm có bao nhiêu ngọn đèn trên Đầm vào mùa này. Nhưng người Thị Tường biết rành lắm kìa, ngọn đèn kia là của một đôi vợ chồng son, đem theo là để xem lại album ảnh cưới, và tối nay đã có một vạt đèn vừa tắt ngấm của một cụ già nhất xóm chiều hôm qua đi vào cõi vĩnh hằng. Thị Tường trút bỏ vẻ lãnh đạm, ơ thờ ban ngày để trở thành một thành phố đêm rực rỡ. Thành phố của những người làm nghề hạ bạc. Những ngọn đèn chong mắt thức sáng đêm. Những ngọn đèn đứng yên mà như hấp háy trôi mãi, trôi mãi. Ưng mờ mờ những khuôn mặt người nhòe trong bóng nước. Thất tình cũng không thêm buồn. Cuộc sống đẹp thế, vui thế cơ mà.

Mình tiếc sao năm ngoái, không về mùa này, về ngay gió này. Khi đêm hoa đăng không mặc cảm với trăng đã từ từ giếng giăng sáng mặt Đầm. Mình thả xuống ra đó chơi.

Ra Đầm, mình sẽ thấy mùa xuân đang tiến đến gần hơn bao giờ hết. Bờ lá dừa nước xa xa, mờ mờ sẫm. Bầu trời xa lắm. Mặt nước mênh mông. Mình cứ nắm soãi chân, tay gối đầu lên sạp xuống, cần gì khua đũa, gió đẩy mình đi, linh đình trong lòng nước. Sóng vỗ lốc bóc vô mũi xuống. Dạt xa bờ, gió không khuấy rặng dừa nước dày bịt, nên sóng cồn cào, nằm trên sạp đóng băng gỗ cau lão, nghe sóng nháy nhót hấp hé be xuống. Đầm Thị Tường bao đời nay không sâu lắm, nước có chỗ le đé ngực, có chỗ chỉ đém lưng quần, tại gió thổi mà hôm qua chiếc xuống buộc ngang hông chòi, bị sóng đánh chập chĩa một hồi, chìm lìm, còn dây buộc vướng lại nên cái mũi ngóc lên trời.

Tại gió mà có nhiều đêm không đốt đèn được, gió thổi phù phù. Gió giật hiu hút. Gió tháng Ba mang hương cà bắp, mùi hương dân dã bay ra từ bờ lá đang trở rộ lưỡi mèò phèn. Gió tháng Sáu mang từ trong xóm quê mùi rạ tươi thơm, mùi rơm giòn đượm. Gió tháng Chạp bắt ngát hương nếp mới, nghe rõ ràng nhịp chày hì hụp quết bánh phồng, những nhịp chày ròn rã. Những chiếc đệm, chiếc chiếu trải rộng trước sân nhà, dưới nắng phơi bánh phồng vàng óng màu mật ong.

Tại gió này nước cũng ngấp nghé lên. Không sôi réo ồn ào mà lặng lẽ. Rất lặng lẽ. Đêm ấy, nằm chò co trong chòi mà đang mơ thấy một người, nghe lưng dựng không lạnh ngắt. Lớ ngớ bò dậy thì nước lên đã ướt đầm lưng rồi. Cái cà ràng chị mình để trên sà đang nấu cơm buổi sớm ngập nước rã ra làm ba mảnh. Chị mình buồn lắm, không biết có phải tại cả nhà bữa này ăn nôi cơm nửa sống nửa chín hay tại thương cho số phận ba ông Táo, nông nổi như vậy mà còn phải chia xa.

Nhưng mình vẫn còn quên cái gì ở đó vậy cà?

Không, mình có đem về quà xứ Đầm. Mình nhớ lời chị T. nói hôm trước. Chị ngồi tả, vừa tả vừa chắc lưỡi ngọt sốt: "Trời ơi, giữa trưa mà ăn cơm nguội với ghẹm muối còn gì bằng, mà phải muối cho thật mặn nghe,(chắc lưỡi), ăn đã dữ lắm. Còn mắm thì làm hai món: nấu ninh lược nước làm lẫu, ăn với cá rô, cá phôi, khổ qua, rau thì có rau đắng đất, cải xanh... mắm chua thì ăn sống. Mắm cá nâu ác bống nhỏ tẩn mẩn để nguyên con, trộn gừng, đường cát, vắt tí chanh. Gắp một con mắm cặp với chuối chát, khế xắt lát mỏng

dính mà ăn, (chắc lưỡi), nó ngon hông biết làm sao mà nói. Vừa chua vừa ngọt, vừa chát vừa cay, tả một hồi bắt thèm”.

Mình nghe chị tả, hiểu lòng chị, xách về khệ nệ nào mắm, nào ghẹm. Ở Đầm, vào mỗi con nước rằm hay ba mươi, ghẹm nhiều vô số. Lớp vô lú, lớp bu đầy bập dừa thả lênh bênh ngắm trời chơi. Ở Đầm người ta cầu kỳ ghê lắm, muối toàn là ghẹm cái, loại nhiều gạch nhất, ăn vừa mặn lưỡi vừa béo ngậy. Rồi hỏi về mắm, dù mùa cá hội đã qua lâu lắm rồi nhưng nhà nào cũng còn hũ mắm chưa giỡ, chỉ cần hé cái nắp đậy một chút đã nghe thơm lừng lựng mũi. Cái xứ ngộ, con người nhiệt tình, chưa kịp nói gièm thì đã dúm vào giỏ biểu mang về rồi. Tình thật, mình muốn mang về đâu phải bao nhiêu đó. Một buồng dừa nước cơm thơm, con cua gạch son, một mớ tôm bạc, tôm càng, một con cá dứa... cho bạn bè mình biết cái xứ mình hào phóng cỡ nào. Cho những người xa Đầm Thị Tường nhớ đến ứa nước mắt khi nhìn tại những món ngon năm cũ.

Có rất nhiều người từ Đầm Thị Tường ra đi. Đây Tân Phong, Đất Cháy, Kinh Một, Hai, Ba, Tư, Vịnh Dừa, Giáp Nước. Bà Ký, Thọ Mai, Vịnh Trăn, Mũi Mắm... những cái xóm nhỏ bình thường, cái tên cũng bình thường nhưng là vùng căn cứ nổi tiếng thời chống Pháp, Mỹ. Xứ ủy Nam kỳ ở đây, Tỉnh ủy nằm ở đây, các báo kháng chiến nằm ở đây, Xóm làng che chở. Trực thăng, máy bay địch không biết bắn phá ở đâu chiều về queo lại Đầm xả bom đạn chơi vậy, cũng không cần mục tiêu gì, bỏ xuống cho nhẹ lái, vì khát máu nên họ thấy cái đẹp mà không biết nâng niu, cảm nhận.

Hồi đó sao người ta thèm nhiều chuyện “độc” vậy không biết. Thèm buổi sáng ngắm mặt trời mọc từ Đầm, buổi

chiều khập khựng úp mặt về mũi mắt cuối Đầm, thềm nhìn một bầu trời tinh tươm không bóng bầy ác điều đen xì. Thềm thả xuống ra Đầm, mang theo một ít ghem muối nguyên con, thịt non mềm, một tay cầm củ gừng một tay cầm con mắt cứ cắn gừng một miếng, cắn mắt tọt miếng mà lai rai dưới trăng. Có cầu kỳ gì đâu, có đòi hỏi gì cao sang đâu mà vì bom đạn chiến tranh vẫn không làm được.

Bây giờ những người từ Đầm Thị Tường ra đi có còn nhớ không? Đất và những con người hào sảng đậm chất Nam bộ. Đàn ông nhậu một mâm thì đàn bà cũng một mâm. Đàn ông say thì ca vọng cổ (đôi khi cũng buồn tình đập chén, đánh vợ không kể), đàn bà say chỉ nháy múa cho vợ hơi rượu đi. Người dân móc ruột mình ra mà nuôi cán bộ, sống chết với cách mạng. Không đếm được bao nhiêu hy sinh mất mát của người dân xứ Đầm. Rồi có còn nhớ không những cơn gió?

Mình vẫn còn thấy quên, thấy xon xót trong lòng, có phải vì một bờ lá ven đầm bắt đầu nham nhở... Đứng bên này bờ Đất Cháy đã nhìn thấy lồng lộng những mái nhà trắng xám phía bên kia Phú Mỹ. Người dân phá lá ngoài Đầm, phá vườn trong xóm làm ruộng, nuôi tôm. Những rặng dừa nước giao ngọn, âm u hoang sơ ngày xưa đã mất. Mình đứng tiếc. Có phải vì mình "văn nghệ" quá không? Có phải mình phi thực tế không?

Đầm Thị Tường vẫn là vùng nước mênh mông, vẫn như trái tim nổi những mạch máu kinh rạch đi trăm ngả. Ừ, nhìn qua thì cũng như ngày xưa. Nhưng không, ngày ấy ông cố mình sinh ra mười người con, ông ra Đầm cắm đặng đặt đó, vậy

mà thành thơi, mười anh em của ông nội mình cùi cùi khôn lớn, dựng vợ gả chồng và mỗi người lại sinh ra một đàn con khác. Ông nội mình lại ra Đầm, bắt đầu dầm dãi, nhọc nhằn. Đến đời ba mình thì không còn những mẻ tôm nặng ký. Chuyện cá tôm nhiều vô kể quanh năm, chuyện một chiếc xuồng con với vài tay lưới có thể nuôi cả nhà đã quá xa vời. Chuyện xuồng đi tới đâu, đàn cá nước đuổi theo đến đấy, dường như chỉ là cổ tích.

Ngày trước cứ năm trăm mét là một hàng lú, bây giờ là một trăm, những nò, những chà,... lưới chi chít mặt Đầm như một ma trận. Tôm cá thiên nhiên cạn kiệt. Mình xin mọi người đừng trách cứ Thị Tường ở bạc. Chúng mình thở gió Đầm, ăn con tôm, con cá trong Đầm, mặc cái quần, cái áo, từ Đầm mà lớn lên. Mai một này chúng mình tại vất kiệt sức thiên nhiên để nuôi đám con chúng mình khôn lớn y như vậy.

Mình sợ ngày ấy, Thị Tường sẽ khác bây giờ. Nuôi tôm có thể nhiều nhà ngói, nhà lầu, có thể nhiều tiện nghi hơn bây giờ. Và vườn dừa cao vợi trong xóm không còn nữa, rặng dừa nước bao bọc ôm ấp con Đầm, nơi con cá kéo chạy giỡn rượt nhau, con tôm bạc ẩn mình... không còn nữa. Con người tự bào chữa, trấn an mình, tại không sống được vào nó nữa rồi chớ nào muốn làm cho vùng Đầm đánh mất nét duyên dẻ bao đời.

Mình sẽ trở lại Thị Tường, đứng bên bờ xáng, nơi có bụi ô rô lá võ vàng. Mình đứng đó trong lồng lộng gió, gió không hương. Mình đứng đó trong vàng dãi nắng, nắng cô hồn.

Mình sợ phải nhìn thấy Đầm Thị Tường vốn từng nhớ thương sâu sắc trong lòng đưa tay vẫy cái chào xa mãi.

Một Mái Nhà

Một bữa trên đường gánh trái cây đi bán dạo, con Bèo gặp tôi, mừng quá, lâu lắc quá chừng rồi, Bèo rồi rít mời tới nhà chơi, mà, cái giọng của con bạn, trời ơi, nó tươi rói, giòn tan, sung sướng, tự hào. Bèo dẫn vói theo cho tới khuất người khuất bóng mới thôi, "Nhớ ghen, Tư, rảnh vô nhà tao quậy cho đã một bữa, muốn chiên bánh xèo cũng được, không thì tụi mình nấu chè khoai môn ăn". Rồi nó cười hực hở, rạng rỡ, như thể nhà nó là một thiên đường.

Ai mà dè nhà nó nằm tuốt trong con hẻm Cỏ sau lưng siêu thị. Đó là một con hẻm dài, hẹp te, tối tăm, sinh bùn ọp ẹp, ngoa ngoắt ngoắt trái ngoắt phải, mỗi lần ngoắt thì nhà cửa hai bên lại nhỏ đi một chút, làm người ta tuyệt vọng đi một chút, điều này, tới cuối hẻm, chắc nhà chỉ còn bằng cái miếu ông Tà. May, nhà của con Bèo cũng không tệ đến mức vậy.

Tổ ấm đó đủ để một bàn thờ kê trước chiếc giường đôi, còn thừa một chỗ trống để giăng chiếc võng sát góc nhà. Phía sau có kê tấm dal làm bếp, gần đó đặt cái bàn ăn cơm nhỏ xíu với hai chiếc ghế ba chân để đầu cũng lún vì nền đất ướt chèm nhẹp. Vách nhà được dựng bằng những tấm kẽm đã phơi bản ở nhà in (chồng nó làm việc ở đó), chi chít thơ. Hỏi con Bèo thơ viết gì, nó cười, "Mầy biết mà, tao học tới lớp sáu là nghỉ ngang, chữ xuôi đọc còn trậm trầy trậm trật nói chi để chữ ngược ngạo vầy..."(tội nghiệp, sống giữa thế giới thơ mà không tận hưởng được). Mái lợp bằng lá cũ mềm,

ngựa cổ đã thấy lấp lánh trời sao. Nước bung ra để cái cộp, khách chưa kịp uống lá mục đã rót vào, nên nước nghe thơm mùi lá lăm. Con Bè cười, "Chồng tao ảnh nói để lãnh lương tháng này mua lá lợp lại, chớ đâu có để vầy hoài".

Tôi tới chơi một lần, tự dưng nghe buồn, nghe thất vọng quá trời đất, nghe trong lòng có một chút ghen hờn. Con Bè học hành lổ đở, nghề nghiệp cũng chẳng cao sang, sao nó lại ngộ chữ "tri túc", còn mình thì không?

Tôi cũng có nhà, lớn hơn một chút, đầy đủ tiện nghi hơn nhưng chẳng bao giờ tôi biết hãnh diện về nó. Nhiều lúc bạn bè nói dèm, bảo để tới nhà nhỏ Tư chơi, tôi bàn ra, "Nhà em khó kiếm dữ lắm mấy anh ơi". Bạn gạt phăng đi (vì thương tôi quá mà), "không sao, khó mấy có lòng cũng tìm ra", tôi rồi beng trong bụng, giả đồ nín thình như người điếc, nghĩ thầm, nhà mình thấy ghê...

Nhà tôi nằm ngang chợ phường, quay lưng với sông, ngựa mặt đón bụi đường, trong nhà không lúc nào ngớt tiếng xe, tàu chạy (tôi ngồi viết văn ở đó, giữa tiếng động chói gắt khủng khiếp của tàu xe, tiếng nhạc nhùng nhằng từ xe kéo kéo, tiếng những người đàn bà bên chợ cá cự cãi nhau). Đứng ở đằng trước thấy thông thoáng đằng sau, tuềnh toàng một cái bếp thấp tè, chiếc máy giặt cổ mỗi lần giặt rung cà cồng cà cưỡng (có người còn đề nghị cho mượn để ... cầu số). Chen giữa lối cầu thang lên gác xép với nơi để máy vi tính là cái bàn ăn, (nên ngồi một chỗ, tôi có thể vừa truy cập Internet, vừa... ăn cơm, hoặc quay lưng lại xem ti vi). Trên vách lỏng chỏng nôi niêu xoong chảo, lọ nghệ ám đen, dài theo đó đóng ba bảy hàng đinh, treo lủ khủ những thứ mà ở dưới đất, không có chỗ cất. Đồ đạc bằng cây thì cũ kỹ,

gậy bản lề, bằng kim loại thì sét nghệt, thấy rầu. Đụng tay vô đâu cũng gặp bụi, lau hôm trước, hôm sau bụi lại đầy, mùa gió nam hay gió chướng, trước nhà cũng tả tơi giấy vàng bạc, vỏ trà. Buổi trưa đi làm về lại lính quính chạy đi, hỏi làm gì gấp, bảo chạy về thăm ngoại (nói vậy cho nó ... tử tế, chớ không lẽ nói "dzọt" vô trong ấy để ngủ, ở đây nóng quá, chịu gì thâu).

Tôi chỉ nhớ nhà những lúc đi xa, đi lâu (cái chính là nhớ người ở lại). Ở một vùng đất heo hút nào đó, nửa đêm thức dậy, nghe tiếng gà gáy, tiếng con chim kêu thảng thốt, gió ngào ngạt hương hoa bưởi, hoa cau, tôi nhớ tổ ấm của mình, giờ này ở đó chẳng có gió máy gì đâu, thảng nhóc ở cạnh nhà chắc là đang chạy rầm rầm trên gác (e là nó đã bị hồng đồng hồ sinh học), những người phục vụ quán nhậu bên kia đường đang dọn dẹp, tiếng chai rỗng vọng xuống đáy thùng côm cốp, rồi tất cả đều im lặng lại, nhường cho tiếng chổi đêm xao xác. Tôi chân thành cảm ơn những cuộc đi xa, nó làm cho tôi biết nhớ nhà, ờ, miễn là nhà - của - mình, thôi thì, sao cũng được.

Một bữa trèo lên tầng thượng cao ốc ngân hàng, tôi nhìn về phía nhà, nghe gió thổi qua mặt, gió tràn vào lòng, nhận ra nhà của mình nhỏ nhoi, chật chội quá trời đất, gì mà mái nhà hẹp te như chiếc chiếu bông (Rõ ràng là người ngồi trên cao sẽ nhìn đời bằng đôi mắt khác). Úi cha cha, không biết chừng nào mình mới có được một căn nhà đủ rộng, có cửa sổ đón gió và nắng trời, có cái sân trồng giàn bông giấy, có phòng riêng cho con (thì cũng phải sinh con chứ, chừng vài ba đứa), có chỗ cho tụi nhỏ đạp xe ba bánh chở nhau, trên vách treo tấm hình đám cưới, treo cái gương dài để mặc đồ mới đứng ngắm nghĩa chơi. Ở đằng trước đủ rộng đặt bộ

ghế sa lông cho khách ngồi, khoe cái kệ chạt những sách, báo; ngoài sau đủ sáng để bày biện nấu nướng cúng giỗ cha mẹ chồng, sau nữa là mảnh đất nhỏ trồng cải, ớt, hành, vài thứ cây ăn trái như ổi, cóc, xoài... hết mảnh vườn của má, rồi chim về chim hót, rồi gió về gió thơm mùi cỏ mùi cây... Tôi sẽ mang đá sỏi, rơm rạ vào nhà, nuôi cá lia thia, thả bèo vô chậu, ở chỗ cái hồ dưới giếng trời tôi trồng bụi năn, bụi lác, bụi bông súng quê nghèo. Đất có hơi hẹp khổ, nhưng không sao, tôi sẽ xây nó lên cao, cho ai đi qua tới đây cũng phải xững vững, ngạc nhiên kêu lên: "Nhà của ai mà bảnh quá ta?" (Lúc đó tôi sẽ ưỡn ngực ra mà rằng: "Có ai trồng khoai đất này, nhà Tư tui chớ ai"). Nhưng chừng nào thì mình mới có được một cái nhà như vậy kìa, biết chừng nào, chừng nào, chừng nào?

Câu hỏi đó cháy bỏng trong lòng. Chạy xe ngang qua nghĩa địa Triều Châu, tôi tần ngần ngó những ngôi mộ nằm chen chúc trong nắng chiều, nghĩ người chết rồi, nằm thẳng cẳng không biết trời trăng gì rồi mà xây cất chi cho long trọng vậy không biết, phải chi... Nhận tiền nhuận bút được một trăm hai chục ngàn mua sách hết một trăm, tôi buồn thiu thiu, vậy là xong hai bao ximăng, mất trăm rưỡi gạch, bay vèo một mét khối cát, thấy mình tuyệt vọng một chút. Có lần đi công tác, đứng trong nhà vệ sinh khách sạn, chục nghẹn ngào, trời ơi, chỉ chỗ này thôi còn sang trọng hơn, đẹp hơn nhà mình nữa. Rồi tới chiêm bao tôi cũng thấy căn nhà mơ ước, nhưng vĩa vừa tới cửa, bỗng còi rúc liên hồi, giật mình tỉnh giấc, nghe xà lan ngược nước ràn rạt đi qua, nhớ giấc mơ dang dở, tôi tiếc quá chừng...

Con Bèo nghe chuyện, nó cười quá trời đất, nó nói tôi "điên nhà", nó cười mà lòng nó đau như thắt, nghĩ tội nghiệp cho

con bạn nông cạn, đại khờ. Mấy cô bạn ở sát nhà nó cũng qua chơi, cũng rười rượi, bảo " Không phải có nhà cao cửa rộng là hạnh phúc đâu, mấy thằng đàn ông hay rủ tụi tui tới nhà tù ti tú tí, thằng nào cũng giàu (không giàu sao có tiền bao gái?). Con Bèo giải thích với tôi, "tụi nó bán bia ôm". Rồi một mai khi son phấn rã rời, khi ngày cùng đêm tận, có mái nhà nào đón họ về không (dù bé bỏng, chật chội như tổ ấm của con Bèo)?

Vậy thì cảm ơn Bèo lắm lắm, con bạn nghèo ơi! Nhờ gặp ở đây, giữa xóm lao động này, nhờ ánh mắt nụ cười của bạn, tôi ngộ ra rằng, hạnh phúc không ở những ngôi nhà sang trọng, tự mình thấy đủ, dù chòi tranh vách lá, dù ở dưới dạ cầu, cũng vui. Có những ngôi nhà cao rộng mà lạnh lẽo, vô hồn, có những mái lá đơn sơ mà nồng nàn, đượm khói. Ô la la! Gặp mưa giữa đường, có chỗ ta về, có người đưa tấm khăn để lau tóc ướt, là "đã" lắm rồi, đừng có lãng mạn mong ước xa vời.

Tôi về đứng trước cửa nhà mình, ngơ ngác yêu thương như con chim lâu lắm mới tìm lại tổ. Nỗi vui cồn cào tới mức muốn mời ai đó tới nhà chơi ngay bây giờ, ngay lúc này. Tôi sẽ vén mớ đồ đạc bệ bộn ra (như khoả mặt ao bèo), mời bạn ngồi (và biết khi bạn đứng lên ra về, nó sẽ bừa bộn như cũ, giống hết bèo). Nhà hơi tối, hơi ngộp, đừng lo, tôi sẽ mở cửa sau, nhìn ra sông nước rập rờn, nắng bùng qua cửa, gió phơ phất từng cơn, mát rượi. Chúng ta sẽ ngồi ở đó, cắn hạt dưa, cười tởm mở, nói những câu nói thật lòng, đùa những lời ý nhị. Chúng mình ngồi ở đó, ngó về sông, kia những chiếc ghe khảm lừ chờ mấy con chó nghinh mặt sữa vang trong buổi chiều đỏ thắm, hỏi người cầm lái, nhà anh là chiếc ghe nhỏ đó hay nhà anh vẫn còn xa, xa gái?

Giờ đó, sâu trong hẻm Cỏ, chắc con Bèo đang nhen lửa,
chồng nó vo cơm...